HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 91/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 611/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Tiên Lữ là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 20:51:04

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TIÊN LỮ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /ĐA-UBND	*Tiên Lữ, ngày 26 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN

CÔNG NHẬN XÃ TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

******

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết công nhận xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

Xã Tiên Lữ nằm ở khu vực trung tâm của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 13 km. Tiên Lữ có vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông liên huyện và liên vùng của tỉnh. Trên địa bàn và khu vực phụ cận có các tuyến giao thông quan trọng kết nối với thành phố Hưng Yên, Tiên Lữ, Ân Thi và các khu vực khác của tỉnh. Đáng chú ý, tuyến ĐT.376 được quy hoạch kết nối từ QL.5 đến QL.39 tại khu vực Tiên Lữ, với quy mô quy hoạch đường cấp I đồng bằng, 6 làn xe; đây là tuyến có ý nghĩa tăng cường kết nối khu vực phía Bắc - phía Nam tỉnh. Bên cạnh đó, tuyến tránh QL.38B qua địa bàn Tiên Lữ được tỉnh triển khai chủ trương đầu tư, kết nối từ khu vực ĐH.72 đến ĐT.376 và tiếp tục kết nối về phía Tiên Lữ. Khi được đầu tư hoàn chỉnh, hệ thống này sẽ tăng năng lực lưu thông hàng hóa, giảm áp lực giao thông trên các tuyến hiện hữu và mở rộng không gian phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ của xã.

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vùng Tiên Lữ được định hướng phát triển tổng hợp đa ngành, bao gồm dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và nông thôn; đồng thời có hệ thống hạ tầng dịch vụ hiện đại, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với thành phố Hưng Yên. Khu vực Tiên Lữ còn được xác định là không gian dự trữ cho sự phát triển của thành phố Hưng Yên, góp phần mở rộng không gian đô thị và tạo động lực phát triển về phía Đông - Nam của khu vực trung tâm tỉnh.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội trên địa bàn xã có bước phát triển tích cực; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, quá trình tập trung dân cư và hình thành các khu vực dân cư có tính chất đô thị ngày càng rõ nét. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư, gồm giao thông, cấp điện, cấp nước, trường học, cơ sở y tế, văn hóa - thể thao, thương

mại - dịch vụ và các công trình phục vụ dân sinh. Diện mạo khu vực trung tâm xã và các trục đường chính từng bước được chỉnh trang, tạo lập không gian kiến trúc cảnh quan ngày càng khang trang, hiện đại.

Việc công nhận xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III là cần thiết, phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn mới, đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và phát huy vai trò của Tiên Lữ trong không gian phát triển phía phía Đông - Nam. Quy mô dân số và không gian lãnh thổ tương đối lớn là điều kiện thuận lợi để tổ chức các khu dân cư tập trung, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hình thành không gian đô thị đồng bộ.

Trong quá trình đô thị hóa, Xã Tiên Lữ đang đứng trước yêu cầu phải chuyển đổi phương thức phát triển từ khu vực nông thôn sang mô hình đô thị hiện đại, đồng bộ và bền vững. Việc công nhận là đô thị loại III sẽ tạo cơ sở để tập trung và huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn; nâng cấp hệ thống điện, chiếu sáng, viễn thông; phát triển cây xanh, công viên, không gian công cộng; đồng thời hoàn thiện mạng lưới công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và thương mại – dịch vụ. Đặc biệt, cần ưu tiên chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, nâng cao chất lượng nhà ở, cảnh quan kiến trúc và môi trường, từng bước hình thành các tuyến phố văn minh, khu dân cư xanh và không gian đô thị có bản sắc.

Việc công nhận Tiên Lữ là đô thị loại III còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch và xây dựng, kiểm soát sử dụng đất, hạn chế phát triển tự phát, bảo vệ cảnh quan và các giá trị văn hóa – lịch sử; tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân. Đồng thời, đây là động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng thương mại – dịch vụ và công nghiệp, nâng cao năng lực cung cấp các dịch vụ đô thị cho khu vực.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,... Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển đô thị Tiên Lữ năm 2025, đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận là đô thị loại III, hướng tới thành lập phường trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của

tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Căn cứ pháp lý lập đề án

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 133/VBHN-VPQH ngày 03 tháng 9 năm 2025);

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH14 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-VPQH ngày 13 tháng 3 năm 2026);

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

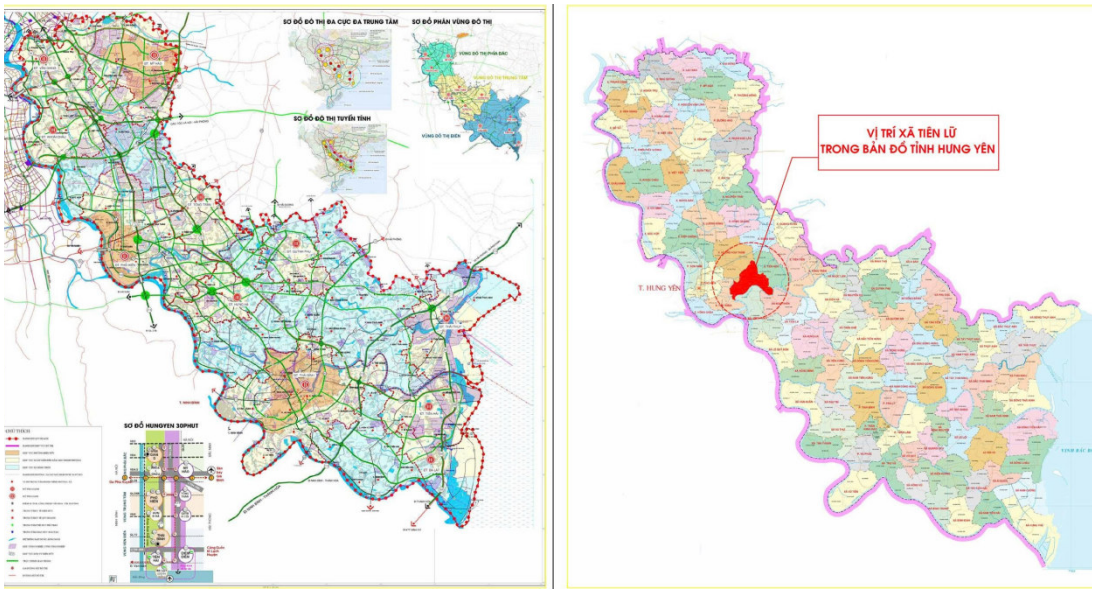
- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Các văn bản khác có liên quan.

3. Phạm vi lập đề án

Phạm vi lập Đề án công nhận xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Tiên Lữ. với tổng diện tích tự nhiên khoảng 19,56 Km^2 và quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 27.305 người. Ranh giới khu vực lập đề án cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Tiên Hoa;
- Phía Tây giáp xã Tân Hưng;
- Phía Nam giáp xã Long Hưng và xã Ngự Thiên;
- Phía Bắc giáp xã Hoàng Hoa Thám.



Hình 1: Sơ đồ vị trí ranh giới xã Tiên Lữ trong tỉnh Hưng Yên

PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển xã Tiên Lữ

Theo những nguồn sử liệu cổ xưa, mảnh đất Tiên Lữ có từ rất sớm. Thời các vua Hùng dựng nước, vùng đất này thuộc quận Giao Chỉ rồi Giao Châu vào đầu thiên niên kỷ trước. Thế kỷ thứ X, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán. Thời Tiền Lê nằm trong Khoái Lộ. Thời nhà Lý chia cả nước thành 24 lộ, thuộc lộ Khoái Châu. Đời Trần Thái Tông (năm Nhâm Dần 1252) gọi là huyện Tiên Hoa thuộc phủ Khoái Châu. Thời Hậu Lê gọi là huyện Tiên Lữ phủ Khoái Châu. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469) là huyện Tiên Lữ thuộc Sơn Nam.

Năm Cảnh Hưng thứ hai (1741) huyện Tiên Lữ thuộc phủ Khoái Châu vùng Sơn Nam Thượng. Năm Minh Mạng 12 (1831), triều đình Huế thực hiện một cuộc cải cách hành chính lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, trong đó có việc xóa bỏ các đơn vị tổng, trấn,... và chia cả nước lại thành 30 tỉnh. Tỉnh Hưng Yên được thành lập gồm 02 phủ: Phủ Khoái Châu (Đông Yên, Kim Động, Ân Thi, Tiên Lữ) và Phủ Tiên Hưng (Thần Khê, Hưng Nhân, Duyên Hà, Tiên Lữ). Lúc bấy giờ, Tiên Lữ là một huyện thuộc phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Tiên Lữ là 01 trong 09 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Tiên Lữ thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 58-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Tiên Lữ và huyện Tiên Lữ thành một huyện lấy tên là huyện Phù Tiên. Ngày 07/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 57-CP về việc thành lập thị trấn thuộc huyện Kim Môn và huyện Phù Tiên thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Khu vực huyện Tiên Lữ lúc bấy giờ thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/02/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc chia huyện Phù Tiên, thành lập một số phường, thị trấn thuộc thị xã Hưng Yên và huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Phù Tiên thành huyện Tiên Lữ và Tiên Lữ. Lúc bấy giờ, huyện Tiên Lữ với 22 ĐVHC cấp xã và là 01 trong 07 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, trong đó có khu vực xã Tiên Lữ ngày nay. Ngày 23/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã, thành lập phường và điều chỉnh địa giới hành chính các phường thuộc thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, điều

chỉnh toàn bộ: 541,12 ha diện tích tự nhiên với 8.913 nhân khẩu của xã Trung Nghĩa; 534 ha diện tích tự nhiên với 6.676 nhân khẩu của xã Liên Phương; 362 ha diện tích tự nhiên với 4.034 nhân khẩu của xã Hồng Nam và 830,30 ha diện tích tự nhiên với 7.540 nhân khẩu của xã Quảng Châu của huyện Tiên Lữ về thị xã Hưng Yên quản lý.

Huyện Tiên Lữ còn lại 9.242 ha diện tích tự nhiên và 104.072 nhân khẩu; có 18 ĐVHC trực thuộc gồm các xã: Hưng Đạo, Ngô Quyền, Nhật Tân, Dị Chế, Lệ Xá, An Viên, Đức Thắng, Trung Dũng, Hải Triều, Thủ Sĩ, Thiện Phiến, Thụy Lôi, Cương Chính, Minh Phương, Phương Chiểu, Tân Hưng, Hoàng Hanh và thị trấn Vương. Ngày 06/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 95/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Kim Động, Tiên Lữ để mở rộng địa giới hành chính thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, điều chỉnh 1.455 ha diện tích tự nhiên với 15.049 nhân khẩu của huyện Tiên Lữ (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của 03 xã: Hoàng Hanh, Phương Chiểu, Tân Hưng) về thành phố Hưng Yên quản lý. Huyện Tiên Lữ còn lại 7.841,50 ha và 83.039 nhân khẩu; có 15 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Vương và 14 xã: Hưng Đạo, Ngô Quyền, Nhật Tân, An Viên, Dị Chế, Hải Triều, Đức Thắng, Thụy Lôi, Lệ Xá, Trung Dũng, Cương Chính, Minh Phượng, Thiện Phiến, Thủ Sỹ và tồn tại cho đến ngày nay.

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, khu vực xã Tiên Lữ lúc bấy giờ bao gồm khu vực các xã Đức Thắng, Hải Triều, Thụy Lôi, Thiện Phiến thuộc huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025.

Theo đó, thành lập xã Hải Thắng trên cơ sở nhập nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đức Thắng và xã Hải Triều. Lúc bấy giờ, khu vực xã Tiên Lữ ngày nay bao gồm khu vực các Thụy Lôi, Hải Thắng, Thiện Phiến thuộc huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thụy Lôi, Hải Thắng, Thiện Phiến thành xã mới có tên gọi là xã Tiên Lữ và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt

2.1. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị Tiên Lữ

Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và phát triển đô thị trên địa bàn xã Tiên Lữ được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm khai thác hiệu quả lợi thế vị trí, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và từng bước hình thành không gian đô thị có chất lượng.

Công tác quy hoạch và phát triển đô thị xã Tiên Lữ được triển khai trên cơ sở kế thừa các định hướng quy hoạch của huyện Tiên Lữ trước đây và cập nhật theo định hướng phát triển mới của tỉnh Hưng Yên. Xã Tiên Lữ được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập 03 xã Hải Thắng, Thiện Phiến và Thụy Lôi, có diện tích tự nhiên 19,51 km², dân số 27.405 người, tạo lập không gian phát triển tương đối tập trung, là điều kiện thuận lợi để tổ chức phát triển theo hướng đô thị.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được phê duyệt tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 02/10/2020, khu vực Tiên Lữ thuộc cực phát triển phía Nam, Đông Nam huyện Tiên Lữ cũ, được định hướng phát triển trung tâm giao thương trên sông Luộc, trung tâm nông nghiệp và dịch vụ du lịch; đồng thời phát triển các công trình công cộng, thương mại - dịch vụ phục vụ khu vực phía Tây Nam huyện. Đây là cơ sở quan trọng để tổ chức không gian đô thị và đầu tư kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

Công tác quản lý và sử dụng đất được cụ thể hóa thông qua Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tiên Lữ, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 28/6/2025. Đây là căn cứ để bố trí quỹ đất cho phát triển giao thông, công trình công cộng, khu dân cư, thương mại - dịch vụ, sản xuất và các công trình hạ tầng kỹ thuật, đồng thời kiểm soát quá trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất xây dựng đô thị.

Về phát triển đô thị, Tiên Lữ có lợi thế lớn về giao thông với Quốc lộ 39, ĐT.376, ĐT.378, đường tránh Quốc lộ 38B và tuyến đường thủy sông Luộc, tạo khả năng kết nối với khu vực trung tâm Hưng Yên và các địa bàn lân cận. Hệ thống giao thông này đang trở thành khung cấu trúc quan trọng để mở rộng không gian đô thị, phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp và logistics.

Quá trình phát triển kinh tế tạo nền tảng trực tiếp cho đô thị hóa. Năm 2025, tổng giá trị sản xuất của xã ước đạt trên 4.100 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2024; thu ngân sách gần 653 tỷ đồng; thu nhập bình quân đạt 89 triệu đồng/người/năm; giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt khoảng 240 triệu đồng/năm. Đến năm 2025, xã có 8/9 trường học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 96%, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên 90%. Những

kết quả này cho thấy nền tảng kinh tế - xã hội và chất lượng dịch vụ công của địa bàn đang từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

Giai đoạn 2026-2030, xã xác định tập trung hoàn thiện các công trình giao thông trọng điểm theo quy hoạch, đưa Cụm công nghiệp Thiện Phiến và Cụm công nghiệp Hải Triều vào hoạt động, phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đồng thời đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đây là những động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Đánh giá chung: Công tác quy hoạch của Tiên Lữ đã hình thành được cơ sở pháp lý và định hướng phát triển tương đối rõ nét, hệ thống giao thông đối ngoại thuận lợi và nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá. Trong giai đoạn tới, cần ưu tiên hoàn thiện quy hoạch đô thị, cụ thể hóa các khu vực phát triển mới; chỉnh trang khu dân cư hiện hữu; đầu tư đồng bộ giao thông, thoát nước, cấp nước, cây xanh, chiếu sáng, xử lý nước thải và chất thải rắn; phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ và các khu đô thị mới. Qua đó từng bước hình thành không gian đô thị xanh, hiện đại, thông minh, phù hợp định hướng Tiên Lữ phát triển thành lập phường và đáp ứng các yêu cầu của đô thị loại III.

2.2. Các dự án đang triển khai theo quy hoạch trên địa bàn xã Tiên Lữ

Trong thời gian qua, trên địa bàn xã Tiên Lữ đã và đang triển khai nhiều dự án đầu tư theo định hướng quy hoạch, tập trung vào hạ tầng giao thông, cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và các công trình đô thị - xã hội. Các dự án có tổng quy mô đầu tư lớn, từng bước hoàn thiện khung hạ tầng, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Cụ thể như sau:

- Các dự án giao thông và hạ tầng khung. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 38B qua địa bàn huyện Tiên Lữ cũ, đoạn từ ĐH.72 đến ĐT.376 là một trong những dự án giao thông quan trọng, có vai trò giảm áp lực giao thông trên QL.38B hiện hữu, tăng khả năng kết nối với ĐT.376 và mở rộng không gian phát triển đô thị. Công tác giải phóng mặt bằng các dự án giao thông lớn trên địa bàn huyện Tiên Lữ trước đây đã thực hiện trên 84.000 m² đất, trong đó có dự án đường tránh QL.38B.

Bên cạnh đó, hệ thống giao thông khu vực còn được bổ sung bởi các tuyến kết nối với mạng lưới đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình, tạo điều kiện hình thành các hành lang phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ. Đặc biệt, hiện nay xã đang tổ chức tham vấn cộng đồng phục vụ đánh giá tác động môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ phường Phố Hiến đến xã Hưng Hà, cho thấy một hướng kết nối giao thông mới đang được chuẩn bị triển khai trên địa bàn.

- Cụm công nghiệp Hải Triều. Đây là dự án có quy mô lớn và có tính chất tạo động lực trực tiếp đối với phát triển đô thị Tiên Lữ. Theo hồ sơ được công bố năm 2026, Cụm công nghiệp Hải Triều có diện tích khoảng 71,46 ha, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật là Công ty cổ phần Geleximco Phố Hiến, tổng mức đầu tư dự kiến 940 tỷ đồng, thời gian thực hiện 03 năm. CCN được định hướng thu hút các ngành nghiên cứu và sản xuất chip, vật liệu bán dẫn, sản xuất - lắp ráp linh kiện điện tử và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô. Hiện xã đã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, đồng thời tiếp nhận hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Với quy mô 71,46 ha và vốn đầu tư khoảng 940 tỷ đồng, dự án có khả năng tạo ra quỹ đất sản xuất tập trung, thu hút doanh nghiệp công nghệ cao, tạo việc làm và tăng nhu cầu về nhà ở, thương mại, dịch vụ, vận tải và logistics. Đây được xem là một trong những động lực quan trọng nhất để chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy quá trình đô thị hóa xã Tiên Lữ.

- Cụm công nghiệp Thiện Phiến. Cụm công nghiệp Thiện Phiến được xác định trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của xã. Việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng và đưa cụm công nghiệp vào hoạt động sẽ góp phần hình thành không gian sản xuất tập trung, hạn chế sản xuất nhỏ lẻ trong khu dân cư, đồng thời tạo thêm việc làm và thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Cùng với CCN Hải Triều, đây là hai khu vực được xác định là động lực công nghiệp của xã trong giai đoạn tới.

- Nhóm dự án phát triển đô thị và hạ tầng xã hội. Quá trình phát triển các tuyến giao thông mới và cụm công nghiệp kéo theo nhu cầu hình thành các khu ở, thương mại - dịch vụ, công trình giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao và các công trình hạ tầng kỹ thuật. Xã đã từng bước đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trường học; trong đó các trường trên địa bàn tiếp tục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đây là cơ sở nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị và đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số cơ học trong quá trình công nghiệp hóa.

- Đánh giá tổng hợp. Các dự án đang triển khai và chuẩn bị đầu tư trên địa bàn Tiên Lữ có sự liên kết tương đối rõ giữa hạ tầng giao thông - công nghiệp - đô thị - dịch vụ. Trong đó, nhóm giao thông đóng vai trò tạo lập khung không gian; CCN Hải Triều với quy mô 71,46 ha, vốn dự kiến 940 tỷ đồng và CCN Thiện Phiến tạo động lực công nghiệp; các dự án nhà ở, thương mại - dịch vụ và hạ tầng xã hội tạo điều kiện hình thành các khu vực đô thị mới.

Nhìn chung, các dự án đang triển khai đã bám sát định hướng quy hoạch, góp phần chuyển Tiên Lữ từ không gian nông nghiệp - nông thôn sang mô hình đô thị công nghiệp - dịch vụ - logistics kết hợp nông nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, để

bảo đảm phát triển đồng bộ và đáp ứng tiêu chí đô thị loại III, cần ưu tiên hoàn thành các tuyến giao thông khung; đồng bộ cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn; tăng cây xanh, không gian công cộng; đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc phát triển các khu dân cư mới xung quanh các trục giao thông và cụm công nghiệp. Đặc biệt, việc xã đã triển khai Đề án thành lập phường Tiên Lữ trên cơ sở nguyên trạng xã Tiên Lữ theo Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 26/5/2026 là bước chuyển quan trọng, cho thấy các dự án đầu tư hiện nay không chỉ phụ vụ phát triển kinh tế mà còn trực tiếp tạo lập nền tảng hạ tầng cho quá trình chuyển đổi sang mô hình đô thị.

2.3. Công tác cải tạo nâng cấp chỉnh trang đô thị theo quy hoạch

Công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Tiên Lữ được triển khai gắn với định hướng Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và định hướng phát triển đô thị Phố Hiến. Cùng với quá trình đô thị hóa, xã Tiên Lữ đang từng bước chuyển đổi từ không gian nông thôn sang không gian đô thị, trong đó trọng tâm là chỉnh trang khu dân cư hiện hữu, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và cảnh quan đô thị.

Về giao thông và chỉnh trang không gian đô thị, xã từng bước nâng cấp các tuyến đường hiện hữu, tăng cường kết nối giữa các khu dân cư với hệ thống giao thông đối ngoại. Các tuyến QL.39, ĐT.376 và các tuyến đường theo quy hoạch tạo khung kết nối quan trọng cho phát triển đô thị. Đặc biệt, dự án tuyến đường từ phường Phố Hiến đến xã Hưng Hà đang được thực hiện các thủ tục đánh giá tác động môi trường; trong tháng 8/2026, UBND xã đã tổ chức tham vấn cộng đồng tại 02 nhà văn hóa thôn Hải Yến và Triều Dương, cho thấy dự án đã bước sang giai đoạn triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

Cùng với các tuyến giao thông mới, công tác chỉnh trang cần tập trung hoàn thiện đồng bộ mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước, chiếu sáng, cây xanh và biển báo, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã và các tuyến đường có tốc độ đô thị hóa cao. Trong đó tập trung vào giao thông, khu dân cư, thương mại - dịch vụ, công trình công cộng, chỉnh trang đô thị và thu gom, xử lý rác thải để đánh giá điều kiện thành lập phường.

Về chỉnh trang khu dân cư và cảnh quan, xã đang từng bước cải thiện cảnh quan các khu dân cư, công trình công cộng và khu vực trung tâm; tăng cường quản lý trật tự xây dựng, hành lang giao thông và sử dụng đất theo quy hoạch. Việc sắp xếp lại hệ thống thôn năm 2026 cũng góp phần tổ chức lại không gian dân cư và nâng cao hiệu quả quản lý. Sau sắp xếp, xã hiện tổ chức 08 thôn, tạo điều kiện

thuận lợi hơn cho quản lý dân cư và tổ chức cung cấp dịch vụ công trong quá trình đô thị hóa.

Về hạ tầng xã hội, công tác nâng cấp trường học và các thiết chế phục vụ dân sinh được quan tâm. Xã đã khánh thành công trình nhà lớp học 15 phòng tại Trường THCS - Phân hiệu số 1, góp phần tăng năng lực phục vụ giáo dục. Trong tháng 8/2026, xã tiếp tục thực hiện sắp xếp, kiện toàn hệ thống các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, hướng tới sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

Về môi trường và không gian đô thị, chỉnh trang đô thị được gắn với thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường và cải thiện cảnh quan. Đây là một trong những nội dung được đoàn công tác liên ngành Trung ương kiểm tra thực tế khi khảo sát việc thành lập phường Tiên Lữ. Bên cạnh đó, việc đầu tư các công trình công nghiệp như Cụm công nghiệp Hải Triều phải được gắn với yêu cầu kiểm soát môi trường, giao thông, thoát nước và hạ tầng kỹ thuật; đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của cụm công nghiệp đã được tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư.

Về quản lý và phát triển đô thị, xã đã chuyển sang giai đoạn chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập phường. Đề án thành lập phường Tiên Lữ được xây dựng trên toàn bộ diện tích và dân số hiện trạng của xã, nhằm nâng cao chất lượng quản lý và đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Việc lấy ý kiến Nhân dân được tổ chức trong 02 ngày, 28–29/5/2026; đến ngày 26/8/2026, đoàn công tác liên ngành Trung ương đã khảo sát thực tế các điều kiện thành lập phường.

Đánh giá chung: Công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị Tiên Lữ đang chuyển từ chỉnh trang đơn lẻ sang chỉnh trang gắn với hoàn thiện hạ tầng khung và chuẩn bị chuyển đổi mô hình hành chính đô thị. Tuy nhiên, một số khu dân cư vẫn cần tiếp tục đồng bộ hóa vỉa hè, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh và cảnh quan. Giai đoạn 2026–2030, cần ưu tiên chỉnh trang khu vực trung tâm; nâng cấp các tuyến đường chính; hoàn thiện hệ thống thoát nước, chiếu sáng và cây xanh; cải tạo cảnh quan khu dân cư; nâng cấp trường học, thiết chế văn hóa - thể thao; đồng thời kiểm soát kiến trúc, trật tự xây dựng và môi trường. Qua đó từng bước hình thành không gian đô thị xanh, sạch, đồng bộ, văn minh và hiện đại.

2.4. Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch

Xã Tiên Lữ được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị hành chính Hải Thắng, Thiện Phiến và Thụy Lôi, có diện tích tự nhiên 19,51 km², dân số 27.405 người. Với vị trí nằm trên các trục giao thông quan trọng như QL39, QL38B, ĐT376, ĐT378, quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh

tế diễn ra nhanh, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng và kiến trúc cảnh quan đô thị.

Trong giai đoạn 2020–2025, công tác quản lý đất đai, hành lang công trình và trật tự xây dựng được chính quyền các xã trước khi sáp nhập và hiện nay là xã Tiên Lữ quan tâm thực hiện. 68 vụ vi phạm đất đai và hành lang công trình đã được xử lý, góp phần hạn chế tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, lấn chiếm đất công, hành lang giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật. Công tác giải phóng mặt bằng được triển khai phục vụ 12 dự án, với tổng diện tích gần 48 ha, tạo quỹ đất để thực hiện các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công cộng và các dự án phát triển đô thị.

Công tác quản lý xây dựng được gắn với đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng. Trong giai đoạn 2020–2025, trên địa bàn đã triển khai 83 công trình các loại, gồm giao thông, trường học, y tế, văn hóa và các công trình hạ tầng khác, với tổng vốn đầu tư khoảng 496,2 tỷ đồng. Việc đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng từng bước tạo lập không gian phát triển đô thị, đồng thời nâng cao khả năng kiểm soát hướng phát triển các khu dân cư, tuyến phố và khu vực dịch vụ – thương mại.

Đối với các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao, xã tập trung quản lý việc xây dựng nhà ở, công trình sản xuất – kinh doanh, công trình công cộng theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; chú trọng kiểm soát xây dựng dọc các tuyến giao thông chính, khu vực có dự án và các khu dân cư hiện hữu. Việc quản lý hành lang giao thông, chỉ giới xây dựng, sử dụng đất và phát triển công trình được đặt trong yêu cầu chung về chỉnh trang đô thị, bảo đảm không gian kiến trúc cảnh quan và khả năng đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Đối với các dự án phát triển mới, yêu cầu quản lý trật tự xây dựng được đặt ngay từ khâu quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và giải phóng mặt bằng. Cụm công nghiệp Hải Triều có quy mô khoảng 71,46 ha đang được hoàn thiện quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, định hướng phát triển công nghiệp điện tử, vật liệu và linh kiện bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ ô tô và các ngành công nghệ cao. Đây là khu vực cần kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất, mật độ xây dựng, chỉ giới, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và kết nối giao thông nhằm tránh phát triển tự phát, không phù hợp quy hoạch.

Công tác quản lý trật tự xây dựng cũng được gắn với mục tiêu thành lập phường Tiên Lữ. Năm 2026, xã đã tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Đề án thành lập phường trên cơ sở giữ nguyên địa giới hiện có. Ngày 26/8/2026, Đoàn công tác liên ngành Trung ương khảo sát thực tế tại Tiên Lữ, trong đó có các nội dung về giao thông, khu dân cư, thương mại – dịch vụ, công trình công cộng, chỉnh

trang đô thị và thu gom, xử lý rác thải. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại và phù hợp yêu cầu phát triển phường.

Đánh giá chung: Công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Tiên Lữ đã có chuyển biến tích cực, từng bước chuyển từ quản lý đất đai, xây dựng ở khu vực nông thôn sang quản lý theo yêu cầu đô thị. Việc xử lý 68 vụ vi phạm, GPMB gần 48 ha cho 12 dự án và triển khai 83 công trình với 496,2 tỷ đồng cho thấy công tác quản lý nhà nước và đầu tư hạ tầng đã được tăng cường. Tuy nhiên, trước tốc độ đô thị hóa và yêu cầu hình thành phường, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát xây dựng, nhất là tại các tuyến giao thông chính, khu dân cư, khu vực dự án và các khu vực có biến động sử dụng đất.

Trong giai đoạn 2026–2030, cần tập trung: (1) rà soát, công khai và quản lý thống nhất các quy hoạch được duyệt; (2) kiểm soát chặt chẽ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ, tầng cao và kiến trúc công trình; (3) tăng cường kiểm tra và xử lý kịp thời xây dựng không phép, sai phép, sai quy hoạch và lấn chiếm hành lang công trình; (4) quản lý chặt xây dựng dọc QL39, QL38B, ĐT376, ĐT378 và các tuyến đường mới; (5) xây dựng cơ sở dữ liệu số về đất đai – quy hoạch – xây dựng để phục vụ quản lý; (6) gắn quản lý trật tự xây dựng với chỉnh trang đô thị, phát triển cây xanh, chiếu sáng, thoát nước và bảo vệ môi trường; qua đó tạo lập không gian kiến trúc đồng bộ, từng bước đáp ứng các yêu cầu của đô thị loại III.

2.5. Hiện trạng phát triển đô thị xã Tiên Lữ

2.5.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Tiên Lữ thuộc cực phát triển phía Nam, Đông Nam của huyện Tiên Lữ cũ; được định hướng phát triển là trung tâm giao thương trên sông Luộc của vùng huyện cũng như phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên thông qua công trình cảng Thụy Lôi dự kiến; là trung tâm vùng phát triển nông nghiệp và dịch vụ du lịch của huyện Tiên Lữ cũ. Với lợi thế liền kề khu trung tâm thành phố Hưng Yên cũ, khu đại học Phố Hiến, tại đây được định hướng bố trí các công trình công cộng, thương mại dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân các xã phía Tây Nam huyện. Đây sẽ là một đô thị trung tâm dịch vụ liên vùng về giao thương với khu vực trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh với các

tỉnh thành trong khu vực thông qua lợi thế của Quốc lộ 39A và đường tránh Quốc lộ 38B, đường ĐT.376 đi qua địa bàn.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Tiên Lữ nằm trong vùng quy hoạch đô thị Phố Hiến (Cửa ngõ phía Bắc của khu đô thị Phố Hiến), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Tiên Lữ còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030; trong đó, khu vực thị trấn Vương (cũ) đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2.5.2. Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội

2.5.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế

Với mục tiêu tập trung đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong những năm qua chính quyền và nhân dân xã Tiên Lữ đã nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội.

a) Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Tiên Lữ năm 2025 theo giá hiện hành đạt 6.562 tỷ đồng, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.896 tỷ đồng, tăng 13%; thương mại - dịch vụ đạt 2.988 tỷ đồng, tăng 12,4% và nông - lâm - thủy sản đạt 678 tỷ đồng, tăng

3,9% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 10,6%, trong đó: năm 2023 tăng 10,10%, năm 2024 tăng 10,90% và năm 2025 tăng 10,8%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 45,53%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 44,14% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 10,33% trong cơ cấu kinh tế của xã.

b) Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tiên Lữ năm 2025 đạt 618,56 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn năm 2025 đạt 617,94 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 304,58 tỷ đồng. Cân đối có dư.

c) Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 68,8 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,8 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,2 triệu đồng/người/năm.

d) Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tiên Lữ là 0,75%, trong đó: năm 2023 là 1,11%, năm 2024 là 0,65% và năm 2025 là 0,3%.

đ) Phát triển các ngành, lĩnh vực

*** Sản xuất nông nghiệp**

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 424 tỷ đồng, tăng 3,9% với năm 2024. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; cơ giới hóa được áp dụng nhiều khâu trong sản xuất. Gieo cấy lúa bảo đảm đúng thời vụ, thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh. Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm 2.146 ha, đạt 102,1% kế hoạch; trong đó diện tích lúa 1.550 ha, đạt 100,6% kế hoạch (diện tích lúa chất lượng cao chiếm 69%); năng suất lúa bình quân đạt 59,5 tạ/ha, sản lượng lúa 9.222,5 tấn. Diện tích cây vụ đông 231 ha, đạt 106,5% kế hoạch (gồm ngô 48 ha, bí 16 ha, khoai tây 07 ha, rau

các loại 160 ha...). Diện tích cây ăn quả 269,5 ha (trong đó nhãn 174 ha, vải 19,6 ha; cam 21,1 ha; bưởi 18,6 ha; chuối 10 ha; cây ăn quả khác 26,3 ha). Sản lượng nhãn đạt 520 tấn (tăng 13,5% so với năm 2024). Sản lượng cây ăn quả có múi đạt 301,8 tấn (tăng 45% so với năm 2024). Thực hiện kế hoạch phát động Tết trồng cây mùa Xuân và tổ chức trồng cây nhân dân năm 2025 với tổng số 620 cây xanh, đạt 103% kế hoạch.

Chăn nuôi trang trại theo phương thức công nghiệp gắn với tổ chức theo mô hình liên kết trong chăn nuôi tiếp tục được hình thành và phát triển, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Đàn lợn 21.090 con; đàn trâu bò 770 con; đàn gia cầm (gà, vịt, ngan) 85.293 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 4.255 tấn, trong đó thịt lợn 3.960 tấn. Công tác giám sát, kiểm soát dịch bệnh, tiêm vắc xin, vệ sinh tiêu độc khử trùng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện theo quy định; tập trung khoanh vùng, xử lý dứt điểm bệnh dịch trên đàn gia súc, gia cầm.

Hướng dẫn các cơ sở dọn ao, hồ, xuống cá giống và các biện pháp phòng, trị bệnh nên đàn cá sinh trưởng phát triển tốt, không có dịch bệnh xảy ra. Thực hiện Đề án phát triển nuôi thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025; đến nay tổng diện tích nuôi trồng thủy sản toàn xã đạt trên 106 ha, trong đó diện tích nuôi thâm canh thủy sản 45 ha. Sản lượng cá thương phẩm đạt 1.500 tấn. Trong năm, đã phối hợp với Ban Quản lý dự án tỉnh triển khai thực hiện nuôi thâm canh tại thôn Thuỵ Lôi với diện tích 05 ha.

Công tác thủy lợi được triển khai đồng bộ, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ kịp thời cho sản xuất; hoàn thành Kế hoạch nạo vét Đông Xuân 2024 - 2025 với tổng khối lượng toàn xã đã nạo vét hệ thống kênh mương nội đồng được 46.610 m3, trong đó khối lượng nạo vét được hỗ trợ 33.110m3, huy động từ nguồn đóng góp của Nhân dân 13.500 m3.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được cấp ủy, chính quyền, cả hệ thống chính trị và Nhân dân chung sức đồng lòng tích cực thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 8/13 thôn được công nhận khu dân cư nông thôn kiểu mẫu. Thu nhập và đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; bộ mặt nông thôn được đổi mới, cơ sở hạ tầng xã hội được cải thiện và nâng cao rõ rệt; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố. Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; xã đã xây dựng kế hoạch tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, thi công và giải ngân đối với các công trình/dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh giao vốn năm 2025. Chỉ đạo cơ quan

chuyên môn, phối hợp, hướng dẫn các thôn được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu đầu tư, mua sắm các thiết chế văn hóa phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của Nhân dân trong thôn.

***Kinh tế thương mại – dịch vụ**

Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 1.867 tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm 2024. Các hoạt động kinh doanh, mua bán diễn ra sôi động, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Trên địa bàn xã có trên 1.000 cơ sở hoạt động trong mọi lĩnh vực, tập trung ở các mặt hàng: tạp hóa, ăn uống, vật tư nông nghiệp, bán lẻ hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống, vận tải và sửa chữa cơ khí. Tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và cơ sở sản xuất mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trên địa bàn xã có 02 chợ (chợ Xuôi và chợ Hới); hàng hóa phong phú về chủng loại, đa dạng về mẫu mã, chất lượng được đảm bảo, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Nhìn chung, giá cả hàng hóa tương đối ổn định, không xảy ra tình trạng thiếu hàng hay tăng giá đột biến. Thương mại điện tử phát triển nhanh, đa dạng, hỗ trợ xây dựng thương hiệu trực tuyến, cấp mã số, mã vạch và dán tem truy xuất nguồn gốc đối với một số sản phẩm được quan tâm. Qua đó đã giúp các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, nhà vườn quảng bá thương hiệu của mình, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra, giám sát thị trường được chú trọng, duy trì thường xuyên; chưa phát hiện hàng giả, gian lận thương mại trên địa bàn. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm xã, kiểm tra 39 cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong đó có 24 cơ sở kinh doanh chấp hành đầy đủ thủ tục hành chính trong kinh doanh thực phẩm; cơ sở không đạt là 15. Đoàn kiểm tra đã tuyên truyền và nhắc nhở chủ cở sở về Luật an toàn thực phẩm và các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Tổ chức ký cam kết với 221 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã, cam kết không sản xuất, kinh doanh hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ.

*Kinh tế công nghiệp và xây dựng

Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - xây dựng đạt 1.810 tỷ đồng, tăng 13% so cùng kỳ năm 2024. Toàn xã có 244 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và 23 HTX đang hoạt động trên địa bàn trong lĩnh vực khác nhau, duy trì việc làm cho khoảng 3.000 lao động, thu nhập bình quân 6 - 10 triệu đồng/người/tháng. Đảng ủy - HĐND - UBND xã tổ chức gặp mặt doanh nghiệp nhân kỷ niệm 21 năm ngày doanh nhân Việt Nam, thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo xã đối với cộng đồng doanh nghiệp, từ đó khơi dậy khát khao cống hiến của các doanh nghiệp,

góp phần quan trọng giúp tăng trưởng kinh tế của địa phương. Tập trung rà soát các cụm công nghiệp trên địa bàn xã; thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt yêu cầu đề ra. Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục duy trì phát triển với các sản phẩm như giò phố Xuôi (thôn Thụy Lôi), long nhãn, hạt sen..., tạo việc làm cho hàng trăm lao động.

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã được chú trọng, công tác thẩm định dự án, công trình đầu tư, kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo theo quy định. Tập trung cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn và đường trục chính ra đồng, tăng cường vận động Nhân dân hiến đất để đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn. Đến hết năm 2025, đã cứng hóa 29,55 km đường giao thông nội đồng, đạt 166% kế hoạch; 100% các tuyến đường trục thôn, xã đã được cứng hóa. Kiện toàn Ban An toàn giao thông cấp xã, xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn xã.

- Xây dựng cơ bản: Trong những năm qua, sự phát triển của các ngành kinh tế cùng với sự quan tâm và đầu tư trên địa bàn, nhiều công trình được nâng cấp, xây dựng đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành xây dựng cơ bản ở trên địa bàn thị xã Tiên Lữ.

2.5.2.2. Hiện trạng phát triển xã hội

a) Công tác giáo dục và đào tạo

Giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Tiên Lữ được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa của địa phương. Sau khi thành lập xã Tiên Lữ, hệ thống giáo dục được tổ chức, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ. Năm học 2026–2027, toàn xã có gần 5.000 học sinh đang học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Trước khi thực hiện sắp xếp, năm học 2025–2026 toàn xã có 09 trường học và 02 cơ sở giáo dục mầm non độc lập tư thục, với 148 nhóm, lớp và 4.414 học sinh, trẻ em. Trong đó, giáo dục mầm non có 54 nhóm, lớp/1.259 trẻ; giáo dục tiểu học có 39 lớp/1.238 học sinh; giáo dục THCS có 13 lớp/582 học sinh; các trường tiểu học và THCS có 42 lớp/1.335 học sinh. Quy mô trường, lớp cơ bản ổn định, tỷ lệ huy động học sinh ra lớp duy trì ở mức cao, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục.

Về mạng lưới trường lớp, năm 2026 xã đã tổ chức lại hệ thống giáo dục công lập, hiện gồm 03 trường: Trường Mầm non Tiên Lữ, Trường Tiểu học Tiên Lữ và Trường THCS Tiên Lữ, với 15 cán bộ quản lý, gồm 03 hiệu trưởng và 12

phó hiệu trưởng. Việc sắp xếp nhằm giảm đầu mối quản lý, tập trung và sử dụng hiệu quả hơn đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được đầu tư theo hướng kiên cố, đồng bộ và hiện đại. Đáng chú ý, năm 2026 xã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà lớp học 3 tầng, 15 phòng học tại Trường THCS Tiên Lữ – Phân hiệu số 1, với tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng, diện tích xây dựng 652,4 m², tổng diện tích sàn 2.079 m². Công trình được đầu tư đồng bộ hệ thống điện, chiếu sáng, internet, wifi, cấp - thoát nước, phòng cháy chữa cháy; đồng thời trang bị 30 máy điều hòa và thiết bị phục vụ dạy học cho 15 phòng học. Riêng công trình này có quy mô phục vụ 598 học sinh tại phân hiệu.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, công tác đổi mới phương pháp dạy học, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phát hiện và phát triển năng khiếu học sinh được chú trọng. Năm học 2025–2026, học sinh Tiên Lữ đạt 05 huy chương tại Giải thể thao học sinh phổ thông cấp tỉnh, gồm 01 Huy chương Bạc và 04 Huy chương Đồng. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển rộng; Hội Khuyến học xã hiện có 8.950 hội viên, Quỹ Khuyến học trong nhiệm kỳ đạt trên 1,1 tỷ đồng, đã trao trên 300 suất học bổng, phần quà, tổng trị giá khoảng 900 triệu đồng.

Về chất lượng cơ sở giáo dục, 8/9 trường học đạt chuẩn quốc gia, tương đương khoảng 88,9%, cho thấy mức độ đầu tư và chuẩn hóa mạng lưới trường học tương đối cao. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển sang mô hình đô thị, cần tiếp tục nâng cấp đồng bộ cơ sở vật chất, sân chơi, bãi tập, thư viện, phòng chức năng, thiết bị công nghệ thông tin; đồng thời rà soát quỹ đất giáo dục để bảo đảm đủ diện tích, bán kính phục vụ và khả năng đáp ứng nhu cầu học tập khi dân số đô thị tiếp tục tăng.

Đánh giá chung: Giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực có kết quả tích cực của xã Tiên Lữ, với quy mô gần 5.000 học sinh, mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu, 8/9 trường đạt chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư và chất lượng giáo dục từng bước nâng cao. Việc hoàn thành công trình trường THCS 15 phòng học trị giá 20 tỷ đồng và tổ chức lại hệ thống thành 03 trường công lập là những bước quan trọng trong quá trình chuẩn hóa và hiện đại hóa mạng lưới giáo dục.

Trong giai đoạn 2026–2030, xã cần tiếp tục ưu tiên quỹ đất và nguồn lực đầu tư cho giáo dục; hoàn thiện cơ sở vật chất các trường chưa đạt chuẩn quốc gia; nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn lên 100%; tăng cường phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân chơi – bãi tập và thiết bị dạy học; đẩy mạnh chuyển đổi số, giáo dục STEM và ngoại ngữ; đồng thời gắn quy hoạch mạng lưới trường học với

quy hoạch phát triển các khu dân cư và định hướng thành lập phường Tiên Lữ, bảo đảm hệ thống giáo dục đáp ứng yêu cầu của một đô thị loại III phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ và bền vững.

b) Công tác y tế:

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Tiên Lữ được cấp ủy, chính quyền quan tâm, từng bước chuyển từ mô hình chăm sóc sức khỏe ban đầu ở khu vực nông thôn sang mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng phù hợp với quá trình đô thị hóa. Sau khi thành lập xã Tiên Lữ, hệ thống y tế cơ sở được kiện toàn theo hướng tập trung, thống nhất. Ngày 01/12/2025, UBND xã ban hành Quyết định số 1232/QĐ-UBND thành lập Trạm Y tế xã Tiên Lữ trên cơ sở hợp nhất 04 trạm y tế gồm Tiên Lữ, Hải Triều, Thụy Lôi và Thiện Phiến. Đến tháng 2/2026, xã công bố quyết định thành lập và kiện toàn lãnh đạo Trạm Y tế xã, tạo đầu mối thống nhất trong tổ chức khám chữa bệnh, y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, giám sát, phòng chống và xử lý các loại dịch bệnh theo quy định; nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế. Các trạm y tế trên địa bàn xã thực hiện tốt các hoạt động khám chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân trên địa bàn, thực hiện nghiêm chế độ thường trực cấp cứu 24/24 tại trạm, đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết và thời gian mưa bão. Tổ chức khám, chữa bệnh kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền cho 5.200 lượt người; giới thiệu chuyển tuyến kịp thời 91 trường hợp; phối hợp với Trung tâm Y tế Tiên Lữ và các đơn vị y tế khác tổ chức khám sàng lọc phát hiện các bệnh về mắt, bệnh mạn tính để tư vấn, chuyển lên tuyến trên điều trị. Công tác giám sát, phòng chống dịch bệnh luôn được coi trọng, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Tuy nhiên, trên địa bàn xã cũng ghi nhận một vài ca bệnh (sốt xuất huyết 06 ca, Covid-19 05 ca, nghi Sởi 22 ca, tay chân miệng 03 ca), các ca bệnh đã được điều trị khỏi, bệnh nhân ổn định. Xây dựng phương án tổ chức, hoạt động và sắp xếp các y tế trên địa bàn xã.

Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ được duy trì vào ngày 07 và 25 hàng tháng, tỷ lệ trẻ em 1 tuổi được tiêm đủ 9 loại vắc xin đạt 98%; tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván đạt 100%; trong năm triển khai 03 đợt chiến dịch tiêm vắc xin phòng bệnh Sởi cho các đối tượng trẻ từ 6 tháng tuổi đến 10 tuổi theo Kế hoạch của Bộ Y tế, Sở Y tế, đạt 97%. Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc xin Uốn ván - Bạch hầu (Td) cho trẻ 7 tuổi trên địa bàn năm 2025, dự kiến triển khai trong tháng 11 và tháng 12/2025 theo Kế hoạch của Sở Y tế tỉnh.

Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm triển khai thực hiện thường xuyên, trong năm không có vụ ngộ độc thực phẩm đông người xảy ra trên địa bàn. Công

tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân được quan tâm, các cơ sở khám chữa bệnh, kinh doanh dược tư nhân hoạt động tương đối ổn định, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về lĩnh vực hành nghề. Đầu năm 2025, xã được UBND tỉnh công nhận đạt Tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, dân số - KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tỷ số giới tính khi sinh là 141 nam/100 nữ; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 0,6%; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 24,5%; tỷ lệ cặp vợ chồng sự dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 68,8%.

Theo tiến độ triển khai năm 2026, toàn xã có khoảng 27.000 người thuộc nhóm đối tượng cần được khám sức khỏe định kỳ; đến ngày 10/9/2026 đã có 5.463 người được khám, đạt 20,19% tổng số đối tượng. Xã đặt mục tiêu hoàn thành khám sức khỏe cho 100% đối tượng trước ngày 20/12/2026. Đây là bước chuyển quan trọng từ phương thức khám chữa bệnh khi có nhu cầu sang quản lý sức khỏe chủ động, dự phòng và chăm sóc sức khỏe liên tục cho người dân.

Công tác chăm sóc sức khỏe các nhóm đối tượng đặc thù được quan tâm. Đối với người cao tuổi, toàn xã hiện có 4.932 thẻ bảo hiểm y tế, đạt 100% số người cao tuổi; công tác khám, tư vấn sức khỏe và chăm sóc mắt được phối hợp thực hiện thường xuyên, hằng năm tổ chức khám, tư vấn miễn phí cho trên 1.000 người cao tuổi, qua đó góp phần phát hiện và điều trị sớm các bệnh về mắt. Công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thanh niên và thích ứng với già hóa dân số cũng được triển khai thông qua sự phối hợp giữa Trạm Y tế, nhân viên y tế thôn và cộng tác viên dân số.

Công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh và bảo đảm an toàn sức khỏe cộng đồng được duy trì. Trạm Y tế xã phối hợp với các trường học, thôn và các lực lượng liên quan trong tuyên truyền phòng chống dịch, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe học sinh. Trong các hoạt động khám sức khỏe, sơ tuyển nghĩa vụ quân sự và các sự kiện tập trung đông người, hệ thống y tế cơ sở được huy động tham gia bảo đảm các điều kiện chăm sóc sức khỏe và xử lý tình huống phát sinh. Năm 2025, công tác sơ tuyển nghĩa vụ quân sự được tổ chức tại 03 điểm trạm y tế, với 166 công dân thuộc diện khám sơ tuyển.

c) Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Tiên Lữ được quan tâm triển khai, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện thể chất và tiếp cận thông tin của Nhân dân, đồng thời góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong quá trình đô thị hóa. Sau khi thành lập xã Tiên Lữ trên cơ sở sắp xếp các đơn vị hành chính, công tác văn hóa – xã hội được

tổ chức theo hướng thống nhất trên toàn địa bàn, gắn với xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và mục tiêu hình thành phường Tiên Lữ.

Về văn hóa: Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tiếp tục được duy trì, các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được tổ chức gắn với các ngày lễ, sự kiện chính trị và các phong trào thi đua. Việc bình xét, công nhận danh hiệu "Làng văn hóa" được thực hiện công khai, trong đó kết quả bình xét năm 2025 được UBND xã niêm yết và thông tin rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử và hệ thống Đài truyền thanh xã; Trung tâm Dịch vụ Văn hóa – Xã hội thực hiện phát thông báo 02 lần/ngày trong 10 ngày để người dân biết và tham gia ý kiến. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", giữ gìn bản sắc cộng đồng và xây dựng nếp sống văn minh.

Về thể dục, thể thao: Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển khá sôi nổi, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Năm 2026, xã tổ chức Đại hội Thể dục thể thao xã Tiên Lữ lần thứ I, với 08 môn thi đấu, gồm bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền hơi, cờ vua, cờ tướng, dân vũ, điền kinh và bóng đá U10. Việc tổ chức Đại hội được triển khai đồng bộ từ xây dựng điều lệ, tuyên truyền, chuẩn bị sân bãi, cơ sở vật chất đến bảo đảm an ninh, y tế và vệ sinh môi trường.

Các hoạt động thể thao được tổ chức rộng khắp tại các thôn, tiêu biểu như thi đấu cờ vua, cờ tướng với nhiều nhóm tuổi và các nội dung dân vũ thu hút đông đảo người dân tham gia, cổ vũ. Bên cạnh đó, phong trào thể thao thanh thiếu niên tiếp tục được duy trì; xã tổ chức Giải bóng đá Thanh thiếu niên hè năm 2026 và cử vận động viên tham gia các giải cấp tỉnh. Qua đó góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, tạo sân chơi lành mạnh và tăng cường sự gắn kết trong khu dân cư.

Về thông tin và tuyên truyền: Hệ thống thông tin cơ sở được duy trì thông qua Cổng thông tin điện tử xã, hệ thống Đài truyền thanh và các kênh tuyên truyền tại thôn. Nội dung tuyên truyền ngày càng đa dạng, tập trung vào chủ trương, chính sách pháp luật, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng đô thị, bảo vệ môi trường, y tế, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội. Cổng thông tin điện tử xã thường xuyên đăng tải các thông báo, kế hoạch và nội dung tuyên truyền; riêng lĩnh vực tuyên truyền năm 2026 đã có nhiều nội dung về khám sức khỏe định kỳ, phòng chống sốt xuất huyết, an toàn thực phẩm và quản lý môi trường.

Công tác tuyên truyền được gắn với chuyển đổi số và nâng cao năng lực tiếp cận thông tin của người dân. Xã đã tổ chức tập huấn chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân, đồng thời triển khai tuyên truyền, vận động kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2; trong năm 2026 xã đặt mục

tiêu kích hoạt 1.724 tài khoản đã được phê duyệt nhưng chưa kích hoạt. Hoạt động thông tin, tuyên truyền của Mặt trận và các tổ chức chính trị – xã hội cũng được tăng cường, góp phần vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách và các phong trào thi đua tại địa phương.

d) Công tác chính sách an sinh xã hội:

Công tác bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn xã Tiên Lữ được cấp ủy, chính quyền quan tâm thực hiện, gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững, chăm lo các đối tượng chính sách, người có công, bảo trợ xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Với quy mô dân số 27.405 người, xã Tiên Lữ sau khi thành lập đã từng bước thống nhất công tác quản lý, thực hiện chính sách an sinh trên toàn địa bàn 08 thôn, bảo đảm các chính sách của Nhà nước được triển khai kịp thời, đúng đối tượng.

Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực. Năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã chỉ còn khoảng 0,48%, cho thấy đời sống vật chất của người dân được cải thiện rõ rệt và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ngày càng tốt hơn. Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 89 triệu đồng/người/năm, tạo nền tảng để người dân chủ động nâng cao điều kiện nhà ở, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và hưởng thụ văn hóa. Chính quyền địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo điều kiện để các hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước ổn định và nâng cao thu nhập.

Chính sách đối với người có công với cách mạng, gia đình chính sách và các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Việc chi trả trợ cấp, thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, Tết; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm. Công tác rà soát, cập nhật biến động đối tượng và thực hiện chính sách được tăng cường, góp phần bảo đảm không để người thuộc diện chính sách bị bỏ sót hoặc chậm hưởng chế độ.

Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được đẩy mạnh. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%, tạo điều kiện để phần lớn người dân được tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh khi có nhu cầu và giảm gánh nặng chi phí y tế cho hộ gia đình. Đặc biệt, nhóm người cao tuổi được quan tâm; toàn xã có khoảng 4.932 người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, đạt 100%, góp phần bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhóm dân cư có nhu cầu cao. Công tác khám sức khỏe định kỳ, quản lý sức khỏe và chăm sóc người cao tuổi đang được triển khai theo hướng chủ động, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng an sinh trong quá trình đô thị hóa.

Về việc làm và đời sống dân cư, xã duy trì tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên 90%, đồng thời chú trọng phát triển thương mại – dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Việc hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp, trong đó có Cụm công nghiệp Hải Triều quy mô khoảng 71,46 ha, được kỳ vọng tạo thêm việc làm tại chỗ, mở rộng cơ hội chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp – dịch vụ và nâng cao thu nhập cho người dân.

Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em và các nhóm yếu thế được thực hiện thông qua các chương trình hỗ trợ, tuyên truyền, vận động cộng đồng và phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể. Phong trào tương trợ, khuyến học, khuyến tài và huy động nguồn lực xã hội được phát huy, góp phần hỗ trợ các gia đình khó khăn, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt và các đối tượng cần trợ giúp.

Đánh giá chung: Công tác an sinh xã hội của xã Tiên Lữ đạt kết quả khá toàn diện, thể hiện qua tỷ lệ hộ nghèo đa chiều chỉ 0,48%, thu nhập bình quân khoảng 89 triệu đồng/người/năm, trên 96% dân số tham gia BHYT và trên 90% lao động có việc làm thường xuyên. Các chính sách người có công, bảo trợ xã hội, giảm nghèo, bảo hiểm y tế, chăm sóc người cao tuổi và hỗ trợ các nhóm yếu thế được triển khai tương đối đầy đủ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm ổn định xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình đô thị hóa và hướng tới thành lập phường Tiên Lữ, chính sách an sinh xã hội cần chuyển mạnh từ hỗ trợ trực tiếp sang an sinh chủ động và bao trùm, chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhà ở cho người thu nhập thấp, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Giai đoạn 2026–2030, phấn đấu duy trì tỷ lệ hộ nghèo ở mức rất thấp, nâng tỷ lệ bao phủ BHYT lên 98–100%, duy trì việc làm thường xuyên trên 95%, bảo đảm 100% đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội đủ điều kiện được tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách, qua đó xây dựng Tiên Lữ trở thành đô thị phát triển theo hướng văn minh, bao trùm và bảo đảm an sinh xã hội.

e) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy

động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

2.5.2.3. Công tác Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng tiếp tục được quan tâm, duy trì; nâng cao hiệu quả trong công tác trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2025, giao đủ chỉ tiêu cho các đơn vị nhận quân. Chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền, đăng ký nguồn tuyển quân và tổ chức tuyên truyền, đăng ký và khám tuyển sinh quân sự cho các thí sinh đảm bảo chặt chẽ theo quy định. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2026; hoàn thiện hồ sơ nhập học cho 02 công dân vào trường Quân đội. Ban Chỉ huy Quân sự xã phối hợp với Công an xã làm tốt công tác tuần tra, canh gác bảo vệ trong các ngày lễ lớn. Làm tốt công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ năm 2025 đạt kết quả cao. Thực hiện nghiêm túc chỉ thị, kế hoạch chỉ đạo của tỉnh, của xã về trực sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng tham gia phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, các phương án chiến đấu bảo vệ cơ sở, phòng chống cháy nổ, phòng chống khủng bố.Mở lớp cập nhật kiến thức Quốc phòng an ninh cho 60 người thuộc đối tượng 4.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội được ổn định, trên địa bàn xã không có tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, tội phạm có tổ chức, tội phạm băng nhóm. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm vi phạm pháp luật. Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; duy trì hiệu quả hoạt động của các mô hình tự quản trên địa bàn xã, nhân rộng 01 mô hình Tổ liên gia tự quản về an ninh trật tự khu vực giáo xứ Thụy Lôi. An ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh nông thôn, quản lý cư trú, quản lý hoạt động người nước ngoài tại địa phương được đảm bảo. Chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý, không để hình thành điểm nóng, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự được chú trọng, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng được đảm bảo.Ban hành Kế hoạch xây dựng xã, phường không ma túy giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn xã. Công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ và phòng cháy, chữa cháy được quan tâm, không để xảy ra cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng.

2.5.3. Hiện trạng dân số, mật độ dân số, đất đai, lao động

2.5.3.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, tại Công văn số 134/PC06 ngày 03/02/2026 về việc cung cấp số liệu dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, xã Tiên Lữ có quy mô dân số là 27.305 người, trong đó dân số thường trú là 26.889 người và dân số tạm trú là 416 người.

Trên địa bàn xã Tiên Lữ chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

2.5.3.2. Mật độ dân số

Mật độ dân số trên diện tích đất tự nhiên đạt 1.396 người/km^2. Mật độ dân số trên địa bàn xã phân bố không đều, nơi có điều kiện thuận lợi về tiện nghi đô thị, gần các trụ sở các cơ quan trung tâm, các trục đường chính thì mật độ cao hơn. Các khu vực còn lại có mật độ thấp dần do có diện tích đất nông nghiệp lớn.

2.5.3.3 Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Tiên Lữ là 1.956,38 ha, trong đó: Diện tích đất xây dựng đô thị là 598,99 ha chiếm 30,62 % và đất khác 1.357,39 ha chiếm 69,38%. Hiện trạng sử dụng đất xã Tiên Lữ, được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1: Thống kê hiện trạng sử dụng đất xã Tiên Lữ năm 2025

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Diện tích đất tự nhiên	**1.956,38**	**100,00**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**598,99**	**30,62**
I	***Đất dân dụng***	***405,20***	**20,71**
1	Đất ở	200,92	10,27
2	Đất công trình công cộng	101,78	5,20
3	Đất cây xanh công cộng		0,00
4	Đất giao thông đối nội	102,50	5,24
II	***Đất ngoài dân dụng***	***193,79***	**9,91**
1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	50,18	2,56
2	Giao thông đối ngoại	93,84	4,80
3	Đất cơ quan, trụ sở	15,39	0,79
4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		0,00
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	28,13	1,44
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	5,44	0,28
7	An ninh quốc phòng	0,81	0,04
B	**Đất khác**	**1.357,39**	**69,38**
1	Đất nông nghiệp	1.259,29	64,37
2	Đất đồi chưa sử dụng	0	0,00
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	98,10	5,01
5	Đất khác		

Nguồn: UBND xã Tiên Lữ

2.5.3.4. Hiện trạng cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Tiên Lữ (từ 15 đến 60 tuổi) là 14.351 người, chiếm 52,56% tổng dân

số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 13.540 người, chiếm tỷ lệ 94,30% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2.807 người, chiếm tỷ lệ 20,73%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.153 người, chiếm tỷ lệ 48,21%; lao động thương mại - dịch vụ là 4.580 người, chiếm tỷ lệ 31,06%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 10.733 người, chiếm tỷ lệ 79,27%.

Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện chủ yếu đã qua trình độ học vấn và đặc biệt là trình độ chuyên môn kỹ thuật. Công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm cho số người trong độ tuổi lao động được quan tâm. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, cần chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn xã Tiên Lữ.

2.5.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

2.5.4.1. Hiện trạng phát triển công trình hạ tầng xã hội

a) Hiện trạng nhà ở

Xã Tiên Lữ có hệ thống nhà ở chủ yếu hình thành trong các khu dân cư hiện hữu, tập trung dọc các tuyến giao thông và xen kẽ trong không gian sản xuất nông nghiệp. Cùng với quá trình đô thị hóa, nhà ở đang chuyển dịch theo hướng kiên cố hóa, xây dựng mới và kết hợp ở với kinh doanh – dịch vụ, từng bước hình thành diện mạo khu dân cư đô thị. Định hướng thành lập phường Tiên Lữ được xây dựng trên cơ sở giữ nguyên diện tích, dân số và địa giới hiện trạng, đồng thời yêu cầu đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.



Hình 2: Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã Tiên Lữ

Chất lượng nhà ở được cải thiện cùng với điều kiện kinh tế của người dân. Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát được quan tâm thực hiện; riêng năm 2025 đã xây mới và sửa chữa 68 căn nhà, tổng kinh phí gần 9 tỷ đồng. Đây là kết quả

quan trọng trong nâng cao chất lượng chỗ ở, bảo đảm an sinh xã hội và từng bước giảm số nhà ở xuống cấp trên địa bàn.

Cùng với cải tạo nhà ở hiện hữu, xã đang từng bước tạo lập quỹ đất ở mới theo quy hoạch. Năm 2025, UBND xã đã phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu dân cư nông thôn mới thuộc khu vực Thụy Lôi cũ; năm 2026 tiếp tục triển khai đấu giá quyền sử dụng đất làm nhà ở tại Khu dân cư mới số 4 Hải Triều. Việc hình thành các khu dân cư mới là điều kiện thuận lợi để tổ chức nhà ở gắn với giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, cây xanh và các công trình công cộng đồng bộ, hạn chế phát triển tự phát.

Tuy nhiên, hệ thống nhà ở hiện nay vẫn còn một số hạn chế: nhà ở phân bố tương đối phân tán trong các khu dân cư truyền thống; kiến trúc, cảnh quan chưa đồng nhất; một số khu vực còn mô hình nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; hạ tầng kỹ thuật tại một số khu dân cư chưa đồng bộ với yêu cầu đô thị. Do đó, cần tiếp tục kiểm soát việc xây dựng theo quy hoạch, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ và tầng cao; đồng thời chỉnh trang mặt đứng, vỉa hè, thoát nước, cây xanh và cảnh quan tại các tuyến phố chính.

Mục tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2026–2030 cần tập trung vào các chỉ tiêu: (1) duy trì và phấn đấu 100% hộ có nhà ở an toàn, không còn nhà tạm, nhà dột nát; (2) hoàn thành cải tạo, sửa chữa toàn bộ số nhà ở xuống cấp thuộc diện cần hỗ trợ; (3) phát triển các khu dân cư mới theo đúng quy hoạch, bảo đảm 100% khu dân cư mới được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trước khi đưa vào sử dụng; (4) rà soát và bố trí đủ quỹ đất nhà ở phù hợp với quy mô dân số dự báo đến năm 2030; (5) kiểm soát 100% công trình nhà ở xây dựng mới tại khu vực đô thị theo quy hoạch, chỉ giới và quy định quản lý kiến trúc; (6) nghiên cứu bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp và người lao động gắn với quá trình phát triển công nghiệp – dịch vụ, đặc biệt tại khu vực ảnh hưởng của Cụm công nghiệp Hải Triều quy mô 71,46 ha, tổng vốn dự kiến 940 tỷ đồng.

Đánh giá chung: Hiện trạng nhà ở Tiên Lữ đang chuyển biến tích cực, chất lượng nhà ở được nâng lên, công tác xóa nhà tạm đạt kết quả rõ rệt và quỹ đất phát triển nhà ở mới từng bước được hình thành. Giai đoạn 2026–2030 cần chuyển trọng tâm từ "đủ chỗ ở" sang "nhà ở có chất lượng, đồng bộ hạ tầng và phù hợp quy hoạch đô thị", qua đó góp phần hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III và xây dựng phường Tiên Lữ theo hướng khang trang, văn minh, hiện đại và bền vững.

b) Cơ quan hành chính

Hệ thống công trình cơ quan hành chính trên địa bàn xã Tiên Lữ được tổ chức lại trên cơ sở kế thừa, điều chuyển và sử dụng các trụ sở hiện có của huyện Tiên Lữ và các đơn vị hành chính trước sắp xếp, qua đó bảo đảm hoạt động liên

tục của bộ máy chính quyền, đồng thời hạn chế phát sinh nhu cầu đầu tư xây dựng trụ sở mới. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống công trình cơ quan, trụ sở từng bước được tổ chức lại nhằm bảo đảm hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn. Theo số liệu kế hoạch sử dụng đất trước khi sắp xếp, phạm vi 3 đơn vị Hải Thắng, Thiện Phiến và Thụy Lôi có khoảng 2,23 ha đất trụ sở cơ quan và tổ chức sự nghiệp; đây là số liệu nền cần tiếp tục cập nhật theo kiểm kê đất đai năm 2025–2026.

Hệ thống trụ sở hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc và phục vụ nhân dân. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã được tổ chức, từng bước hiện đại hóa với các tiện ích như lấy số thứ tự tự động, thông báo tiến độ hồ sơ qua SMS, camera giám sát và hỗ trợ thực hiện quy trình "4 tại chỗ"; 100% thủ tục hành chính tại Trung tâm được thực hiện thanh toán trực tuyến, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh trụ sở hành chính, các công trình sự nghiệp quan trọng như Trạm Y tế xã được tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập 04 trạm y tế trước đây, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ y tế theo quy mô xã mới.



Hình 3: Trụ sở Đảng ủy – HĐND -UBND



Hình 4: Trung tâm hành chính công





Hình 4: Trụ sở Ban chỉ huy quân sư và Công an xã Tiên Lữ

Về cảnh quan và môi trường công sở, xã đã quan tâm chỉnh trang, trồng cây xanh tại các khu dân cư, công trình công cộng và khu vực trụ sở. Năm 2025 toàn xã trồng 620 cây, đạt 103% kế hoạch; năm 2026 đặt mục tiêu trồng 650 cây,

tạo cơ sở bổ sung cây xanh, bóng mát và cảnh quan cho các khu vực công cộng, trụ sở cơ quan.

Tuy nhiên, sau sắp xếp đơn vị hành chính, quy mô và nhu cầu sử dụng trụ sở có sự thay đổi, trong khi một số cơ sở được hình thành từ các đơn vị cũ còn có khả năng phân tán, công năng chưa đồng bộ; một số hạng mục phụ trợ như khu tiếp dân, phòng họp, lưu trữ, bãi đỗ xe, cây xanh, PCCC và hạ tầng công nghệ thông tin cần tiếp tục được nâng cấp. Quỹ nhà, đất công cũng cần được rà soát, phân loại để sử dụng hiệu quả, tránh tình trạng cơ sở dôi dư hoặc sử dụng đất chưa phù hợp.

Đánh giá về mức độ đáp ứng: Với 05 nhóm cơ sở hành chính chủ yếu gồm Đảng ủy, HĐND – UBND, Trung tâm Dịch vụ Văn hóa – Xã hội, Công an và Ban Chỉ huy Quân sự, hệ thống trụ sở hiện nay cơ bản bảo đảm điều kiện hoạt động của bộ máy chính quyền xã. Việc sử dụng các trụ sở huyện cũ có ưu điểm về quy mô và khả năng tận dụng cơ sở vật chất, đồng thời giảm áp lực đầu tư ngân sách. Tuy nhiên, các công trình được xây dựng ở nhiều thời kỳ, mục đích sử dụng ban đầu khác nhau nên cần tiếp tục đánh giá về diện tích đất, diện tích sàn, diện tích làm việc bình quân/cán bộ, phòng tiếp dân, phòng họp, kho lưu trữ, bãi đỗ xe, cây xanh, công trình phụ trợ, khả năng tiếp cận của người khuyết tật và mức độ đáp ứng yêu cầu chính quyền số.

Trong giai đoạn tới, xã Tiên Lữ cần tiếp tục cải tạo, nâng cấp và đồng bộ hóa các công trình hành chính hiện hữu, ưu tiên khu vực tiếp công dân, Trung tâm Phục vụ hành chính công, hệ thống công nghệ thông tin, phòng họp, lưu trữ hồ sơ, khu vực để xe và cảnh quan. Đồng thời, rà soát toàn bộ quỹ nhà, đất công sau sắp xếp để xây dựng phương án sử dụng hiệu quả; hạn chế xây dựng mới khi công trình hiện có còn khả năng đáp ứng. Đối với các cơ sở không còn nhu cầu sử dụng, cần nghiên cứu chuyển đổi phù hợp thành các công trình văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, dịch vụ công cộng hoặc không gian sinh hoạt cộng đồng.

Đánh giá chung: Hệ thống công trình cơ quan hành chính xã Tiên Lữ hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền, với lợi thế lớn là tiếp nhận và sử dụng hệ thống trụ sở huyện Tiên Lữ cũ. Nhà làm việc UBND xã đang được khai thác thường xuyên; Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận 1.831 hồ sơ trong tháng 7/2026, 100% hồ sơ trực tuyến, phản ánh mức độ hoạt động và nhu cầu sử dụng công trình hành chính tương đối cao. Tuy nhiên, cần tiếp tục chuẩn hóa cơ sở vật chất, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ nhà đất công và hiện đại hóa không gian hành chính theo hướng tập trung, xanh, thông minh, thuận tiện cho người dân, phù hợp với định hướng xây dựng xã Tiên Lữ trở thành hạt nhân của khu vực phát triển đô thị Tiên Lữ.

c) Công trình Y tế

Hệ thống công trình y tế trên địa bàn xã Tiên Lữ hiện chủ yếu là mạng lưới y tế cơ sở, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân. Xã Tiên Lữ là đơn vị có quy mô dân số tương đối lớn trong khu vực. Hệ thống công trình y tế trên địa bàn đang được tổ chức lại theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và khám, chữa bệnh cho người dân.

Theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 01/12/2025, Trạm Y tế xã Tiên Lữ được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 trạm y tế gồm Tiên Lữ, Hải Triều, Thụy Lôi và Thiện Phiến. Việc sáp nhập tạo điều kiện tập trung đầu mối quản lý, nhân lực, trang thiết bị và nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất y tế. Bên cạnh đó, Bệnh viện đa khoa Tiên Lữ hiện là cơ sở khám, chữa bệnh đa khoa trên địa bàn khu vực, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận dịch vụ y tế từ tuyến cơ sở đến tuyến khám chữa bệnh chuyên sâu.

Về quỹ đất, số liệu quy hoạch sử dụng đất huyện Tiên Lữ cho thấy đất cơ sở y tế khoảng 4,85 ha năm 2015, quy hoạch đến năm 2020 tăng lên 6,30 ha. Đây là quỹ đất y tế của toàn huyện cũ, không phải riêng xã Tiên Lữ hiện nay; do đó cần tiếp tục rà soát, cập nhật theo ranh giới xã mới và kết quả kiểm kê đất đai năm 2025–2026 trước khi sử dụng làm chỉ tiêu hiện trạng chính thức.



Hình 5: Hiện trạng công trình Trạm y tế xã Tiên Lữ

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai tương đối toàn diện. Năm 2026, xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho khoảng 27.000 người dân, phấn đấu 100% người dân được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm. Đến ngày 10/9/2026 đã khám cho 5.463 người, đạt 20,19% kế hoạch. Đối với người cao tuổi, có 4.932 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 100%. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn xã đạt khoảng 96%, tạo điều kiện nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh.Định hướng đến năm 2030: ưu tiên nâng cấp Trạm Y tế xã theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh và ứng dụng chuyển đổi số; rà soát, bảo đảm đủ quỹ đất y tế phù

hợp với quy mô dân số và định hướng phát triển phường; phấn đấu 98–100% dân số tham gia BHYT, 100% người dân được quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và khám sức khỏe định kỳ hằng năm. Đồng thời bảo đảm các cơ sở y tế có đủ cấp nước, thoát nước, điện, PCCC, xử lý chất thải y tế và giao thông tiếp cận; tăng cường năng lực phòng chống dịch, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em và các nhóm yếu thế. Qua đó, hệ thống y tế đáp ứng tốt hơn yêu cầu đô thị loại III và hình thành phường Tiên Lữ giai đoạn 2026–2030.

Nhìn chung, mạng lưới, quy mô đất đai và nhân lực y tế của xã Tiên Lữ đã hình thành tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và phù hợp với đặc điểm của địa bàn đang trong quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn tới, cần tiếp tục cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã và các điểm trạm; bổ sung trang thiết bị khám chữa bệnh, cấp cứu, xét nghiệm và chẩn đoán; hoàn thiện các phòng chức năng, khu lưu bệnh, khu tiêm chủng và hệ thống xử lý chất thải y tế; nâng cao chất lượng và cơ cấu nhân lực chuyên môn. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hồ sơ sức khỏe điện tử và chuyển đổi số trong quản lý, khám chữa bệnh; rà soát quỹ đất để bố trí các cơ sở y tế tại khu dân cư, khu đô thị mới. Qua đó từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, bảo đảm bán kính và khả năng tiếp cận dịch vụ cho người dân, đáp ứng yêu cầu về hạ tầng xã hội khi Tiên Lữ phát triển theo định hướng đơn vị đô thị/phường trong giai đoạn tới.

d) Công trình giáo dục

Hệ thống công trình giáo dục – đào tạo trên địa bàn xã Tiên Lữ được hình thành tương đối đầy đủ, phân bố tại các khu dân cư thuộc địa bàn các đơn vị trước khi sắp xếp, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Hệ thống công trình giáo dục trên địa bàn được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của dân cư và yêu cầu phát triển đô thị. Năm học 2025–2026, trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức, trên địa bàn có 09 trường học và 02 cơ sở giáo dục mầm non độc lập tư thục, với 148 nhóm, lớp và 4.414 trẻ em, học sinh. Trong đó, giáo dục mầm non có 54 nhóm, lớp với 1.259 trẻ; tiểu học 39 lớp với 1.238 học sinh; THCS 13 lớp với 582 học sinh; các trường liên cấp tiểu học và THCS có 42 lớp với 1.335 học sinh.

Sau sắp xếp năm 2026, hệ thống giáo dục công lập được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, tập trung đầu mối, gồm 03 trường: Trường Mầm non Tiên Lữ, Trường Tiểu học Tiên Lữ và Trường THCS Tiên Lữ, với 15 cán bộ quản lý, gồm 03 hiệu trưởng và 12 phó hiệu trưởng. Năm học 2026–2027, toàn xã có gần 5.000 học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn; ngoài hệ thống trường của xã còn có các trường THPT trên địa bàn, góp phần hình thành mạng lưới giáo dục tương đối đầy đủ từ mầm non đến trung học phổ thông.





Hình 6: Trường Mầm Non trên địa bàn xã Tiên Lữ




Hình 7: Trường THCS trên địa bàn xã Tiên Lữ




Hình 8: Trường Tiểu học trên địa bàn xã Tiên Lữ

Về cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục và huy động học sinh ra lớp. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia hiện đạt khoảng 8/9 trường, tương đương 88,9%, cho thấy chất lượng cơ sở vật chất và điều kiện dạy học tương đối tốt. Đặc biệt, năm 2026 xã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà lớp học 3 tầng, 15 phòng tại Trường THCS Tiên Lữ – Phân hiệu số 1, với diện tích xây dựng 652,4 m², tổng diện tích sàn 2.079 m², tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng; công trình còn có bể nước kết hợp PCCC dung tích 72 m³ và nhà để xe học sinh 94,6 m². Công trình phục vụ trực tiếp cho 598 học sinh, góp phần giảm áp lực phòng học và nâng cao điều kiện dạy học. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, các trường quan tâm giáo dục toàn diện, bồi dưỡng học sinh

có năng khiếu và phát triển thể chất. Năm học 2025–2026, học sinh trên địa bàn đạt 05 huy chương tại Giải thể thao học sinh phổ thông cấp tỉnh, gồm 01 Huy chương Bạc và 04 Huy chương Đồng.

Bảng 2: Tổng hợp thống kê các công trình giáo dục & đào tạo xã Tiên Lữ

TT	Tên các trường học	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)
	Tổng cộng	**10**	**59.914**
I	**Trường THCS**	1	**8.569**
1	Trường THCS Thiện Phiến	1	8.569
II	**Trường Tiểu học**	2	**12.515**
1	Trường Tiểu học Thụy Lôi	1	4.313
2	Trường Tiểu học Thiện Phiến	1	8.202
III	**Trường Mầm non**	4	**12.665**
1	Trường Mầm non Hải Triều	1	3.485
2	Trường Mầm non Thiện Phiến	1	2.735
3	Trường Mầm non Thụy Lôi	1	3.324
4	Trường Mầm non Đức Thắng	1	3.121
IV	**Trường Tiểu học và THCS**	2	**16.631**
1	Trường Tiểu học và THCS Hải Triều	1	8.728
2	Trường Tiểu học và THCS Đức Thắng	1	7.903
V	**Trường THPT**	1	**9.535**
1	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1	9.535

Nguồn: UBND xã Tiên Lữ

Đánh giá chung: hệ thống công trình giáo dục – đào tạo của xã Tiên Lữ cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của dân cư, mạng lưới trường lớp tương đối đầy đủ, đang được tổ chức lại theo hướng tập trung và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất. Tuy nhiên, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia chưa đạt 100%; một số cơ sở sau sáp nhập cần tiếp tục rà soát về diện tích đất, phòng học, phòng bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, cây xanh, nhà để xe và công trình phụ trợ để đáp ứng quy mô gần 5.000 học sinh và yêu cầu phát triển đô thị.

Định hướng đến năm 2030: tiếp tục đầu tư, cải tạo và hoàn thiện mạng lưới trường học; phấn đấu 100% trường đạt chuẩn quốc gia; bảo đảm đủ phòng học và phòng chức năng theo quy mô học sinh; ưu tiên bổ sung phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân chơi – bãi tập, cây xanh và thiết bị dạy học hiện đại. Đồng thời, bố trí

quỹ đất giáo dục phù hợp trong các khu dân cư mới, bảo đảm bán kính phục vụ và khả năng tiếp cận thuận lợi; đẩy mạnh chuyển đổi số, giáo dục STEM, ngoại ngữ và kỹ năng số, từng bước xây dựng trường học xanh – an toàn – thông Minh.

Trong giai đoạn phát triển theo hướng đô thị, cần ưu tiên nâng cấp các trường chưa đạt chuẩn, cải tạo phòng học và phòng chức năng, bổ sung nhà đa năng, thư viện, sân chơi – bãi tập, thiết bị dạy học và hạ tầng số; tăng cường cây xanh, cảnh quan và bảo đảm an toàn giao thông khu vực trường học. Đồng thời, cần dành quỹ đất giáo dục phù hợp trong các khu dân cư, khu đô thị mới để đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số, hướng tới xây dựng hệ thống trường học đồng bộ, hiện đại, an toàn và từng bước 100% cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia, phù hợp yêu cầu phát triển xã Tiên Lữ theo định hướng đô thị/phường trong giai đoạn tới.



Hình 9: Trường Hoàng Hoa Thám trên địa bàn xã Tiên Lữ

e) Công trình văn hóa - thể dục thể thao

Hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao trên địa bàn xã Tiên Lữ khá đa dạng, được phân bố tại các khu dân cư, thôn và khu vực trung tâm xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, bảo tồn giá trị lịch sử - văn hóa, vui chơi, giải trí và rèn luyện thể chất của Nhân dân.

Về công trình văn hóa: các nhà văn hóa thôn đang được khai thác tương đối hiệu quả. Trong năm 2026, Nhà văn hóa Thụy Lôi được sử dụng làm địa điểm tổ chức các hội nghị chính trị của xã; Nhà văn hóa thôn Hải Yến và thôn Triều Dương được sử dụng tổ chức hội nghị tham vấn cộng đồng về dự án tuyến đường từ phường Phố Hiến đến xã Hưng Hà. Điều này cho thấy hệ thống nhà văn hóa cơ sở có khả năng đáp ứng các hoạt động hội họp, tuyên truyền và sinh hoạt cộng đồng.

Phong trào xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục được duy trì. Năm 2025, xã đã tổ chức xét tặng danh hiệu "Làng văn hóa" cho các thôn; danh sách công khai gồm các thôn Hải Yến, Lạc Dục, Thụy Lôi, Tân Khai và An Lạc, góp phần duy trì các thiết chế và hoạt động văn hóa cộng đồng ở cơ sở.

Bảng 3: Tổng hợp các danh mục công trình văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn xã Tiên Lữ

TT	Tên công trình văn hóa, thể dục thể thao	Diện tích đất (m2)
	Tổng cộng	**43.014,6**
I	**Công trình di tích lịch sử có giá trị được xếp hạng**	**18.729,5**
1	Miếu Mương	3.492,2
2	Nhà thờ họ Đào	969,1
3	Đền Thụy Lôi	1.488,2
4	Nhà thờ họ Đoàn	1.210,0
5	Đền Triều Dương	2.550,0
6	Chùa Triều Dương	3.720,0
7	Đình Hải Yến	1.540,0
8	Chùa Hải Yến	2.310,0
9	Đền Hải Yến	1.450,0
II	**Nhà Văn hoá**	**10.717,1**
1	Nhà văn hóa thôn Lạc Dục	884,5
2	Nhà văn hóa thôn An Lạc	722,7
3	Nhà văn hóa thôn Chỉ Thiện	595,2
4	Nhà văn hóa thôn Lương Trụ	1527,2
5	Nhà văn hóa thôn Hải Yến	987,8
6	Nhà văn hóa thôn Triều Dương	308,9
7	Nhà văn hóa thôn Lam Sơn	416,3
8	Nhà văn hóa thôn Diệt Pháp	336,63
9	Nhà văn hóa thôn Toàn Tiến	778.95
10	Nhà văn hóa thôn Tân Khai	577.03
11	Nhà văn hóa thôn Thuỵ Dương	1041,2
12	Nhà văn hóa thôn Lệ Chi	371,2
13	Nhà văn hóa thôn Thuỵ Lôi	3525,5
VI	**Công trình TDTT (sân vận động, sân bóng đá, sân chơi, sân tập luyện…)**	**13.568**
1	Sân bóng Hoàng Minh phố Xuôi	2.750
2	Sân bóng Thụy Lôi	2.875
3	Sân bóng Hải Triều	4.475
4	Sân bóng Lương Trụ	4.231
5	Sân pickerball Thụy Lôi	867
6	Sân pickerball Thụy Lôi	1.120

Nguồn: Phòng Văn hóa – xã hội xã Tiên Lữ



Hình 10: Di tích lịch sử Miếu Mương, thôn Diệt Pháp1 trên địa bàn xã Tiên Lữ

Về thể dục thể thao: phong trào TDTT quần chúng trên địa bàn xã Tiên Lữ đã và đang phát triển khá sôi nổi. Năm 2026, xã tổ chức Đại hội Thể dục thể thao lần thứ I với 08 môn thi đấu, gồm: bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền hơi, cờ vua, cờ tướng, dân vũ, điền kinh và bóng đá U10. Việc tổ chức được 08 môn thi đấu cho thấy hệ thống sân bãi, nhà đa năng và các công trình thể thao hiện có bước đầu đáp ứng nhu cầu luyện tập, thi đấu của người dân.





Hình 11: Nhà thi đấu đa năng và sân bóng đá trên địa bàn xã Tiên Lữ

Một số công trình thể thao đã được khai thác cụ thể: Nhà đa năng Trường Tiểu học và THCS Đức Thắng phục vụ thi đấu dân vũ; sân cỏ nhân tạo thôn Hải Yến phục vụ thi đấu bóng đá U10. Giải bóng đá U10 có 03 đội đến từ các trường Tiểu học Thụy Lôi, Tiểu học và THCS Hải Triều, Tiểu học và THCS Đức Thắng tham gia.

Phong trào thể thao học đường cũng được quan tâm đầu tư bước đầu đã có kết quả tích cực nhằm phát hiện và ươm mầm những tài năng thể thao xã nói riêng và tỉnh nói chung. Tại Đại hội TDTT xã, môn điền kinh có vận động viên nam, nữ ở cả cấp tiểu học và THCS tham gia; các môn cờ vua, cờ tướng được tổ chức theo nhiều nhóm tuổi, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng tham gia.



Hình 12: Đền thờ Bác Hồ



Hình 13: Nhà truyền thống Tiên Lữ

Đánh giá chung: hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao của xã cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và rèn luyện thể chất của Nhân dân, có mạng lưới công trình tại các thôn và trường học, đồng thời được khai thác linh hoạt cho nhiều hoạt động. Tuy nhiên, cơ sở vật chất giữa các khu vực chưa đồng đều; một số sân thể thao, thiết bị luyện tập, sân chơi trẻ em và công trình phụ trợ còn thiếu hoặc cần nâng cấp. Qua tiếp xúc cử tri năm 2026, người dân tiếp tục đề nghị quan tâm đầu tư sân thể thao và trang thiết bị luyện tập, cho thấy nhu cầu bổ sung thiết chế thể thao vẫn còn lớn.







Hình 14: Một số công trình nhà văn hóa trên địa bàn xã Tiên Lữ

Định hướng đến năm 2030: rà soát 100% nhà văn hóa, sân thể thao và thiết chế văn hóa - thể thao hiện có; ưu tiên cải tạo các công trình xuống cấp, bổ sung sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, sân chơi trẻ em và thiết bị thể thao ngoài trời. Từng bước hình thành cụm văn hóa - thể thao trung tâm xã có quy mô phù hợp với dân số khoảng 27.405 người; khai thác nhà đa năng và sân thể thao trường học phục vụ cộng đồng ngoài giờ học; tăng cường cây xanh, chiếu sáng, bãi đỗ xe và các công trình phụ trợ. Đồng thời, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cộng đồng, hướng tới xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao đồng bộ, hiện đại, dễ tiếp cận, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị loại III và hình thành phường Tiên Lữ giai đoạn 2026–2030.

Bảng 4: Tổng hợp các công trình di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn xã Tiên Lữ

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu		
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
1	Miếu Mương	Thôn Lam Sơn, xã Tiên Lữ		x	
2	Nhà thờ họ Đào	Thôn Toàn Tiến, xã Tiên Lữ		x	
3	Đền Thụy Lôi	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ		x	
4	Nhà thờ họ Đoàn	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ		x	
5	Đền Triều Dương	Thôn Triều Dương, xã Tiên Lữ			x
6	Chùa Triều Dương	Thôn Triều Dương, xã Tiên Lữ			x
7	Đình Hải Yến	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			x
8	Chùa Hải Yến	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			x
9	Đền Hải Yến	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			x
10	Chùa Lạc An	Thôn Lạc Dục, xã Tiên Lữ			
11	Đền An lạc	Thôn An Lạc, xã Tiên Lữ			
12	Đàn Thiện	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			
13	Đình Chỉ Thiện	Thôn Chỉ Thiện, xã Tiên Lữ			

14	Nhà thờ họ Phạm	Thôn Chỉ Thiện, xã Tiên Lữ			
15	Chùa Giao Quang	Thôn Chỉ Thiện, xã Tiên Lữ			
16	Chùa Hưng Khánh	Thôn Lương Trụ, xã Tiên Lữ			
17	Nhà thờ họ Bùi	Thôn Lương Trụ, xã Tiên Lữ			
18	Nhà thờ họ Đặng	Thôn Lương Trụ, xã Tiên Lữ			
19	Đình Lệ Chi	Thôn Lệ Chi, xã Tiên Lữ			
20	Chùa Lương Phúc	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ			
21	Đình Thụy Lôi	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ			
22	Nhà thờ Giáo xứ Thụy Lôi	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ			
23	Đình Thụy Dương	Thôn Thụy Dương, xã Tiên Lữ			
24	Chùa Bỗ	Thôn Tân Khai, xã Tiên Lữ			
25	Nhà thờ họ Trần	Thôn Diệt Pháp, xã Tiên Lữ			
26	Chùa Đồng Tròn	Thôn Toàn Tiến, xã Tiên Lữ			
27	Nhà thờ họ Phạm	Thôn Diệt Pháp, xã Tiên Lữ			
28	Nhà truyền thống xã	Thôn Toàn Tiến, xã Tiên Lữ			
29	Nhà văn hóa thôn Hải Yến	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			
30	Nhà văn hóa thôn Triều Dương	Thôn Triều Dương, xã Tiên Lữ			
31	Nhà văn hóa thôn Lương Trụ	Thôn Lương Trụ, xã Tiên Lữ			
32	Nhà văn hóa thôn An Lạc	Thôn An Lạc, xã Tiên Lữ			
33	Nhà văn hóa thôn Chỉ Thiện	Thôn Chỉ Thiện, xã Tiên Lữ			
34	Nhà văn hóa thôn Lạc Dục	Thôn Lạc Dục, xã Tiên Lữ			
35	Nhà văn hóa thôn Thụy Lôi	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ			
36	Nhà văn hóa thôn Thụy Dương	Thôn Thụy Dương, xã Tiên Lữ			
37	Nhà văn hóa thôn Lệ Chi	Thôn Lệ Chi, xã Tiên Lữ			
38	Nhà văn hóa thôn Diệt Pháp	Thôn Diệt Pháp, xã Tiên Lữ			
39	Nhà văn hóa thôn Lam Sơn	Thôn Lam Sơn, xã Tiên Lữ			
40	Nhà văn hóa thôn Tân Khai	Thôn Tân Khai, xã Tiên Lữ			

41	Nhà văn hóa thôn Toàn Tiến	Thôn Toàn Tiến, xã Tiên Lữ			

Nguồn: UBND xã Tiên Lữ

Trong giai đoạn phát triển đô thị, cần rà soát và tổ chức lại toàn bộ mạng lưới thiết chế văn hóa – thể thao theo quy mô dân số và cấu trúc không gian đô thị, ưu tiên nâng cấp Trung tâm dịch vụ văn hóa - xã hội, các nhà văn hóa có vị trí thuận lợi; cải tạo sân vận động, nhà thể thao đa năng, sân bóng đá và các khu vui chơi; bổ sung sân chơi, cây xanh và không gian sinh hoạt cộng đồng tại các khu dân cư mới. Đồng thời, cần bảo tồn, tu bổ các di tích lịch sử - văn hóa, đặc biệt các cụm di tích có quy mô lớn, kết hợp với giáo dục truyền thống và phát triển các hoạt động văn hóa cộng đồng. Qua đó từng bước hình thành hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao đồng bộ, đa chức năng, đáp ứng nhu cầu của dân cư đô thị, góp phần nâng cao chất lượng sống và hoàn thiện các tiêu chí hạ tầng xã hội phục vụ định hướng phát triển Tiên Lữ trở thành phường trong giai đoạn tới.

f) Công trình thương mại dịch vụ

Hệ thống công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Tiên Lữ đã hình thành tương đối đa dạng về loại hình, quy mô và chức năng, đáp ứng khá tốt nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa, cung ứng dịch vụ và phục vụ đời sống Nhân dân. Xã Tiên Lữ là địa bàn có tốc độ đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế khá nhanh. Giai đoạn 2020–2025, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ tăng bình quân 10,25%/năm, tỷ trọng thương mại - dịch vụ đạt khoảng 45% cơ cấu kinh tế, đứng thứ hai về quy mô nhưng là khu vực có vai trò ngày càng quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã. Thu nhập bình quân đầu người đã vượt 80 triệu đồng/người/năm, tạo điều kiện mở rộng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng và sử dụng các dịch vụ đô thị.

Về mạng lưới công trình thương mại: hiện trên địa bàn xã có 04 chợ đang hoạt động ổn định, giữ vai trò là các điểm cung cấp hàng hóa thiết yếu, giao lưu và trao đổi sản phẩm phục vụ dân cư. Bên cạnh chợ truyền thống, hệ thống cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tiện ích, dịch vụ ăn uống, sửa chữa, điện máy và các hộ kinh doanh phát triển khá đa dạng. Dữ liệu kinh tế - xã hội của xã ghi nhận 588 cơ sở tiểu thủ công nghiệp và hộ kinh doanh, cùng 40 cơ sở sản xuất tập trung, tạo việc làm cho khoảng 8.600 lao động, với mức thu nhập bình quân khoảng 8–9 triệu đồng/người/tháng. Đây là nguồn cầu lớn cho các loại hình thương mại, dịch vụ ăn uống, vận tải, cung ứng vật tư, sửa chữa và dịch vụ phục vụ sản xuất.

Thực tế mạng lưới bán lẻ đã bắt đầu chuyển từ chợ truyền thống sang mô hình đa dạng hơn. Tại khu vực Tiên Lữ hiện có Chợ Tiên Lữ và một số cơ sở bán lẻ, siêu

thị/cửa hàng tiện ích phục vụ nhu cầu tiêu dùng hàng ngày; các điểm thương mại tập trung chủ yếu dọc các tuyến giao thông và khu dân cư. Chợ Tiên Lữ.

Về quy mô và chất lượng phục vụ: với dân số 27.405 người và 04 chợ, bình quân có khoảng 6.850 người/chợ, cho thấy mạng lưới chợ cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hóa thiết yếu. Tuy nhiên, hệ thống công trình thương mại hiện vẫn chủ yếu là chợ truyền thống, cửa hàng và hộ kinh doanh quy mô nhỏ, chưa hình thành rõ các công trình thương mại hiện đại quy mô lớn như trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp, trung tâm logistics - kho vận. Chất lượng hạ tầng tại một số điểm kinh doanh cần tiếp tục cải thiện về bãi đỗ xe, giao thông tiếp cận, PCCC, vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, khu vệ sinh và tổ chức không gian kinh doanh.

Hoạt động thương mại điện tử bước đầu phát triển; xã đã hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đăng ký mã số, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc, góp phần nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm và chuyển đổi phương thức kinh doanh. Cùng với đó, tỷ trọng thương mại - dịch vụ đạt 45% cho thấy khu vực này đã trở thành một trong những động lực chính của quá trình đô thị hóa.



Hình 15: Một số công trình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã Tiên Lữ

Đánh giá chung: hệ thống công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thiết yếu của dân cư, có mạng lưới chợ tương đối ổn định và khu vực kinh doanh phát triển khá mạnh. Tuy nhiên, còn thiếu các công trình thương mại có quy mô và chất lượng cao; chưa hình thành rõ các khu thương mại - dịch vụ tập trung gắn với các khu dân cư mới và các tuyến giao thông chính. Đây là hạn chế cần khắc phục khi Tiên Lữ chuyển sang mô hình đô thị và hướng tới thành lập phường.



Hình 16: Siêu thị Win mart



Hình 17: Siêu thị điện máy xanh

Định hướng đến năm 2030: tiếp tục cải tạo, nâng cấp 04 chợ hiện có theo hướng văn minh, an toàn, bảo đảm PCCC, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm; bố trí quỹ đất hình thành các khu thương mại - dịch vụ tập trung tại trung tâm xã và các khu dân cư mới; ưu tiên thu hút siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm dịch vụ tổng hợp, kho vận - logistics và dịch vụ phục vụ sản xuất. Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng thương mại - dịch vụ khoảng 10%/năm, nâng tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc. Đầu tư công trình thương mại phải đồng bộ với giao thông, bãi đỗ xe, cây xanh, cấp thoát nước, PCCC và xử lý chất thải, hướng tới hình thành hệ thống thương mại - dịch vụ hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đô thị.

Bảng 5: Tổng hợp thống kê các công trình thương mại dịch vụ xã Tiên Lữ

TT	Tên công trình	Diện tích đất (m2)	Địa điểm
1	Siêu thị vật liệu xây dựng nội thất Đức Dũng PLAZA.	4.447	Xã Tiên Lữ
2	Siêu thị Đại Hưng	9.434	Xã Tiên Lữ
3	Chợ đầu mối nông sản Trần Cao	14.000	Xã Tiên Lữ
4	Chợ Từa	3.019	Xã Tiên Lữ
5	Chợ Tràng	4.075	Xã Tiên Lữ
6	Chợ Tống Phan	2.539	Xã Tiên Lữ
7	Chợ Minh Tân	4.500	Xã Tiên Lữ
8	Siêu thị Sunrise	2.509	Xã Tiên Lữ
9	Cửa hàng bán buôn, bán lẻ xăng dầu và garage sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy Hồng Hải	15.125	Xã Tiên Lữ
10	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex số 33	150	Xã Tiên Lữ
11	Cửa hàng kinh doanh vật tư xăng dầu Phố Cao	250	Xã Tiên Lữ

12	Cửa hàng xăng dầu Quán Bầu	1.600	Xã Tiên Lữ
13	Khu Thương mại dịch vụ khách sạn An Lợi	1.724	Xã Tiên Lữ
	Tổng	**63.372**	

Nguồn: UBND xã Tiên Lữ

2.5.4.2 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông xã Tiên Lữ có quy mô tương đối lớn và giữ vai trò quan trọng trong kết nối đối ngoại, liên kết các khu dân cư và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Theo số liệu thống kê, toàn xã có 48,70 km đường giao thông, với tổng diện tích đất giao thông khoảng 736.850 m²; hệ thống thoát nước chính dọc các tuyến đường có tổng chiều dài khoảng 46,68 km. Mạng lưới được phân thành 03 cấp chính gồm quốc lộ, đường tỉnh; đường trục xã; đường trục thôn, xóm, tạo thành mạng lưới tương đối liên hoàn.



Hình 18: Đường tỉnh 379



Hình 19: Đường ĐH 92

Đối với giao thông đối ngoại, xã có 2,90 km Quốc lộ 39A, diện tích đất giao thông 66.700 m², bề rộng phần xe chạy 11 m, lộ giới 23 m và khoảng 4,06 km tuyến ống thoát nước chính. Đây là tuyến giao thông đối ngoại quan trọng, đảm nhận kết nối Tiên Lữ với trung tâm tỉnh Hưng Yên và các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, hệ thống đường tỉnh gồm ĐT.376 và ĐT.378 có tổng chiều dài 10,30 km, diện tích đất giao thông 213.700 m². Trong đó, ĐT.376 dài 3,40 km, phần xe chạy 11 m, lộ giới 38,5 m; ĐT.378 dài 6,90 km, phần xe chạy 11 m và chịu sự khống chế theo hành lang đê. Đây là các tuyến có vai trò quan trọng trong việc mở rộng không gian phát triển đô thị, thương mại – dịch vụ và kết nối các khu vực sản xuất.

Hệ thống đường trục xã có chiều dài thống kê khoảng 35,50 km, diện tích đất giao thông 222.450 m², với 42,62 km đường ống thoát nước chính. Mạng lưới gồm các tuyến Diệt Pháp 1, Diệt Pháp 2; các tuyến kết nối Thụy Lôi – Lệ Chi; ĐT.376 cũ; ĐH.82, ĐH.83, ĐH.90, ĐH.92, ĐH.93 và tuyến

nối QL.38B (cầu Quán Đỏ) với ĐT.378. Phần lớn các tuyến đường huyện có bề rộng phần xe chạy khoảng 5,5 m, lộ giới 16 m, tạo điều kiện thuận lợi cho kết nối giữa các khu dân cư. Một số tuyến mới có mặt đường từ 5,5–7,5 m, riêng tuyến nối QL.38B với ĐT.378 có phần xe chạy 11 m, tạo trục giao thông có năng lực vận tải cao hơn.

Đáng chú ý, hệ thống thoát nước đã được đầu tư tương đối đồng bộ trên nhiều tuyến trục xã, tổng chiều dài khoảng 42,62 km, góp phần hạn chế ngập úng và nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị. Tuy nhiên, vẫn còn một số tuyến chưa có số liệu về hệ thống thoát nước chính như ĐT.376, ĐT.378, ĐH.82, ĐH.92 và tuyến nối QL.38B – ĐT.378; cần tiếp tục rà soát và bổ sung trong quá trình hoàn thiện hồ sơ.

Đường trục thôn, xóm có chiều dài khoảng 52 km, diện tích đất giao thông 234.000 m², bề rộng phần xe chạy phổ biến 3,5–5,5 m. Đây là mạng lưới trực tiếp phục vụ dân cư, kết nối các thôn với đường trục xã và các tuyến giao thông đối ngoại. Tuy nhiên, so với yêu cầu giao thông đô thị, một số tuyến còn có mặt cắt nhỏ, chưa có vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng và hệ thống thoát nước đồng bộ.



Hình 20: Một số tuyến đường giao thông và bến xe trên địa bàn xã Tiên Lữ

- Để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển theo hướng phường Tiên Lữ, cần tập trung: Nâng cấp các tuyến đường trục xã, đường liên thôn, ưu tiên các tuyến kết nối QL39 – ĐT376 – ĐT378. Mở rộng các tuyến đường có lưu

lượng lớn, từng bước đạt mặt cắt phù hợp với không gian đô thị. Xây dựng đồng bộ vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước trên các tuyến phố trung tâm. Cải tạo các nút giao có nguy cơ mất an toàn giao thông, đặc biệt khu vực trường học và khu dân cư tập trung. Từng bước ngầm hóa hệ thống điện, viễn thông trên các tuyến phố chính. Hình thành các điểm dừng xe buýt, bãi đỗ xe và điểm đỗ xe tập trung tại khu trung tâm. Kiểm soát tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè để kinh doanh. Gắn phát triển giao thông với Cụm công nghiệp Hải Triều và các khu vực phát triển đô thị mới; hồ sơ quy hoạch cụm công nghiệp này đã xác định giao thông và hạ tầng kỹ thuật là những nội dung cần tiếp tục hoàn thiện

Bảng 6: Thống kê hiện trạng giao thông trên địa bàn xã Tiên Lữ

TT	Tên đường	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)
	Tổng cộng			**48,70**	**736850,00**
I	**Cao tốc, Quốc lộ**			**2,90**	**66.700,00**
1	QL.39A	11	23,00	2,90	66.700
II	**Đường tỉnh**			**10,30**	**213.700,00**
2	ĐT.376	11,00	38,5	3,40	130.900
3	ĐT.378	11,00	Theo hành lang đê	6,90	82.800
III	**Đường trục xã**			**35,5**	**222450**
1	Tuyến đường Diệt Pháp 1	3,5-5,5	3,5-5,5	2,7	12.150
2	Tuyến đường Diệt Pháp 2	3,5-5,5	3,5-5,5	2,8	12.600
3	Tuyến đường từ ĐH.83 (thôn Thụy Lôi) đến thôn Lệ Chi (cuối thôn Thụy Dương cũ)	3,5-5,5	3,5-5,5	2,9	13.050
4	Tuyến đường từ ĐT.378 (dốc Xuôi) đến thôn Lệ Chi (cuối thôn Thụy Dương cũ)	5,5-7,5	5,5-7,5	2,7	17.550
5	Tuyến đường liên thôn Triều Dương, Hải Yến, Lương Trụ, Thụy Lôi	3,5-5,5	3,5-5,5	3,5	15.750
6	Tuyến đường liên thôn Lương Trụ, Hải Yến, Triều Dương	3,5-7,5	3,5-7,5	2,1	9.450
7	ĐT.376 cũ	7,5	7,5	2,6	23.400
8	ĐH.82	5,5	16	0,7	4.550
9	ĐH.83	5,5	16	2,1	13.650

10	ĐH.90	5,5	16	4,2	27.300
11	ĐH.92	5,5	16	4,2	27.300
12	ĐH.93	5,5	16	2,6	16.900
13	Đường nối QL.38B (cầu Quán Đỏ) với ĐT.378	11,0		2,4	28.800
IV	**Đường trục thôn, xóm**	**3,5-5,5**		**52**	**234.000**

Nguồn: UBND xã Tiên Lữ

- Đánh giá chung: hệ thống giao thông xã Tiên Lữ có lợi thế rõ rệt về vị trí và khả năng kết nối, với mạng lưới gồm QL39, ĐT.376, ĐT.378, các tuyến đường huyện, đường liên xã và giao thông thủy trên sông Luộc. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển Tiên Lữ theo hướng trung tâm thương mại – dịch vụ, đô thị và đầu mối giao thông khu vực Đông Nam tỉnh Hưng Yên. Trong giai đoạn tới, cần ưu tiên nâng cấp các tuyến trục chính; mở rộng mặt cắt đường; hoàn thiện vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước; tổ chức các điểm dừng đỗ và bãi đỗ xe; cải tạo các nút giao có nguy cơ mất an toàn; đồng thời từng bước ngầm hóa hệ thống điện, viễn thông trên các tuyến phố chính. Đây là những giải pháp cần thiết nhằm nâng cao chất lượng hạ tầng giao thông và đáp ứng yêu cầu phát triển Tiên Lữ.

b) Hiện trạng thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn xã Tiên Lữ được hình thành tương đối rộng, gắn với mạng lưới giao thông và hệ thống thủy lợi khu vực. Theo số liệu hiện trạng, toàn xã có 46,68 km đường ống thoát nước chính, trong đó 4,06 km dọc Quốc lộ 39A và 42,62 km trên các tuyến đường trục xã. Mạng lưới này cơ bản đáp ứng yêu cầu thu gom, dẫn nước mưa tại các tuyến giao thông chính và khu dân cư tập trung. Tuy nhiên, số liệu hiện trạng chưa bao quát đầy đủ hệ thống thoát nước trên các tuyến ĐT.376, ĐT.378 và khoảng 52 km đường trục thôn, xóm, do đó cần tiếp tục kiểm kê, cập nhật trong quá trình lập hồ sơ đô thị.

Đối với mạng lưới thoát nước đô thị, tuyến Quốc lộ 39A dài 2,90 km có khoảng 4,06 km đường ống thoát nước chính; các tuyến đường trục xã có tổng chiều dài thoát nước khoảng 42,62 km. Trong đó, tuyến Diệt Pháp 1 có 5,40 km đường ống; Diệt Pháp 2 có 5,60 km; tuyến ĐH.83 – Lệ Chi 4,06 km; tuyến ĐT.378 – Lệ Chi 4,32 km; tuyến liên thôn Triều Dương – Hải Yến – Lương Trụ – Thụy Lôi 4,20 km; tuyến Lương Trụ – Hải Yến – Triều Dương 2,10 km; ĐT.376 cũ 5,20 km; ĐH.83 2,94 km; ĐH.90 6,72 km và ĐH.93 2,08 km. Mạng lưới này cho thấy hệ thống thu gom nước mưa đã được đầu tư khá rộng, đặc biệt tại các khu vực dân cư và các tuyến giao thông có vai trò trục chính.

Về hệ thống tiêu nước cấp khu vực, Tiên Lữ nằm trong vùng tiêu Tây Nam Cửu An. Theo hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh, khu vực này có khoảng 26.312 ha diện tích cần tiêu trong đê, được định hướng tiêu hoàn toàn bằng động lực, với 57 trạm bơm, gồm 19 trạm chuyên tiêu và 38 trạm tưới, tiêu kết hợp; tổng năng lực tiêu khoảng 757.490 m^3/giờ. Hệ thống tiêu khu vực tiếp tục được định hướng nạo vét, mở rộng và kiên cố hóa các trục tiêu chính như sông Bắc Hổ, sông Nghĩa Trụ, sông Tân Hưng, kênh tiêu chính trạm bơm Mái Xá và Triều Dương, đồng thời nâng cấp các trạm bơm hiện có và xây dựng bổ sung công trình tiêu.

Đây là lợi thế quan trọng đối với Tiên Lữ trong kiểm soát nước mưa, bởi hệ thống thoát nước đô thị không hoạt động độc lập mà được kết nối với mạng lưới kênh, mương, trạm bơm tiêu của khu vực. Tuy nhiên, khả năng tiêu thoát nước vẫn phụ thuộc vào việc khơi thông dòng chảy, năng lực cống, cao độ nền, cửa xả và khả năng vận hành các trạm bơm. Tỉnh Hưng Yên cũng thường xuyên yêu cầu rà soát các khu vực trũng thấp, khó tiêu úng và bố trí máy bơm dã chiến khi cần thiết.

Bảng 7: Tổng hợp hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Tiên Lữ

TT	Tên đường tuyến đường	Chiều dài (km)	Chiều dài đường ống thoát nước chính
I	**Cao tốc, Quốc lộ**	**2,90**	**4,06**
1	QL.39A	2,90	4,06
II	**Đường tỉnh**	**10,30**	**0**
2	ĐT.376	3,40	
3	ĐT.378	6,90	
III	**Đường trục xã**	**35,5**	**42,62**
1	Tuyến đường Diệt Pháp 1	2,7	5,4
2	Tuyến đường Diệt Pháp 2	2,8	5,6
3	Tuyến đường từ ĐH.83 (thôn Thụy Lôi) đến thôn Lệ Chi (cuối thôn Thụy Dương cũ)	2,9	4,06
4	Tuyến đường từ ĐT.378 (dốc Xuôi) đến thôn Lệ Chi (cuối thôn Thụy Dương cũ)	2,7	4,32
5	Tuyến đường liên thôn Triều Dương, Hải Yến, Lương Trụ, Thụy Lôi	3,5	4,2
6	Tuyến đường Lương Trụ, Hải Yến, Triều Dương	2,1	2,1
7	ĐT.376 cũ	2,6	5,2
8	ĐH.82	0,7	
9	ĐH.83	2,1	2,94
10	ĐH.90	4,2	6,72
11	ĐH.92	4,2	
12	ĐH.93	2,6	2,08

13	Đường nối QL.38B (cầu Quán Đỏ) với ĐT.378	2,4	
IV	**Đường trục thôn, xóm**	**52**	

Nguồn: UBND xã Tiên Lữ

Thực tế cho thấy nguy cơ ngập cục bộ khi xuất hiện mưa lớn vẫn cần được quan tâm. Trong một đợt mưa lớn, lượng mưa đo tại Tiên Lữ đạt 122 mm, trong khi toàn tỉnh có thời điểm vận hành 30 trạm bơm tiêu úng. Điều này cho thấy việc đánh giá năng lực thoát nước của Tiên Lữ cần được xem xét cả ở cấp độ cống đô thị và hệ thống tiêu thủy lợi khu vực.

Nhìn chung, hệ thống thoát nước mưa xã Tiên Lữ được đánh giá ở mức khá, đã hình thành mạng lưới tương đối rộng với 46,68 km đường ống thoát nước chính, đồng thời có lợi thế về hệ thống tiêu thủy lợi khu vực. Tuy nhiên, hệ thống còn thiếu đồng bộ giữa đường ống, rãnh thu nước, hố ga, cửa xả và mạng tiêu khu vực; số liệu về đường kính, cao độ, công suất cống và lưu vực phục vụ chưa đầy đủ. Một số tuyến đường dân cư, đường thôn xóm còn cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu gom và tiêu thoát nước. Vì vậy, trong giai đoạn tới cần rà soát, lập bản đồ lưu vực thoát nước; bổ sung cống trên ĐT.376, ĐT.378 và các tuyến dân cư còn thiếu; nâng cấp các tuyến cống có tiết diện nhỏ; xây dựng đồng bộ hố ga, cửa thu, cửa xả; nạo vét định kỳ hệ thống cống, kênh tiêu; bảo vệ ao hồ và không gian trữ nước; đồng thời kết nối đồng bộ thoát nước đô thị với hệ thống thủy lợi và trạm bơm tiêu. Các giải pháp này phù hợp với định hướng của tỉnh về nạo vét, mở rộng, kiên cố hóa kênh tiêu và bảo vệ các không gian trữ nước tự nhiên nhằm tăng năng lực tiêu thoát và thích ứng với mưa lớn, biến đổi khí hậu.

c) Hiện trạng cấp nước

Xã Tiên Lữ được xác định là khu vực có vai trò phát triển đô thị, dịch vụ – thương mại và sản xuất nông nghiệp của khu vực phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên. Với diện tích tự nhiên khoảng 19,51 km² và dân số khoảng 27.405 người, nhu cầu sử dụng nước sạch phục vụ sinh hoạt, thương mại – dịch vụ, công cộng và sản xuất ngày càng tăng. Hệ thống cấp nước trên địa bàn từng bước được đầu tư theo hướng cấp nước tập trung, sử dụng nguồn nước mặt và mạng lưới đường ống truyền tải liên xã.

Trên địa bàn và khu vực lân cận xã hiện có các công trình cấp nước tập trung có khả năng cung cấp nước cho khu vực Tiên Lữ. Đáng chú ý, Công ty TNHH Cấp nước Hải Hưng đóng trên địa bàn xã Tiên Lữ, có năng lực cấp nước trên 15.000 m³/ngày đêm, phục vụ khu vực Hưng Yên và Tiên Lữ. Bên cạnh đó, Nhà máy nước Phù Tiên tại khu vực Cương Chính được cấp nước từ nguồn nước

mặt sông Luộc, có công suất đăng ký 5.000 m³/ngày đêm, quản lý khoảng 30 km tuyến ống truyền tải, cấp nước cho một số xã thuộc Tiên Lữ và Phù Cừ.

Công Ty TNHH cấp nước hải hưng và Công Ty Nước Sạch Phù Tiên là những đơn vị có vai trò trực tiếp hoặc liên quan đến hệ thống cấp nước khu vực. Trên địa bàn hiện cũng ghi nhận Nhà máy nước Thụy Lôi, là một trong các đầu mối cấp nước cần tiếp tục rà soát về công suất thực tế, phạm vi phục vụ và tỷ lệ đấu nối của các hộ dân.

Về nguồn nước, khu vực Tiên Lữ có lợi thế tiếp cận nguồn nước mặt sông Luộc và hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hệ thống cấp nước tập trung. Quy hoạch cấp nước trước đây của tỉnh cũng xác định Nhà máy cấp nước Phù Tiên là một trong các công trình khai thác nguồn nước sông Luộc, với định hướng nâng công suất dài hạn lên 20.000 m³/ngày đêm vào năm 2030.



Hình 21: Nhà máy cấp nước sạch trên địa bàn xã Tiên Lữ

Theo số liệu điều tra cấp nước của tỉnh tại thời điểm năm 2020, tỷ lệ dân số Tiên Lữ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 54,9%. Đây là số liệu lịch sử, do đó không nên sử dụng như số liệu hiện trạng năm 2026; khi hoàn thiện Đề án cần cập nhật thêm số hộ đã đấu nối, tổng số hộ dân, số dân được cấp nước sạch và tỷ lệ bao phủ thực tế năm 2026. Việc mở rộng mạng lưới cấp nước tập trung là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt và đáp ứng tiêu chí đô thị.

Đánh giá chung: Hệ thống cấp nước xã Tiên Lữ đã hình thành mạng lưới cấp nước tập trung và có nguồn cung tương đối thuận lợi, với các nhà máy có tổng công suất đăng ký lớn hơn đáng kể so với nhu cầu sinh hoạt hiện tại của một bộ phận dân cư. Tuy nhiên, mạng lưới phân phối và tỷ lệ đấu nối đến từng thôn, khu dân cư cần tiếp tục được mở rộng; đồng thời cần kiểm soát chất lượng nguồn nước mặt, áp lực nước và khả năng cấp nước liên tục trong mùa khô, thời điểm mưa lũ. Đối với quá trình phát triển đô thị, cần ưu tiên mở rộng mạng lưới đường ống đến 100% khu dân cư, cải tạo các tuyến ống cũ, bổ sung tuyến truyền tải và các điểm đấu nối mới; từng bước nâng tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch từ hệ thống tập trung lên ≥95% và hướng tới 100%. Đồng thời, cần xây dựng phương án cấp nước dự phòng, bảo đảm an toàn nguồn nước và đáp ứng nhu cầu phát triển dân số, thương mại – dịch vụ, công trình công cộng và các khu đô thị mới trên địa bàn.

d) Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- *Thoát nước thải:*

*Thoát nước thải sinh hoạt

Hệ thống thoát nước hiện nay chủ yếu là thoát nước chung, kết hợp nước mưa và nước thải sinh hoạt qua hệ thống cống, rãnh dọc đường giao thông và trong khu dân cư. Nước thải hộ gia đình cơ bản được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát ra hệ thống chung. Tuy nhiên, chưa hình thành hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung quy mô xã; một số khu dân cư còn sử dụng hệ thống cống, rãnh nhỏ, khả năng tiêu thoát và xử lý chưa cao. Theo kết quả giám sát môi trường giai đoạn 2021–2024, khu vực huyện Tiên Lữ trước đây chưa có công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung đáp ứng đầy đủ yêu cầu; địa phương đã rà soát, bố trí quỹ đất để đầu tư công trình xử lý nước thải tập trung.

* Thoát nước thải các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Nước thải từ các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cần được xử lý kỹ lưỡng để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp này phải có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung. Việc này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn đảm bảo an toàn cho sức khỏe cộng đồng, ngăn ngừa các tác động tiêu cực từ chất thải công nghiệp.

- *Chất thải rắn (CTR), nghĩa trang:*





Hình 22: Nghĩa trang liệt sĩ xã Tiên Lữ

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 6.620 tấn/năm, tương đương khoảng 18,1 tấn/ngày; trong đó lượng CTR được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 5.615 tấn/năm, tương đương 84,82%; còn khoảng 1.005 tấn/năm (15,18%) chưa được xử lý đáp ứng yêu cầu. Tổng số hộ gia đình là 7.768 hộ, trong đó 4.271 hộ, tương đương 55%, đã triển khai phân loại CTR tại nguồn. Như vậy, công tác thu gom, xử lý rác đã được triển khai tương đối rộng nhưng tỷ lệ xử lý và phân loại tại nguồn còn thấp so với yêu cầu của khu vực đô thị. Trong thời gian tới cần nâng tỷ lệ CTR được thu gom, xử lý đạt 100%, đồng thời phấn đấu tỷ lệ hộ phân loại CTR tại nguồn đạt 80–100%, tăng cường tái chế, tái sử dụng và giảm chôn lấp

Bảng 8: Tổng hợp thông kê các nghĩa trang trên địa bàn xã Tiên Lữ

TT	Nghĩa trang nhân dân	Địa điểm	Diện tích xây dựng theo (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)
1	Nghĩa trang Hoa Sen	thôn Thuỵ Lôi	1,30	1,36
2	Nghĩa trang Nguyễn Ngọc	thôn Thuỵ Lôi	0,34	0,34
3	Nghĩa trang Ao Vợt	thôn Thuỵ Lôi	0,23	0,23
4	Nghĩa trang Lệ Chi	thôn Lệ Chi	0,98	0,98
5	Nghĩa trang Mô Cao	thôn Lệ Chi	0,57	0,57
6	Nghĩa trang Âm Hồn	thôn Thuỵ Dương	1,40	1,40
7	Nghĩa trang Lương Trụ và An Lạc	thôn Lương Trụ	1,10	1,16
8	Nghĩa trang Trên Đồng	thôn Chỉ Thiện	0,93	0,93
9	Nghĩa trang Lạc Dục	thôn Lạc Dục	1,62	1,62
10	Nghĩa trang An Lạc	thôn An Lạc	0,84	1,14
11	Nghĩa trang thôn Hải Yến	thôn Hải Yến	4,32	6,22

12	Nghĩa trang thôn Triều Dương	thôn Hải Yến	1,71	3,10
13	Nghĩa trang Chùa Am	thôn Lam Sơn	0,33	0,54
14	Nghĩa trang Chùa Am	Thôn Diệt Pháp	0,09	0,09
15	Nghĩa trang Ma đầu	Thôn Diệt Pháp	3,2	3,20
16	Nghĩa trang Ma cả	Thôn Diệt Pháp	5,80	5,80
17	Nghĩa trang đội 9	Thôn Diệt Pháp	0,08	0,08
18	Nghĩa trang Quán Bêu	Thôn Toàn Tiến	1,00	1,00
19	Nghĩa trang Đường Lẽ	Thôn Tân Khai	1,40	1,40
20	Nghĩa trang Sau chùa Bỗ	Thôn Tân Khai	0,90	0,90
21	Nghĩa trang liệt sĩ xã Đức Thắng cũ	thôn Lương Trụ	0,18	0,04
22	Đài tưởng niệm liệt sĩ Thuỵ Lôi	thôn Thuỵ Lôi	0,36	
23	Nghĩa trang liệt sĩ Thiện Phiến cũ	thôn Tân Khai	0,29	0,29
	Tổng cộng		**28,96**	**32,39**

Nguồn: UBND xã Tiên Lữ

Về nghĩa trang: Hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã tương đối phong phú, phân bố tại các thôn, cơ bản đáp ứng nhu cầu mai táng của nhân dân. Theo thống kê hiện trạng, xã có 23 công trình/khu nghĩa trang và công trình tưởng niệm, gồm 20 nghĩa trang nhân dân, 2 nghĩa trang liệt sĩ và 1 đài tưởng niệm liệt sĩ. Tổng diện tích xây dựng hiện trạng khoảng 28,96 ha, tổng diện tích theo quy hoạch khoảng 32,39 ha, tăng khoảng 3,43 ha so với diện tích hiện trạng, tương đương khoảng 11,8%.

Trong đó, một số nghĩa trang có quy mô tương đối lớn như Nghĩa trang Ma Cả 5,80 ha; Nghĩa trang thôn Hải Yến 4,32 ha; Nghĩa trang Ma Đầu 3,20 ha; Nghĩa trang Triều Dương 1,71 ha; Nghĩa trang Lạc Dục 1,62 ha; Nghĩa trang Âm Hồn 1,40 ha. Riêng nghĩa trang thôn Hải Yến được quy hoạch mở rộng từ 4,32 ha lên 6,22 ha, tăng 1,90 ha; nghĩa trang Triều Dương từ 1,71 ha lên 3,10 ha, tăng 1,39 ha; nghĩa trang An Lạc từ 0,84 ha lên 1,14 ha, tăng 0,30 ha. Điều này cho thấy quỹ đất nghĩa trang về cơ bản đã được dự kiến đáp ứng nhu cầu lâu dài.

Tuy nhiên, hệ thống nghĩa trang hiện nay còn phân tán tại nhiều thôn, quy mô và mức độ đầu tư hạ tầng chưa đồng đều. Một số nghĩa trang cần tiếp tục hoàn thiện đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, cây xanh, hàng rào, cổng và các công trình phụ trợ; đồng thời cần kiểm soát chặt chẽ việc mở rộng nghĩa trang, bảo đảm khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường và phù hợp quy hoạch sử dụng đất. Đối với các khu nghĩa trang có quy mô lớn, cần ưu tiên chỉnh trang theo hướng nghĩa trang xanh, sạch, văn minh, từng bước khuyến khích hình thức hỏa táng và sử dụng đất tiết kiệm.

Đánh giá chung: Hạ tầng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang của xã Tiên Lữ đã hình thành tương đối đầy đủ nhưng chưa đồng bộ theo yêu cầu phát triển đô thị. Các vấn đề cần ưu tiên khắc phục gồm: chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; tỷ lệ CTR được xử lý mới đạt 84,82% và tỷ lệ hộ phân loại tại nguồn đạt 55%; hệ thống nghĩa trang còn phân tán với 28,96 ha hiện trạng và 32,39 ha quy hoạch. Giai đoạn 2026–2030, xã cần tập trung đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; hoàn thiện mạng lưới thoát nước; nâng tỷ lệ thu gom, xử lý CTR lên 100%, đẩy mạnh phân loại tại nguồn; đồng thời chỉnh trang, nâng cấp các nghĩa trang hiện hữu và quản lý chặt quỹ đất nghĩa trang theo quy hoạch. Qua đó từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng môi trường, nâng cao chất lượng sống của người dân và đáp ứng yêu cầu phát triển xã Tiên Lữ theo định hướng đô thị loại III.

e) Hiện trạng cấp điện

Hệ thống cấp điện trên địa bàn xã Tiên Lữ cơ bản đã được đầu tư phủ đến các khu dân cư, đáp ứng nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, thương mại – dịch vụ, các công trình công cộng và hoạt động sản xuất kinh doanh. Xã có quy mô khoảng 19,51 km², dân số khoảng 27.405 người, do đó nhu cầu phụ tải điện tiếp tục tăng cùng với quá trình đô thị hóa và phát triển các khu dân cư, dịch vụ. Hệ thống điện được cấp từ lưới điện khu vực, thông qua mạng lưới trung áp, trạm biến áp phân phối và lưới hạ áp đến các hộ sử dụng điện. Công ty Điện lực Hưng Yên đang tiếp tục cải tạo, nâng công suất và hiện đại hóa lưới điện nhằm đáp ứng phụ tải ngày càng tăng; năm 2025 sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh đạt gần 10,59 tỷ kWh, công suất cực đại trên 2.000 MW, tăng 12% so với năm 2024.

Đối với chiếu sáng công cộng, đây là hạng mục được xã Tiên Lữ tập trung đầu tư trong những năm gần đây. Toàn xã có khoảng 100 km đường giao thông nông thôn; hiện trên 90% các tuyến đường trục chính xã, liên xã đã được lắp đặt hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn cao áp và đèn năng lượng mặt trời; khoảng 80% đường ngõ, xóm đã có điện chiếu sáng. Đây là mức độ bao phủ tương đối cao, góp phần bảo đảm an toàn giao thông, an ninh trật tự và cải thiện cảnh quan khu dân cư.



Hình 23: Chiếu sáng trên địa bàn xã Tiên Lữ

Đáng chú ý, trong năm 2025, xã đã hoàn thành lắp đặt hơn 400 cột đèn năng lượng mặt trời, với tổng kinh phí trên 28 tỷ đồng từ ngân sách địa phương. Hệ thống được bố trí trên các tuyến đường trọng điểm và khu vực trung tâm, trong đó có tuyến ĐT.376, góp phần hình thành các tuyến đường được chiếu sáng liên tục, giảm phụ thuộc vào điện lưới và tiết kiệm chi phí vận hành.

Bên cạnh đó, năm 2025 xã đã bố trí trên 20 tỷ đồng để nâng cấp, cải tạo khoảng 18 km đường giao thông nông thôn, đồng thời lắp đặt gần 500 bộ đèn chiếu sáng trên các tuyến đường được nâng cấp. Người dân cũng đóng góp hàng tỷ đồng để lắp đặt hệ thống chiếu sáng tại các khu dân cư, ngõ xóm. Việc thực hiện theo phương châm nâng cấp đường đến đâu, đầu tư chiếu sáng đến đó đã tạo sự đồng bộ giữa giao thông và hạ tầng kỹ thuật, góp phần cải thiện đáng kể diện mạo xã.

Đánh giá chung: Hệ thống cấp điện của xã Tiên Lữ cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại, mạng lưới điện và chiếu sáng đã được hình thành trên các tuyến giao thông chính. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và mục tiêu trở thành phường, cần tiếp tục nâng công suất nguồn và mạng lưới phân phối, tăng độ tin cậy cấp điện, mở rộng chiếu sáng, đẩy mạnh ngầm hóa và ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, bảo đảm hệ thống điện an toàn, ổn định, đồng bộ và phù hợp với quy mô phát triển đô thị đến năm 2030.

f) Hiện trạng thông tin liên lạc, bưu điện

Hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính và viễn thông trên địa bàn xã Tiên Lữ hiện cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của người dân, cơ quan, doanh

nghiệp và các hoạt động sản xuất – kinh doanh. Hệ thống viễn thông của xã được kết nối với mạng viễn thông chung của tỉnh Hưng Yên, bao gồm mạng điện thoại di động, mạng Internet băng rộng và mạng truyền dẫn dữ liệu. Các dịch vụ viễn thông ngày càng đa dạng, với Internet cáp quang, điện thoại di động và các dịch vụ dữ liệu tốc độ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin và sử dụng các dịch vụ số.

Về hạ tầng viễn thông: mạng thông tin di động và Internet đã được triển khai tương đối rộng trên địa bàn, phục vụ các hộ dân, cơ quan hành chính, trường học, cơ sở y tế và các cơ sở sản xuất – kinh doanh. Hạ tầng viễn thông đang chuyển dịch theo hướng cáp quang, Internet băng rộng, 4G/5G và nền tảng số, tạo điều kiện phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đặc biệt, trong năm 2026, xã đã tổ chức tập huấn chuyển đổi số, đồng thời kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, cho thấy việc phổ cập và khai thác hạ tầng số đang được đẩy mạnh.

Một chỉ tiêu đáng chú ý là Cổng thông tin điện tử xã Tiên Lữ đã được duy trì và cập nhật thường xuyên, cung cấp thông tin về thủ tục hành chính, văn bản, quy hoạch – kế hoạch, giáo dục, y tế và các hoạt động của chính quyền. Tại thời điểm rà soát, Cổng thông tin ghi nhận khoảng 1,79 triệu lượt truy cập, cho thấy mức độ khai thác khá lớn của kênh thông tin điện tử trong phục vụ người dân.

Về mạng lưới bưu chính: trên địa bàn và khu vực Tiên Lữ đã có các điểm phục vụ bưu chính, trong đó có Bưu điện Thuỵ Lôi, đồng thời người dân còn được tiếp cận mạng lưới chuyển phát của các doanh nghiệp bưu chính – viễn thông. Hệ thống này cơ bản đáp ứng nhu cầu gửi, nhận thư từ, hồ sơ, hàng hóa và đặc biệt là nhu cầu giao nhận phát sinh từ thương mại điện tử. Mạng lưới bưu chính cần tiếp tục gắn với dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và chuyển phát hồ sơ hành chính để nâng cao chất lượng phục vụ.

Đánh giá chung: Hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính – viễn thông xã Tiên Lữ cơ bản đáp ứng yêu cầu hiện tại và có nền tảng tốt để phát triển đô thị số. Việc vận hành Cổng thông tin điện tử, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp thôn và phát triển hạ tầng Internet tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận dịch vụ công, thương mại điện tử và các dịch vụ số. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận Internet cáp quang, tỷ lệ phủ sóng 4G/5G, số lượng trạm BTS và các điểm phục vụ bưu chính để hoàn thiện bộ số liệu đánh giá theo tiêu chí đô thị.

Trong giai đoạn 2026–2030, xã cần ưu tiên mở rộng cáp quang đến toàn bộ khu dân cư, nâng cao chất lượng phủ sóng 4G/5G tại các khu vực còn yếu; phát

triển các điểm bưu chính – chuyển phát gắn với thương mại điện tử; từng bước ngầm hóa cáp viễn thông trên các tuyến phố chính và khu vực trung tâm; xây dựng hệ thống camera an ninh, điểm Wi-Fi công cộng và hạ tầng dữ liệu phục vụ quản lý đô thị. Đồng thời, tiếp tục duy trì Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số. Qua đó hình thành hệ thống thông tin liên lạc đồng bộ, hiện đại, an toàn, đáp ứng yêu cầu phát triển xã Tiên Lữ

3. Đánh giá phân loại xã Tiên Lữ so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

3.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Tiên Lữ thuộc cực phát triển phía Nam, Đông Nam của huyện Tiên Lữ cũ; được định hướng phát triển là trung tâm giao thương trên sông Luộc của vùng huyện cũng như phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên thông qua công trình cảng Thụy Lôi dự kiến; là trung tâm vùng phát triển nông nghiệp và dịch vụ du lịch của huyện Tiên Lữ cũ. Với lợi thế liền kề khu trung tâm thành phố Hưng Yên cũ, khu đại học Phố Hiến, tại đây được định hướng bố trí các công trình công cộng, thương mại dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân các xã phía Tây Nam huyện. Đây sẽ là một đô thị trung tâm dịch vụ liên vùng về giao thương với khu vực trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh với các tỉnh thành trong khu vực thông qua lợi thế của Quốc lộ 39A và đường tránh Quốc lộ 38B, đường ĐT.376 đi qua địa bàn.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Tiên Lữ nằm trong vùng quy hoạch đô thị Phố Hiến (Cửa ngõ phía Bắc của khu đô thị Phố Hiến), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị

hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Tiên Lữ còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030; trong đó, khu vực thị trấn Vương (cũ) đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Như vậy xã Tiên Lữ có vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông cấp tỉnh.

→ Đánh giá vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực cấp Tỉnh, đạt 7,0/7,0 điểm.

2. Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối

Về vai trò trong hệ thống đô thị của tỉnh, Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 xác định định hướng tổ chức không gian phát triển huyện gắn với hệ thống đô thị, các trung tâm dịch vụ và các hành lang giao thông quan trọng. Trong định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên, Tiên Lữ được xác định là một trong các đơn vị hành chính đô thị của tỉnh đến năm 2030, tiếp tục được định hướng phát triển thành thị xã Tiên Lữ trong giai đoạn 2030–2037. Điều này khẳng định vai trò của Tiên Lữ không chỉ là trung tâm hành chính của đơn vị cấp xã hiện nay mà còn là hạt nhân đô thị hóa và trung tâm dịch vụ – kinh tế của khu vực phía Đông Nam tỉnh

Về vai trò trung tâm hành chính – dịch vụ, sau khi sáp nhập, Tiên Lữ có quy mô dân số trên 27 nghìn người và là địa bàn tập trung các công trình hành chính, giáo dục, y tế, thương mại – dịch vụ phục vụ dân cư trong xã và các khu vực lân cận. Hệ thống dịch vụ thương mại hiện có Chợ Tiên Lữ cùng các cơ sở kinh doanh

dọc các tuyến giao thông chính; hệ thống giáo dục có Trường THPT Tiên Lữ, tạo điều kiện hình thành mạng lưới dịch vụ đô thị tương đối đa dạng. Chợ Tiên Lữ Trường THPT Tiên Lữ

Về vai trò động lực phát triển kinh tế, Tiên Lữ đang chuyển dịch từ cơ cấu thuần nông sang phát triển tổng hợp công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ và nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Nhiệm kỳ 2020–2025, giá trị sản xuất bình quân đạt 10,7%/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 80 triệu đồng/người/năm, giá trị thu trên 1 ha canh tác đạt khoảng 240 triệu đồng/năm. Giai đoạn 2025–2030, xã đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân 10,5%/năm, thu nhập bình quân đến năm 2030 đạt 150 triệu đồng/người/năm. Đặc biệt, xã định hướng đưa Cụm công nghiệp Thiện Phiến và Cụm công nghiệp Hải Triều vào hoạt động, đồng thời phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và đẩy mạnh thương mại – dịch vụ.

Về khả năng liên kết vùng, Tiên Lữ có lợi thế đặc biệt khi nằm trên các tuyến giao thông kết nối với thành phố Hưng Yên, các khu vực Ân Thi, Phù Cừ và các địa bàn phía Đông Nam tỉnh. Tuyến QL39, ĐT.376, ĐT.378 cùng tuyến tránh QL38B tạo mạng lưới kết nối đường bộ; trong khi sông Luộc tạo điều kiện phát triển vận tải thủy, logistics và khai thác lợi thế mặt nước. Việc tỉnh đầu tư tuyến đường quy hoạch vùng huyện Tiên Lữ nối ĐT.376 với cụm công nghiệp Phù Cừ tiếp tục củng cố vai trò đầu mối kết nối sản xuất – công nghiệp – dịch vụ của khu vực.

Đánh giá tổng hợp: Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống giao thông liên vùng, các công trình dịch vụ – xã hội hiện hữu và định hướng phát triển mạnh công nghiệp, thương mại – dịch vụ, Tiên Lữ có đủ điều kiện để phát huy vai trò đô thị trung tâm của khu vực phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên. Trong giai đoạn tới, cần tập trung phát triển khu vực trung tâm xã thành hạt nhân hành chính – thương mại – dịch vụ, đồng thời hình thành các cực phát triển công nghiệp tại Hải Triều, Thiện Phiến; đầu tư đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng. Qua đó từng bước nâng cao vai trò của Tiên Lữ từ trung tâm hành chính - dịch vụ cấp xã hiện nay trở thành trung tâm đô thị cấp khu vực, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội phía Đông Nam tỉnh và phù hợp với định hướng hình thành thị xã Tiên Lữ trong giai đoạn sau năm 2030.

→ Đánh giá vai trò, vị trí đô thị trung tâm cấp xã đạt 6,0/8,0 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 13,0/15,0 điểm.

3.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hoá

1. Quy mô dân số đô thị

Dân số thường trú trên địa bàn khu vực xã Tiên Lữ là 26.488 người và dân số tạm trú quy đổi là 416 người (bao gồm: doanh nhân kinh doanh và buôn bán tại đô thị, lao động tạm trú làm việc và doanh nghiệp sản xuất tạm trú và lực lượng tạm trú khác có thời gian tạm trú trung bình 07 ngày). Tổng dân số toàn xã Tiên Lữ là 27.305 người so với quy định của đô thị loại III từ 20.000-200.000 người đánh giá đạt 5,56/7,00 điểm.

2. Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư trên địa bàn. Dân số trên địa bàn khu vực xã Tiên Lữ đã bao gồm quy đổi là 27.305 người. Tổng diện tích đất tự nhiên là 19,56 km^2. Mật độ dân số toàn đô thị trên diện tích đất tự nhiên là 27.305 người/19,56 km^2 đạt 1.385 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 500 đến 1.000 người/km^2, đánh giá đạt điểm 6,00/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế (công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại và nông nghiệp) là: 13.540 người.

Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ - thương mại là 10.988 người.

Do đó, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là: K = 10.988/13.540 người, đạt 81,15%, (tiêu chuẩn quy định từ 55% đến 65%). Đánh giá đạt 7,00/7,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2 mức độ đô thị hoá đạt 18,56/15,0 điểm

3.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Đầu mối giao thông

Mạng lưới giao thông vận tải của xã Tiên Lữ chủ yếu là đường bộ; Đường giao thông đô thị chủ yếu là đường bê tông nhựa và đường nhựa với chất lượng tương đối tốt. Có tuyến đường giao thông đối ngoại như: QL.39A; Đường tỉnh ĐT.376; ĐT.378; Tuy nhiên trên địa bàn xã hiện nay không có các loại hình đầu mối gioa thông như: Cảng hàng không; Cảng đường thủy, Cảng cạn, ga đường sắt, Bến xe liên tỉnh. Đánh giá đầu mối giao thông chưa đạt điểm 0/4,0 điểm.

b) Mật độ đường giao thông đô thị

Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Tiên Lữ là 48,70 km. Diện tích đất xây dựng đô thị là 5,99 km^2. Mật độ đường giao thông chính đô thị là 48,70 km/5,99 km^2 đạt 8,13 km/km^2 (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 4 – 6 km/km^2). Đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về giao thông đạt: 5,0/9,0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

Mạng phân phối nước chính hiện tại khu vực xã Tiên Lữ đang được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, nước sạch tập trung được cấp từ Nhà máy nước sạch Tiên Lữ. Tổng dân số toàn xã là 27.305 người. Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 25.604 người. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 25.604/27.305 đạt 93,77% (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 85 - 95%). Đánh giá đạt 2,73/3,00 điểm.

b) Mật độ đường cống thoát nước chính

Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chính xã Tiên Lữ là 46,68 km; mật độ đường cống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 46,68 km/5,99 km^2; đạt 7,79 km/km^2 (tiêu chuẩn quy định từ 3-3,5 km/km^2); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch

Trên địa bàn xã Tiên Lữ hiện nay chưa có trạm nào được đưa vào vận hành. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt 0%. Đánh chưa đạt điểm 0/0 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 5,58/7,0 điểm.

3. Xử lý chất thải rắn

Hoạt động thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh là 6.620 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 5.615 (Tấn/năm). Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường là 5.615/6.620 đạt 84,82 % (tiêu chuẩn quy định từ 70-80%); đánh giá đạt 3,0/3,00 điểm.

4. Nghĩa trang đô thị

- Hiện nay trên địa bàn xã có 23 nghĩa trang được xây dựng và sử dụng với tổng diện tích 28,96 ha. Diện tích đất nghĩa trang trong quy hoạch là 32,39 ha. Tỷ

lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là 28,961/32,39 đạt 89,42% (tiêu chuẩn quy định từ 50-70%); đánh giá chưa đạt 3,00/3,00 điểm.

- Trên địa bàn xã Tiên Lữ chưa có dự án nhà tang lễ (tiêu chuẩn quy định có dự án - 01 nhà tang lễ); đánh giá chưa đạt 0/3,00 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Số Giường bệnh

- Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế phục vụ tính xã Tiên Lữ là 90 giường. Bình quân số giường bệnh đạt 32,75 giường/10.000 dân. (tiêu chuẩn quy định từ 30 - 35 giường bệnh/10.000 người). Đánh giá đạt 4,44/5,00 điểm.

2. Cơ sở giáo dục đào tạo

Trên địa bàn khu vực xã Tiên Lữ có 1 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: Trường THPT Hoàng Hoa Thám. (tiêu chuẩn quy định từ 1-10 cơ sở); đánh giá đạt 3,75/5,00 điểm.

3. Công trình văn hoá

- Trên địa bàn xã Tiên Lữ có 6 công trình văn hóa cấp đô thị: Miếu Mương; Nhà thờ họ Đào; Đền Thụy Lôi; Nhà thờ họ Đoàn; Đền Triều Dương; Chùa Triều Dương; Đình Hải Yến; Chùa Hải Yến; Đền Hải Yến (tiêu chuẩn quy định từ 2-10 công trình); đánh giá đạt 4,84/5,00 điểm.

4. Công trình thể dục thể thao

- Trên địa bàn xã Tiên Lữ có 6 công trình thể dục thể thao cấp đô thị là Sân vận động xã; Sân bóng Hoàng Minh phố Xuôi; Sân bóng Thụy Lôi; Sân bóng Hải Triều; Sân bóng Lương Trụ; Sân pickerball Thụy Lôi; Sân pickerball Thụy Lôi đáp ứng nhu cầu vui chơi, thể dục thể thao (tiêu chuẩn 2-5 công trình); đánh giá đạt điểm 3,00/3,00 điểm.

5. Công trình thương mại dịch vụ

- Trên địa bàn có 03 công trình thương mại dịch vụ lớn: Chợ Xuôi; Siêu thị Tứ đệ; Siêu thị điện máy xanh Thụy Lôi. (Yêu cầu đối đô thị loại III từ 2-5 công trình); đánh giá đạt 2,33/3,00 điểm.

6. Đất công trình dịch vụ bình quân đầu người

- Hệ thống công trình dịch vụ công cộng đô thị gồm các công trình giáo dục văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ... có tổng diện tích: 139.077 m^2, bình quân đất công trình dịch vụ cấp đô thị trên dân số nội thị là 139.077

m^2/27.305 người, đạt 2,34 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,5-2,0 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội đạt: 22,37/25,0 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên

Trên địa bàn xã hiện nay có 2 không gian xanh sử dụng công cộng >02ha trong các khu dân cư Thuỵ Lôi, khu dân cư Lệ Chi (tiêu chuẩn quy định từ 1-2 khu). Đánh giá đạt 4,0/4,00 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Tiên Lữ là 1.956,38 ha. Tổng diện tích không gian xanh của xã Tiên Lữ là 1.284,59 ha (bao gồm thảm thực vật ven sông, hồ; đất sản xuất nông nghiệp; cây xanh chuyên dụng, không gian cây xanh ngoài công cộng). Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên là 1.284,59/1.956,38 đạt 65,66% (tiêu chuẩn quy định từ 25-35%). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị

- Hiện nay trên địa bàn xã có công viên trung tâm vườn hoa xã Tiên Lữ. Do vậy đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt 6,21 m^2/người. (tiêu chuẩn quy định từ 6,0-7,0 m^2/người). Đánh giá 2,61 đạt điểm.

4. Quy chế quản lý kiến trúc đô thị

- Hiện nay xã đang chuẩn bị triển khai lập quy hoạch đô thị, kế hoạch phát triển đô thị theo Điều chỉnh quy hoạch chung tỉnh và chương trình phát triển đô thị tỉnh được duyệt. Hiện nay trên đại bàn xã chưa ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Do vậy đánh giá đạt 0/5,0 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: 9,61/15,0 điểm.

3.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Tiên Lữ

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Qua đánh giá hiện trạng phát triểnxã Tiên Lữ năm 2025 so với tiêu chí đô thị loại III đạt **80,42/100 điểm**. Cụ thể như sau:

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,50**	**15**	**13,00**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,50**	**20**	**18,56**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48,00**	**65**	**48,86**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18,25	25	16,88
III.2	Về hạ tầng xã hội	18,25	25	22,37
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11,50	15	9,61
	Tổng cộng	**75**	**100**	**80,42**

(Chi tiết xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục I)

4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị theo bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết 111

4.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng trưởng dân số năm 2025 của xã Tiên Lữ là 1,00%; (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,4%). Đánh giá đạt 3,50/5,0 điểm.

2. Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người xã Tiên Lữ đạt 89,00 triệu đồng người/năm so với bình quân cả tỉnh (78 triệu đồng/người/ năm 2025) gấp 1,14 lần (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,2 lần). Đánh giá đạt 6,00/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã Tiên Lữ năm 2025 là 0,48%. (tiêu chuẩn quy định từ 5-4%). Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn xã có Có công trình di tích lịch sử cấp quốc gia, được cộng 0,5 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt 13,55/15,0 điểm.

4.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí Mức độ đô thị hóa

1. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

Dân số toàn xã năm 2025 là 27.305 người. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Tiên Lữ là 5,99 km^2. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 29.562/5,99 đạt 4.522 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 4.000 đến 6.000 người/km^2. Đánh giá đạt 8,52/10,00 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng xã Tiên Lữ năm 2025 là 5,99 so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt 53,30 % (tiêu chuẩn quy định từ 50-75%), đánh giá đạt 4,69/6 điểm.

3. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ vượt so với mục tiêu đề ra từ 3% trở lên. Kết quả thực hiện năm 2025 tăng theo mục tiêu đề ra. Đánh giá đạt: 3,00/4,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa đạt 16,21/20,00 điểm

4.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Tổng diện tích đất giao thông đô là 73,69 ha, diện tích đất xây dựng đô thị là 599 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị là (108/734) *100%, đạt 12,30% (tiêu chuẩn quy định từ 12-17%); đánh đạt 2,06/3,0 điểm.

b) Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Tổng diện tích đất giao thông chính xã Tiên Lữ là 73,69 ha; bình quân diện tích đất giao thông bình quân đầu người là 73,69*10.000/27.305 người, đạt 26,82 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 7-9 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Trên địa bàn xã hiện nay có tỷ lệ ngầm hoá đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính đạt 43,75%. Đánh giá chưa đạt điểm 3,0/3,0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2025 đạt 110 lít/người/ngày đêm, đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

b) Thoát nước chống ngập úng đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã Tiên Lữ có 100% các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng và đang thực hiện các giải pháp chống ngập úng trong đô thị. (tiêu chuẩn từ 25% -50%). Đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

c) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị

a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Hoạt động thu gom xử lý CTR sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã năm 2025 là 6.620 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi

trường đạt 5.615 tấn/năm. Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 84,82 % *(tiêu chuẩn từ 80-90%); đánh giá đạt 1,74/2,00 điểm.*

b) Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Trên địa bàn xã hiện nay các hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn. UBND xã đang triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của phân loại chất thải rắn tại nguồn. Tỷ lệ số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn (%) đạt 54,98%. Đánh giá đạt điểm 0,79/1,0 điểm.

c)Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Số ca tử vong trên địa bàn xã năm 2025 là 130 ca. Số ca sử dụng hình thức hoả táng là 75 ca. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 57,69% (tiêu chuẩn: đạt từ 5-15%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

4. Cấp điện chiếu sáng và công cộng

a) Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Hiện nay 100% dân số xã sử dụng lưới điện Quốc gia. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người năm 2025 đạt 1.079 kwh/người/năm. (tiêu chuẩn quy định từ 400 - 1000 kwh/người/năm). Đánh giá đạt 2,0/2,00 điểm.

b) Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Mạng lưới chiếu sáng trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng đạt 100% (tiêu chuẩn 80-95%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Hiện nay trên địa bàn xã có 6/16 tuyến sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng đạt 37,50% (tiêu chuẩn 15-50%); đánh giá đạt 0,91/1,00 điểm.

5. Hạ tầng viễn thông

Toàn xã có 7.768 hộ gia đình. Số hộ gia đình lắp cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định là 7.192 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 92,58 % (tiêu chuẩn quy định từ 80-100) đánh giá đạt 1,81/2,00 điểm

Điểm cộng:

- Xã hiện nay đag triển khai truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn đánh giá đạt 0,5 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Nhà ở

a) Diện tích nhà ở bình quân đầu người

- Toàn xã Tiên Lữ có 7.768 hộ. Tổng diện tích sàn đạt 887.413 m2. Diện tích sàn bình quân đầu người trên đia 887.413 m2 sàn/27.305người, đạt 32,5 m2 sàn/người (tiêu chuẩn 28-30 m2 sàn/người); đánh giá đạt 4,00/4,00 điểm.

b) Nhà ở xã hội

Trên địa bàn xã chưa có dự án nhà ở xã hội nào được triển khai xây dựng. Đánh giá chưa đạt điểm.

2. Công trình công cộng

a) Đất dân dụng bình quân đầu người

Diện tích đất dân dụng xã Tiên Lữ là 405,20 ha, bình quân đất dân dụng là 405,20*10.000 m2/27.305người, đạt 149,59 m^2/người (tiêu chuẩn 50-110 m^2/người); đánh giá chưa đạt điểm 0/3,00 điểm.

b) Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người

Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, các cơ quan cấp xã ... có tổng diện tích 87.102 m^2, bình quân đất công trình công cộng cấp khu ở trên dân số là 87.102 m^2/27.305 người, đạt 3,17 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 m^2/người); đánh giá đạt 4,00/4,00 điểm.

c) Số trường công lập đạt chuẩn

Trên địa bàn xã Tiên Lữ có 100% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trong đó có 2 Trường Tiểu học và THCS Hải Triều; Trường Tiểu học và THCS Đức Thắng đạt chuẩn quốc gia mức độ 2(đạt tỷ lệ 22,2%) đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

d) Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số

Trên địa bàn xã có 2 điểm trường tiểu học. Đáp ứng 01 trường/8.000 người. Đánh giá đạt 2,50/3,00 điểm.

e) Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã là 50.380 m^2. Bình quân đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở trên dân số là 50.380/27.305 đạt 1,83 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,8-2 m^2/người); đánh giá đạt 2,16/3,00 điểm.

f) Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao cấp đơn vị ở trên địa bàn xã đạt 30.794 m^2. Bình quân Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao cấp đơn vị ở trên dân số là 30.794/27.305 đạt 1,12 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1-1,5 m^2/người); đánh giá đạt 2,24/3,00 điểm.

Điểm cộng:

- Xã có 1/1 trường THPT công lập đạt mức độ 1 trở lên là trường THPT Hoàng Hoa Thám, đánh giá cộng 0,5 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Không gian đô thị

a) Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người

Tổng diện tích đất cây xanh công cộng trên địa bàn xã là 84.782 m^2. Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt 84.782 m^2/27.305người đạt 3,13 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 2-3 m^2/người); đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

b) Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m 2 trở lên

Trên địa bàn xã có 02 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >2.000 m^2 là không gian xanh công cộng trong các khu dân cư trung tâm xã. (tiêu chuẩn quy định từ 1-5 khu); đánh giá đạt 1,62/2,00 điểm.

2. Kiến trúc cảnh quan đô thị

a) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có tuyến phố văn minh đô thị nào được công nhận. Đánh giá chưa đạt điểm

b) Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ

Trên địa bàn xã có 9 công trình di tích lịch sử được xếp hạng. (tiêu chuẩn quy định từ 1-3 công trình); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Công trình xanh

Trên địa bàn xã chưa có công trình nào được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn công trình xanh. Đánh giá chưa đạt điểm

3. Quản trị đô thị

a) Kế hoạch phát triển đô thị

- Xã Tiên Lữ hiện nay chưa ban hành Kế hoạch phát triển đô thị, đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công là 12.775 hồ sơ. Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 2.930 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 96 % (tiêu chuẩn quy định từ 35-60%) đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch

Trong năm 2025 xã đã cải tạo chính trang 9 tuyến trên địa bàn: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (Đoạn từ đường ĐH 83 đến trường THPT-THCS Hoàng Hoa Thám và nhánh đến dốc Lệ Chi); Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ dốc Lệ Chi đến chợ Xuôi); Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ ngã ba ông Ban đi đường bối và nhà văn hóa thôn Thụy Dương); Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ ĐT.376 đến nhà văn hóa thôn Triều Dương); Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn và xây dựng hệ thống điện chiếu sáng thôn Triều Dương, xã Hải Thắng; Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cầu Bến đến cầu Tre); Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Chỉ Thiện xã Hải Thắng (đoạn từ ĐH.92 đến nhà ông Bình và từ nhà ông Tưởng đến UBND xã Hải Thắng)… đạt 100% so với kế hoạch (tiêu chuẩn quy định từ 75-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

d) Quản lý phát triển đô thị thông minh

Hiện nay xã đã có kế hoạch phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030. Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

e) Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị

Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân trên địa bàn xã đạt 100%. (tiêu chuẩn quy định từ 90-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Điểm cộng:

- Trên địa bàn xã không có vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm

- Trên địa bàn xã không có vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm,

→ Tổng điểm tiêu chí 3 trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt 49,62/60,00 điểm

4.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Tiên Lữ so với trình độ phát triển độ thị loại III

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Tiên Lữ so với trình độ phát triển độ thị loại III đạt **79,38/75,00/100 điểm**. Cụ thể

STT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,50**	**15**	**13,55**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,50**	**20**	**16,21**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48,00**	**65**	**49,62**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18,25	25	21,18
III.2	Về hạ tầng xã hội	18,25	25	15,57
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11,5	15	10,87
	Tổng cộng	**75**	**100**	**79,38**

(Xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục II)

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo

5.1. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt so với tiêu chuẩn đô thị loại III

Qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị xã Tiên Lữ so với tiru chí đô thị loại III đã cơ bản đáp ứng được tiêu chí phân loại đô thị. Tuy nhiên còn một số tiêu chuẩn chưa đạt cần có các giải pháp nâng cao khắc phục trong thời gian tới. UBND xã Tiên Lữ đã có kế hoạch hoàn thiện từng tiêu chuẩn cụ thể, trong đó tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị nhằm khắc phục chuẩn chưa đạt điểm cụ thể:

a) Đối với Đánh giá phân loại xã Tiên Lữ so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch:

Trên địa bàn xã Tiên Lữ hiện chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được đầu tư đồng bộ, nước thải tại các khu dân cư chủ yếu thu gom qua hệ thống thoát nước chung và xử lý phân tán. Trong tổng thể hạ tầng kỹ thuật, xã hiện có khoảng 46,68 km tuyến cống thoát nước chính, trong đó 4,06 km dọc QL39A và 42,62 km trên các tuyến đường trục xã. Đây là cơ sở thuận lợi để từng bước hình thành mạng lưới thu gom nước thải tập trung.

Để khắc phục tiêu chuẩn, giai đoạn 2026–2030 đề xuất triển khai Dự án hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung khu vực trung tâm xã Tiên Lữ, ưu tiên khu vực dọc QL39A, ĐT376, ĐT378, trung tâm hành chính, các khu dân cư tập trung, trường học, cơ sở y tế và khu thương mại – dịch vụ. Trạm xử lý cần được xác định công suất theo dân số quy hoạch đến năm 2030, đầu tư theo mô-đun, có khả năng mở rộng; đồng thời xây dựng các trạm bơm và tuyến cống thu gom để bảo đảm nước thải được đưa về xử lý tập trung.

Trước mắt, cần rà soát quỹ đất và vị trí trạm xử lý theo quy hoạch; tách dần hệ thống thoát nước mưa và nước thải, ưu tiên các khu vực xây dựng mới. Thực hiện đấu nối bắt buộc đối với các hộ dân, cơ sở dịch vụ, trường học, cơ sở y tế; kiểm soát chặt nước thải xả trực tiếp ra kênh, mương. Phấn đấu đến 2030, hình thành hệ thống xử lý nước thải tập trung, nâng dần công suất vận hành thực tế đạt khoảng 80–90% công suất thiết kế theo quy hoạch, bảo đảm trạm hoạt động ổn định, tránh đầu tư nhưng khai thác dưới công suất.

+ Đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng trạm xử lý nước thải trong các khu đô thị, khu dân cư tập trung trên địa ban vào hoạt động:

+ Triển khai xây dựng Trạm bơm và trạm xử lý nước thải lựa chọn vị trí phù hợp với từng khu vực theo quy hoạch chung, phân khu đô thị, đảm bảo thu

gom nước thải thuận lợi về bể xử lý và hạn chế ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường xung quanh.

+ Đối với xử lý nước thải từ các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung cần xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt.

+ Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất đảm bảo yêu cầu thoát nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Đối với tiêu chuẩn: Nhà tang lễ

Trên địa bàn xã Tiên Lữ hiện chưa hình thành nhà tang lễ tập trung đạt yêu cầu phục vụ khu vực đô thị; việc tổ chức tang lễ chủ yếu thực hiện tại gia đình hoặc các công trình tín ngưỡng, nghĩa trang của thôn. Trong thời gian tới, xã đang được định hướng phát triển thành khu vực đô thị trung tâm phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, việc đầu tư nhà tang lễ là cần thiết nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng xã hội và đáp ứng yêu cầu đô thị hóa.

Giải pháp: Giai đoạn 2026–2030, đề xuất bố trí 01 Nhà tang lễ xã Tiên Lữ gắn với khu nghĩa trang tập trung hoặc khu nghĩa trang được quy hoạch mở rộng, ưu tiên vị trí có khả năng tiếp cận thuận lợi từ QL39A, ĐT376 và ĐT378, nhưng bảo đảm khoảng cách vệ sinh môi trường với khu dân cư. Quy mô có thể nghiên cứu khoảng 3.000–5.000 m², gồm nhà tang lễ, nhà tổ chức lễ viếng, khu lưu giữ, sân tập kết và đỗ xe, cây xanh cách ly, đường giao thông nội bộ và các công trình phụ trợ; đồng thời nghiên cứu bố trí khu vực phục vụ hỏa táng theo nhu cầu và quy hoạch cấp tỉnh.

UBND xã cần rà soát quỹ đất công và quỹ đất nghĩa trang hiện có, lựa chọn vị trí phù hợp để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch đô thị; huy động ngân sách tỉnh, ngân sách xã và nguồn xã hội hóa để đầu tư. Việc xây dựng nhà tang lễ cần kết hợp chỉnh trang hệ thống nghĩa trang hiện hữu, bổ sung cây xanh, đường giao thông, chiếu sáng, thoát nước và quản lý vệ sinh môi trường, qua đó hoàn thiện tiêu chuẩn công trình phục vụ tang lễ, nâng cao chất lượng hạ tầng xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển Tiên Lữ theo định hướng đô thị đến năm 2030.

- Đối với tiêu chuẩn: Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên

Xã Tiên Lữ là khu vực có định hướng phát triển đô thị trung tâm phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên. Để đáp ứng yêu cầu về không gian xanh sử dụng công cộng, cần ưu tiên hình thành các khu công viên, cây xanh – mặt nước tập trung có quy

mô lớn, đồng thời nâng cao chất lượng các khu thể thao, vườn hoa và không gian sinh hoạt cộng đồng hiện có.

Giai đoạn 2026–2030, đề xuất hình thành tối thiểu 03 khu không gian xanh công cộng quy mô từ 02 ha trở lên, tổng diện tích khoảng 7–9 ha, gồm: (1) Công viên trung tâm Tiên Lữ quy mô khoảng 3–4 ha, gắn với trung tâm hành chính – thương mại – dịch vụ; (2) Công viên cây xanh – thể thao ven sông Luộc khoảng 2–3 ha, khai thác cảnh quan mặt nước, bố trí đường dạo, sân thể thao, quảng trường và khu vui chơi; (3) Công viên – thể thao khu dân cư khoảng 2 ha, phục vụ trực tiếp các khu dân cư tập trung. Khi hoàn thành, diện tích không gian xanh công cộng quy mô ≥2 ha đạt khoảng 2,6–3,3 m²/người, tạo quỹ đất dự trữ để tiếp tục mở rộng theo tốc độ đô thị hóa.

Về mục tiêu cụ thể, đến năm 2027 hoàn thành rà soát quỹ đất và xác định vị trí, ranh giới các khu công viên; đến năm 2028 hoàn thành cập nhật vào quy hoạch và chuẩn bị đầu tư; giai đoạn 2028–2030 triển khai xây dựng tối thiểu 02 khu, phấn đấu hoàn thành 03 khu vào năm 2030. Các công viên phải được đầu tư đồng bộ cây xanh, thảm cỏ, mặt nước, đường dạo, chiếu sáng, ghế nghỉ, sân chơi và thiết bị thể thao ngoài trời; ưu tiên sử dụng đất công, đất cây xanh – thể thao và quỹ đất hình thành từ các dự án phát triển đô thị.

Đồng thời, thực hiện xã hội hóa đầu tư và quản lý, huy động doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia trồng, chăm sóc cây xanh; kết nối các công viên lớn với hệ thống cây xanh đường phố, mặt nước và không gian mở dọc QL39A, ĐT376, ĐT378 và sông Luộc. Qua đó, đến năm 2030 xã Tiên Lữ có mạng lưới không gian xanh công cộng tối thiểu 7–9 ha, trong đó ít nhất 02–03 khu có quy mô ≥2 ha, góp phần đáp ứng tiêu chí đô thị loại III, cải thiện môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân.

b) Đối với Đánh giá phân loại xã Tiên Lữ so với đô thị loại III theo bảng 2B, Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Xã Tiên Lữ trong quá trình đô thị hóa đang tạo áp lực ngày càng lớn đối với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Hiện nay, hệ thống thoát nước trên địa bàn có khoảng 46,68 km tuyến cống chính, nhưng chủ yếu là hệ thống thoát nước chung; nước thải sinh hoạt tại nhiều khu dân cư chưa được thu gom và xử lý tập trung. Đây là nội dung cần ưu tiên khắc phục để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

Giai đoạn 2026–2030, đề xuất đầu tư Dự án hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung khu vực đô thị Tiên Lữ, trước mắt phục vụ khu vực

trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và các tuyến QL39A, ĐT376, ĐT378. Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung với công suất giai đoạn 1 khoảng 2.500–3.000 m³/ngày đêm, có khả năng mở rộng lên 4.000–5.000 m³/ngày đêm theo tốc độ gia tăng dân số và phát triển đô thị; đồng thời xây dựng các tuyến cống thu gom, trạm bơm chuyển tiếp và điểm đấu nối đến từng khu dân cư.

Đối với các khu vực chưa thể đấu nối ngay, thực hiện cải tạo hệ thống thoát nước hiện có, nâng cấp bể tự hoại và các công trình xử lý cục bộ; không để nước thải chưa xử lý xả trực tiếp ra sông Luộc, kênh mương, ao hồ. Đối với các khu đô thị, khu dân cư và dự án mới, quy định bắt buộc đầu tư mạng lưới thu gom, xử lý nước thải đồng bộ và đấu nối vào hệ thống chung. Từng bước tách nước mưa và nước thải tại các khu vực cải tạo, xây dựng mới.

Mục tiêu đến năm 2030: hoàn thành hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1; phấn đấu từ 80–90% dân số khu vực đô thị được thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn, trong đó các khu vực trung tâm và khu đô thị mới đạt ≥90%; trạm xử lý vận hành ổn định với công suất thực tế đạt khoảng 80–90% công suất thiết kế. Đồng thời, bố trí kinh phí duy tu, quan trắc định kỳ và quản lý vận hành chuyên nghiệp, từng bước nâng tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải lên ≥95% sau năm 2030, đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật đô thị loại III.

- Đối với tiêu chuẩn: Nhà ở xã hội

Giai đoạn 2026–2030, đề xuất rà soát, bố trí 02–03 vị trí quỹ đất nhà ở xã hội, tổng diện tích khoảng 3–5 ha, ưu tiên tại khu vực gần trung tâm xã, các tuyến QL39A, ĐT376 và khu vực có khả năng kết nối thuận lợi với CCN Thiện Phiến, CCN Hải Triều. Có thể nghiên cứu một khu nhà ở xã hội tập trung quy mô khoảng 2–3 ha, kết hợp nhà ở cao tầng thấp tầng, bãi đỗ xe, cây xanh, sân chơi và các công trình giáo dục – thương mại thiết yếu; các vị trí còn lại bố trí khoảng 0,5–1,0 ha/vị trí để phát triển nhà ở cho công nhân và người thu nhập thấp.

Về mục tiêu, đến năm 2027 hoàn thành rà soát nhu cầu và xác định quỹ đất; đến năm 2028 cập nhật các vị trí vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chương trình phát triển nhà ở; giai đoạn 2028–2030 triển khai tối thiểu 01 dự án nhà ở xã hội, phấn đấu cung cấp khoảng 300–500 căn hộ, ưu tiên người có công, người thu nhập thấp, công nhân và người lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Đồng thời, thực hiện chính sách xã hội hóa đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư có năng lực; ưu tiên quỹ đất sạch, đầu tư đồng bộ giao thông, điện, cấp nước, thoát nước, trường học, cây xanh và thiết chế văn hóa – thể thao. Kiểm soát chặt việc sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích; kết hợp cải tạo, chỉnh trang các khu nhà

ở hiện hữu để nâng cao chất lượng môi trường ở. Qua đó từng bước hình thành quỹ nhà ở xã hội phù hợp với quy mô dân số và tốc độ đô thị hóa của Tiên Lữ, đáp ứng yêu cầu tiêu chí đô thị loại III và bảo đảm an sinh xã hội.

- Đối với tiêu chuẩn: Đất dân dụng bình quân đầu người

Trong quá trình chuyển đổi sang mô hình đô thị, việc kiểm soát đất dân dụng bình quân đầu người cần được thực hiện theo hướng sử dụng đất tiết kiệm, phát triển tập trung, tránh mở rộng khu dân cư dàn trải. Trước mắt, cần rà soát quỹ đất dân dụng hiện trạng và đất phát triển theo quy hoạch, xác định rõ các nhóm đất ở, đất công cộng, đất cây xanh, đất giáo dục, đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật để tính toán chính xác chỉ tiêu bình quân đầu người theo quy mô dân số đô thị.

Giai đoạn 2026–2030, đề xuất tập trung phát triển đô thị tại khu vực trung tâm xã và các trục QL39A, ĐT376, ĐT378, ưu tiên khai thác quỹ đất xen kẹt, đất chuyển đổi chức năng và chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; hạn chế hình thành các khu ở mới phân tán. Đối với các khu đô thị, khu dân cư mới, cần xác định quy mô dân số và cơ cấu sử dụng đất ngay từ bước lập quy hoạch, bảo đảm quỹ đất dân dụng được phân bổ hợp lý, đồng thời dành đủ đất cho cây xanh, công trình công cộng, trường học và giao thông.

Mục tiêu đến năm 2030: hoàn thành rà soát và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất dân dụng; kiểm soát chặt việc chuyển đổi đất sang đất ở; ưu tiên tăng hiệu quả sử dụng quỹ đất hiện có thay vì mở rộng diện tích đất dân dụng. Các khu vực phát triển mới được tổ chức theo mô hình đô thị tập trung, sử dụng đất tiết kiệm, đồng bộ hạ tầng. Qua đó đưa chỉ tiêu đất dân dụng bình quân đầu người về mức phù hợp với quy mô dân số và định hướng đô thị Tiên Lữ, bảo đảm sử dụng đất hiệu quả.

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Xã Tiên Lữ đang trong quá trình đô thị hóa, có các tuyến giao thông quan trọng như QL39A, ĐT376, ĐT378 và hệ thống đường trục xã, tạo điều kiện hình thành các tuyến phố đô thị. Tuy nhiên, cảnh quan, trật tự xây dựng, quảng cáo, vỉa hè, cây xanh và vệ sinh môi trường trên một số tuyến chưa được quản lý đồng bộ. Vì vậy, cần lựa chọn các tuyến có điều kiện thuận lợi để xây dựng tuyến phố văn minh đô thị kiểu mẫu, sau đó nhân rộng.

Giai đoạn 2026–2030, đề xuất ưu tiên chỉnh trang QL39A qua khu vực trung tâm xã, ĐT376, ĐT378 và các tuyến đường trục chính khu trung tâm hành chính – thương mại – dịch vụ, trước mắt lựa chọn 5–7 tuyến, tổng chiều dài khoảng 10–15 km để thực hiện. Các tuyến được chỉnh trang đồng bộ mặt đường, vỉa hè, bó vỉa, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng LED, biển báo và điểm dừng đỗ; đồng thời ngầm hóa từng bước hệ thống điện, cáp viễn thông trên các tuyến trung tâm. Tổ chức sơn

sửa mặt tiền, thống nhất biển hiệu, biển quảng cáo; xử lý tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, tập kết vật liệu và rác thải không đúng quy định.

Mục tiêu cụ thể: năm 2027 hoàn thành rà soát, phân loại và ban hành quy chế quản lý các tuyến phố; giai đoạn 2027–2028 xây dựng ít nhất 3 tuyến phố văn minh đô thị kiểu mẫu; đến năm 2030 có 70–80% chiều dài các tuyến phố khu vực đô thị đạt tiêu chí văn minh đô thị, trong đó 100% tuyến phố trung tâm được chỉnh trang, quản lý thường xuyên. Đồng thời duy trì mô hình "tuyến phố tự quản – sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn", giao trách nhiệm cụ thể cho thôn, tổ dân cư và các hộ kinh doanh.

Việc thực hiện cần kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn xã hội hóa, ưu tiên đầu tư các tuyến có mật độ dân cư và hoạt động thương mại cao. Qua đó từng bước hình thành hệ thống tuyến phố có hạ tầng đồng bộ, cảnh quan đẹp, trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường được kiểm soát, tạo diện mạo đô thị văn minh, hiện đại cho Tiên Lữ và góp phần đáp ứng tiêu chí đô thị loại III.

- Đối với tiêu chuẩn: Công trình xanh

Hiện nay, trên địa bàn xã Tiên Lữ các công trình xây dựng chủ yếu được đầu tư theo tiêu chuẩn thông thường, chưa có nhiều công trình được áp dụng đồng bộ các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm nước, tăng cường cây xanh và giảm phát thải. Để đáp ứng tiêu chuẩn Công trình xanh trong quá trình xây dựng đô thị loại III, cần lựa chọn một số công trình công cộng và dự án xây dựng mới làm công trình mẫu, từng bước nhân rộng trên địa bàn.

Giai đoạn 2026–2030, đề xuất triển khai Chương trình phát triển công trình xanh xã Tiên Lữ, trong đó ưu tiên áp dụng các tiêu chí xanh đối với trụ sở hành chính xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, công viên và các công trình thương mại – dịch vụ xây dựng mới. Phấn đấu đầu tư, cải tạo tối thiểu 03–05 công trình công cộng theo hướng công trình xanh, ưu tiên các giải pháp: sử dụng đèn LED tiết kiệm điện, điện năng lượng mặt trời, thiết bị tiết kiệm nước, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, tăng diện tích cây xanh và mặt nước, thông gió và chiếu sáng tự nhiên.

Đề xuất lựa chọn 01 công trình hành chính công cộng, 01 trường học hoặc cơ sở y tế và 01 công trình văn hóa – thể thao làm công trình thí điểm trong giai đoạn 2026–2028. Đối với các khu đô thị, khu dân cư và dự án đầu tư mới, yêu cầu chủ đầu tư bố trí diện tích cây xanh, không gian mở, hệ thống thu gom nước mưa và sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng; khuyến khích mái xanh, năng lượng tái tạo và vật liệu có khả năng tái chế. Đồng thời, xây dựng cơ chế ưu tiên, khuyến khích doanh nghiệp và hộ dân áp dụng mô hình "nhà ở xanh – công trình tiết kiệm năng lượng".

Mục tiêu đến năm 2030, xã Tiên Lữ có tối thiểu 03 công trình công cộng áp dụng đồng bộ các giải pháp công trình xanh, trong đó ít nhất 01 công trình đạt chứng nhận công trình xanh hoặc được đánh giá theo bộ tiêu chí công trình xanh phù hợp, tạo mô hình mẫu để nhân rộng. Qua đó, từng bước giảm tiêu thụ năng lượng và nước sạch, tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, cải thiện vi khí hậu và cảnh quan đô thị, góp phần hoàn thiện tiêu chuẩn Công trình xanh và nâng cao chất lượng môi trường sống của xã Tiên Lữ.

- Đối với tiêu chuẩn: Kế hoạch phát triển đô thị

- Cùng với công tác triển khai lập quy hoạch chung đô thị Tiên Lữ và quy hoạch phân khu. UBND xã Tiên Lữ cần khẩn trương lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn 2026–2030, gắn với định hướng phát triển đô thị và hướng tới thành lập phường nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

Kế hoạch cần xác định rõ phạm vi, quy mô dân số, các khu vực phát triển đô thị, danh mục dự án ưu tiên, nguồn vốn và tiến độ thực hiện. Trọng tâm là hình thành khu vực trung tâm hành chính – thương mại – dịch vụ; chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; phát triển các khu đô thị, nhà ở xã hội; hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối QL39A, ĐT376, ĐT378; đầu tư thoát nước, xử lý nước thải, cấp nước sạch, chiếu sáng, cây xanh và các công trình giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao. Đồng thời gắn phát triển đô thị với khai thác lợi thế sông Luộc, phát triển thương mại – dịch vụ, nông nghiệp chất lượng cao và các cụm công nghiệp Thiện Phiến, Hải Triều.

Mục tiêu cụ thể: năm 2026–2027 hoàn thành rà soát hiện trạng, lập và phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị; giai đoạn 2027–2030 triển khai các dự án ưu tiên theo kế hoạch, phấn đấu 100% dự án phát triển đô thị có trong danh mục kế hoạch và được xác định rõ nguồn lực thực hiện. Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình hạ tầng khung, không gian xanh công cộng, giao thông, thoát nước – xử lý nước thải và chỉnh trang các tuyến phố trung tâm.

Kế hoạch cần phân kỳ đầu tư thành 03 nhóm: (1) dự án ưu tiên giai đoạn 2026–2027 – hạ tầng thiết yếu và chỉnh trang đô thị; (2) giai đoạn 2028–2030 – phát triển các khu đô thị, nhà ở xã hội và hạ tầng xã hội; (3) sau năm 2030 – mở rộng không gian đô thị và hoàn thiện các tiêu chí nâng cao. Đồng thời thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá hằng năm, cập nhật các chỉ tiêu dân số, đất đai, hạ tầng và tiến độ dự án để điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

Qua đó, đến năm 2030 Tiên Lữ có Kế hoạch phát triển đô thị được phê duyệt và tổ chức thực hiện đồng bộ, có danh mục dự án, nguồn vốn và lộ trình cụ

thể, tạo cơ sở quản lý đầu tư, kiểm soát phát triển không gian và từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III.

5.2. Giải pháp về phát triển kinh tế

Xã Tiên Lữ cần tiếp tục chuyển mạnh mô hình tăng trưởng từ nông nghiệp sang công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ, đồng thời phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, công nghệ cao và có giá trị gia tăng. Giai đoạn 2020–2025, giá trị sản xuất của xã tăng bình quân 10,7%/năm, trong đó công nghiệp – xây dựng tăng 10,3%/năm, thương mại – dịch vụ tăng 10,25%/năm; cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực với nông nghiệp 11%, công nghiệp – xây dựng 44% và thương mại – dịch vụ 45%. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị sản xuất ước đạt 2.602 tỷ đồng, tăng 11,67% so với cùng kỳ; thu ngân sách nhà nước ước đạt trên 148 tỷ đồng. Đây là nền tảng quan trọng để Tiên Lữ phát triển theo hướng đô thị.

- Về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thu hút đầu tư. Tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm sản xuất; ưu tiên các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản, cơ khí, điện – điện tử và các ngành sử dụng công nghệ, ít gây ô nhiễm. Hiện xã có khoảng 40 cơ sở sản xuất tập trung và 588 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, hộ kinh doanh, tạo việc làm cho khoảng 8.600 lao động. Cần tạo quỹ đất sạch, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và kết nối doanh nghiệp với các cơ sở sản xuất tại địa phương; ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, đóng góp ngân sách cao và tạo nhiều việc làm.

- Đẩy mạnh thương mại – dịch vụ theo hướng đô thị. Nâng cấp 04 chợ hiện có theo hướng văn minh, an toàn, bảo đảm phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm; đồng thời hình thành các điểm/khu thương mại – dịch vụ tập trung tại khu vực trung tâm, các khu dân cư mới và dọc các tuyến giao thông chính. Thu hút siêu thị, cửa hàng tiện ích, dịch vụ ăn uống, tài chính – ngân hàng, vận tải, kho bãi và logistics. Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng thương mại – dịch vụ khoảng 10%/năm, tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế.

- Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng hàng hóa, công nghệ cao và đô thị sinh thái. Duy trì diện tích sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, chuyển một phần diện tích sang cây trồng có giá trị kinh tế cao, hoa – cây cảnh, rau an toàn, cây ăn quả và mô hình sản xuất theo chuỗi. Khuyến khích hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác và vùng sản xuất tập trung, ứng dụng tưới tiết kiệm, nhà màng, công nghệ số và truy xuất nguồn gốc. Thực tế năm 2026, địa phương đã có các mô hình phát triển hoa, trong đó Tổ hội trồng hoa cúc tại thôn Thụy Lôi được Trung tâm

Khuyến nông tỉnh khảo sát, cho thấy tiềm năng phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với thị trường đô thị.

- Phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh xây dựng thương hiệu, mã số – mã vạch, truy xuất nguồn gốc, bán hàng trên sàn thương mại điện tử; khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng phần mềm quản lý bán hàng. Theo kế hoạch chuyển đổi số của xã, đến 2029–2030 trên 90% người dân trưởng thành được định hướng có kỹ năng số cơ bản và thanh toán không dùng tiền mặt trở thành phương thức phổ biến trong các giao dịch thiết yếu.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, điện, cấp – thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, viễn thông và các công trình thương mại – dịch vụ. Giai đoạn trước, xã đã triển khai 83 công trình hạ tầng với tổng vốn khoảng 496,2 tỷ đồng; thời gian tới cần chuyển trọng tâm từ đầu tư dàn trải sang các dự án có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế và hỗ trợ quá trình đô thị hóa.

- Tập trung xây dựng gắn phát triển kinh tế với quá trình hình thành đô thị Tiên Lữ. Quản lý chặt chẽ đất đai, hạn chế phát triển tự phát; ưu tiên quỹ đất cho các khu sản xuất, thương mại – dịch vụ, khu dân cư mới và công trình hạ tầng đô thị. Việc thành lập phường Tiên Lữ được xây dựng trên cơ sở giữ nguyên diện tích, dân số và địa giới hiện nay, nhằm tạo điều kiện đầu tư đồng bộ hạ tầng và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

Mục tiêu đến năm 2030: phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khoảng 10,5%/năm, nâng thu nhập bình quân lên 150 triệu đồng/người/năm theo mục tiêu Đại hội Đảng bộ xã; tiếp tục giảm tỷ trọng nông nghiệp, nâng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ; hình thành hệ thống thương mại – dịch vụ hiện đại, các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa và các điểm sản xuất công nghiệp – TTCN tập trung. Qua đó xây dựng Tiên Lữ trở thành đô thị phát triển năng động, có cơ cấu kinh tế hiện đại, hạ tầng đồng bộ và khả năng tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân, đáp ứng yêu cầu phát triển thành phường và đô thị loại III.

5.2. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

Xã Tiên Lữ xác định phát triển văn hóa – xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xây dựng môi trường đô thị văn minh và tạo nền tảng để xã chuyển thành phường. Trong thời gian tới, xã cần tập trung đồng bộ các giải pháp về giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội, việc làm và chuyển đổi số. Trong những năm qua, lĩnh vực văn hóa – xã hội đã đạt nhiều kết quả tích cực; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia

khoảng 90%, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng trên 98%, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế khoảng 96%; 62/62 nhà tạm, nhà dột nát đã được hỗ trợ xóa bỏ.

1. Nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát, đầu tư đồng bộ hệ thống trường học sau sắp xếp; ưu tiên phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, thiết bị dạy học và hạ tầng số. Công trình nhà lớp học 15 phòng tại Trường THCS – Phân hiệu số 1, tổng mức đầu tư khoảng 20 tỷ đồng, đã hoàn thành năm 2026, là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Phấn đấu đến năm 2030 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, tăng cường giáo dục STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ, hướng nghiệp và đào tạo nghề gắn với nhu cầu lao động công nghiệp – dịch vụ của địa phương.

2. Rà soát xây dựng mạng lưới y tế và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực cho Trạm Y tế xã; thực hiện hiệu quả Kế hoạch 129/KH-UBND ngày 05/6/2026 về khám sức khỏe định kỳ giai đoạn 2026–2030 và Kế hoạch số 172/KH-UBND về Chương trình Sức khỏe học đường. Phấn đấu đến năm 2030 100% người dân được khám, quản lý sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm, cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử; duy trì tỷ lệ bảo hiểm y tế từ 98% trở lên, tiêm chủng đầy đủ trên 98% và tăng cường phòng chống bệnh không lây nhiễm, an toàn thực phẩm, dân số và chăm sóc người cao tuổi.

3. Phát triển văn hóa, thể thao và xây dựng đời sống đô thị văn minh. Rà soát toàn bộ hệ thống nhà văn hóa, sân thể thao và thiết chế văn hóa cơ sở; từng bước nâng cấp sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, khu vui chơi trẻ em và các điểm luyện tập thể thao ngoài trời. Năm 2026, xã đã tổ chức Đại hội Thể dục thể thao lần thứ I với 8 môn thi đấu gồm bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền hơi, cờ vua, cờ tướng, dân vũ, điền kinh và bóng đá U10. Phấn đấu đến năm 2030 100% thôn có thiết chế văn hóa – thể thao hoạt động hiệu quả, trên 90% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, duy trì thường xuyên các câu lạc bộ văn nghệ, thể thao và các hoạt động cộng đồng.

4. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan. Gắn bảo tồn các di tích, không gian văn hóa, lễ hội truyền thống với tuyên truyền, giáo dục lịch sử địa phương và quảng bá hình ảnh Tiên Lữ. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư các công trình văn hóa, không gian công cộng, tuyến phố văn minh; kết hợp các hoạt động văn hóa với phát triển thương mại – dịch vụ và du lịch trải nghiệm, góp phần tạo bản sắc riêng cho đô thị Tiên Lữ.

5. Bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và tạo việc làm. Tiếp tục thực hiện đầy đủ chính sách đối với người có công, hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng bảo trợ xã hội; duy trì kết quả xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát. Tăng cường đào tạo nghề, tư vấn việc làm, kết nối

người lao động với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và dịch vụ; ưu tiên đào tạo nghề cho lao động trẻ, lao động chuyển đổi từ nông nghiệp sang công nghiệp – dịch vụ. Khuyến khích phát triển tín dụng chính sách, hỗ trợ hộ gia đình phát triển sản xuất, kinh doanh và tự tạo việc làm.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng xã hội số. Tổ chức các lớp phổ cập kỹ năng số cho người dân, phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn; hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, hồ sơ sức khỏe điện tử và các nền tảng số. Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của xã đã xác định nhiệm vụ triển khai đến các cơ quan, trường học, trạm y tế và các thôn. Phấn đấu đến năm 2030 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo nền tảng số; trên 90% người dân trưởng thành có kỹ năng số cơ bản, góp phần hình thành xã hội số và chính quyền số.

7. Xây dựng môi trường xã hội an toàn, văn minh. Gắn phát triển văn hóa – xã hội với bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong quản lý xã hội, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan, trật tự công cộng. Đồng thời, duy trì phong trào "Ngày Chủ nhật xanh", nâng cao ý thức phân loại rác tại nguồn; hiện tỷ lệ thu gom rác sinh hoạt đạt khoảng 88%, 67% hộ gia đình thực hiện phân loại rác và 100% thôn có tổ vệ sinh môi trường.

Mục tiêu đến năm 2030: xây dựng Tiên Lữ trở thành địa bàn có hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao và an sinh xã hội đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực và đời sống nhân dân được nâng cao; môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, đáp ứng yêu cầu của một đô thị.

5.3. Giải pháp về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Đối với công tác quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn xã Tiên Lữ cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, gắn chặt với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và mục tiêu xây dựng Tiên Lữ trở thành khu vực đô thị phát triển hiện đại. Xã Tiên Lữ là địa bàn có vị trí thuận lợi về giao thông với Quốc lộ 39, các tuyến ĐT.376, ĐT.378, tuyến tránh 38B đang được xây dựng và tuyến đường thủy sông Luộc. Đây là điều kiện quan trọng để tổ chức không gian phát triển đô thị, thương mại – dịch vụ và công nghiệp – xây dựng. Giai đoạn 2020–2025, xã đã triển khai 83 công trình hạ tầng với tổng vốn khoảng 496,2 tỷ đồng, giải phóng mặt bằng 12 dự án với diện tích gần 48 ha, tạo nền tảng cho quá trình đô thị hóa. Trong thời gian tới cần tập trung:

1. Hoàn thiện và đồng bộ hệ thống quy hoạch. Rà soát toàn bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn,

bảo đảm thống nhất với Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn 2050 và Đề án thành lập phường Tiên Lữ. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tiên Lữ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 28/6/2025; cần tiếp tục cụ thể hóa thành các chương trình, dự án đầu tư phù hợp với mô hình đô thị.

2. Tổ chức cấu trúc không gian đô thị hợp lý. Định hướng phát triển Tiên Lữ theo mô hình đô thị tập trung, đa chức năng, lấy khu vực trung tâm hành chính – thương mại – dịch vụ làm hạt nhân; phát triển các khu dân cư hiện hữu theo hướng chỉnh trang, đồng thời hình thành các khu dân cư mới có đầy đủ hạ tầng xã hội và kỹ thuật. Các khu sản xuất, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp được bố trí tập trung, hạn chế xen cài vào khu dân cư; bảo vệ quỹ đất nông nghiệp có giá trị, hệ thống thủy lợi, mặt nước và không gian xanh.

3. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tập trung nguồn lực cho các tuyến giao thông kết nối trung tâm xã với Quốc lộ 39, ĐT.376, ĐT.378 và tuyến tránh 38B; đồng thời nâng cấp đường giao thông khu dân cư, vỉa hè, chiếu sáng, cây xanh, bãi đỗ xe. Ưu tiên các dự án thoát nước mưa, chống ngập, cấp nước sạch, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, bảo đảm hạ tầng đi trước một bước so với phát triển dân cư. Các dự án khu dân cư mới phải hoàn thành đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trước khi đưa vào khai thác.

4. Tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng và kiến trúc đô thị. Thiết lập cơ chế kiểm tra thường xuyên tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao; quản lý chặt việc chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng nhà ở, công trình sản xuất – kinh doanh, san lấp ao hồ và hành lang giao thông, thủy lợi. Giai đoạn 2020–2025 đã xử lý 68 vụ vi phạm đất đai và hành lang công trình, cấp mới 399 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó cần tiếp tục kiểm soát từ sớm, không để phát sinh vi phạm mới. Phấn đấu đến năm 2030 100% công trình xây dựng được quản lý theo quy hoạch và giấy phép/quy định xây dựng, không hình thành các khu dân cư tự phát.

5. Chỉnh trang và nâng cao chất lượng không gian đô thị. Tập trung cải tạo các tuyến phố, khu dân cư hiện hữu; đồng bộ hóa mặt đường, vỉa hè, thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh, biển hiệu và hệ thống cấp nước. Từng bước hình thành các tuyến phố văn minh đô thị, công viên, vườn hoa, sân chơi và không gian sinh hoạt cộng đồng. Khuyến khích cải tạo nhà ở theo hướng xanh, tiết kiệm năng lượng, phù hợp cảnh quan; kiểm soát kiến trúc mặt phố, biển quảng cáo và tình trạng lấn chiếm vỉa hè.

6. Phát triển đô thị xanh, thông minh và bền vững. Bảo vệ hệ thống mặt nước, kênh mương và hành lang tiêu thoát nước; tăng diện tích cây xanh công

cộng, sử dụng chiếu sáng LED tiết kiệm năng lượng, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu số về quy hoạch – đất đai – xây dựng. Đẩy mạnh phân loại rác tại nguồn, nâng tỷ lệ thu gom chất thải sinh hoạt; hiện tỷ lệ thu gom rác đạt khoảng 88%, 67% hộ gia đình thực hiện phân loại rác và 100% thôn có tổ vệ sinh môi trường.

7. Xây dựng kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn 2026–2030. Trên cơ sở các tiêu chí đô thị loại III, lập danh mục dự án ưu tiên theo thứ tự: giao thông và chỉnh trang đô thị; thoát nước – xử lý nước thải; cấp nước; cây xanh – không gian công cộng; trường học – y tế – văn hóa thể thao; thương mại – dịch vụ; khu dân cư mới và chuyển đổi số đô thị. Đối với mỗi dự án cần xác định rõ vị trí, quy mô, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, tiến độ và cơ quan thực hiện; ưu tiên các dự án có khả năng tạo động lực phát triển và kết nối liên vùng.

Mục tiêu đến năm 2030: hoàn thiện cơ bản hệ thống quy hoạch và công cụ quản lý đô thị; 100% dự án đầu tư xây dựng phù hợp quy hoạch, 100% công trình được kiểm soát về trật tự xây dựng; nâng cấp đồng bộ các tuyến giao thông chính và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu; tăng diện tích cây xanh, không gian công cộng; từng bước hình thành đô thị xanh – văn minh – hiện đại – có bản sắc, đáp ứng các tiêu chí đô thị loại III và tạo nền tảng để phường Tiên Lữ phát triển ổn định, bền vững sau năm 2030.

5.4. Giải pháp về huy động các nguồn lực và thu hút đầu tư

Trong công tác huy động nguồn lực và thu hút đầu tư, xã Tiên Lữ cần xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ và nâng cao chất lượng đô thị. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; trong đó ngân sách nhà nước tập trung đầu tư các công trình hạ tầng khung, công trình thiết yếu và có tính dẫn dắt, đồng thời tăng cường huy động nguồn vốn ngoài ngân sách thông qua đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp, xã hội hóa, tín dụng, hợp tác công – tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Xã Tiên Lữ có điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư công nghiệp, thương mại – dịch vụ và phát triển đô thị. Giai đoạn 2020–2025, xã đã huy động 773,2 tỷ đồng thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, trong đó nhân dân đóng góp 366 tỷ đồng; đồng thời triển khai 83 công trình hạ tầng với tổng vốn 496,2 tỷ đồng, giải phóng mặt bằng 12 dự án, gần 48 ha. Đây là nền tảng quan trọng để chuyển sang giai đoạn phát triển đô thị và tăng cường huy động nguồn lực ngoài ngân sách. Trong thời gian tới cần triển khai:

1. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả huy động vốn. Ưu tiên ngân sách nhà nước cho các công trình có tính dẫn dắt như giao thông khung, thoát nước, cấp

nước, xử lý nước thải, trường học, y tế và không gian công cộng; đồng thời huy động mạnh vốn doanh nghiệp, xã hội hóa, tín dụng, PPP và các nguồn vốn hợp pháp khác cho thương mại – dịch vụ, nhà ở, công nghiệp, logistics, thể thao và các công trình dịch vụ đô thị. Phấn đấu giai đoạn 2026–2030 huy động tối thiểu 1.000–1.500 tỷ đồng cho đầu tư phát triển trên địa bàn, trong đó tăng dần tỷ trọng vốn ngoài ngân sách.

2. Hình thành quỹ đất sạch và danh mục dự án kêu gọi đầu tư. Rà soát toàn bộ quỹ đất theo quy hoạch, xác định các khu đất có khả năng đấu giá, phát triển khu dân cư, thương mại – dịch vụ, công nghiệp và hạ tầng xã hội. Trên cơ sở kết quả GPMB gần 48 ha/12 dự án, xây dựng danh mục quỹ đất sạch giai đoạn 2026–2030; công khai vị trí, diện tích, chức năng sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch, hình thức đầu tư và tiến độ GPMB để tăng tính minh bạch và giảm chi phí tiếp cận đất đai cho nhà đầu tư.

3. Tập trung thu hút dự án công nghiệp động lực. Ưu tiên triển khai Cụm công nghiệp Hải Triều quy mô khoảng 71,46 ha, tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 940 tỷ đồng, thời gian thực hiện 3 năm. Cụm công nghiệp định hướng thu hút các ngành nghiên cứu, sản xuất chip, vật liệu bán dẫn, lắp ráp linh kiện điện tử và công nghiệp hỗ trợ ô tô. Đây cần được xác định là dự án động lực để tạo việc làm, tăng thu ngân sách và kéo theo phát triển thương mại, dịch vụ, nhà ở và logistics.

4. Đẩy mạnh xúc tiến và hỗ trợ nhà đầu tư. Xây dựng Danh mục dự án kêu gọi đầu tư Tiên Lữ giai đoạn 2026–2030, ưu tiên 5 nhóm: công nghiệp – TTCN; thương mại – dịch vụ; khu dân cư và nhà ở; hạ tầng đô thị; giáo dục – y tế – văn hóa – thể thao. Thực hiện cơ chế "một đầu mối – rõ trách nhiệm – đồng hành cùng doanh nghiệp", hỗ trợ nhà đầu tư từ khảo sát địa điểm, tiếp cận đất đai, quy hoạch, GPMB, môi trường đến thủ tục xây dựng. Phấn đấu mỗi năm thu hút ít nhất 3–5 dự án mới, ưu tiên dự án có công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn và tạo việc làm ổn định.

5. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp địa phương. Hiện Tiên Lữ có khoảng 40 cơ sở sản xuất tập trung, 588 cơ sở tiểu thủ công nghiệp và hộ kinh doanh, tạo việc làm cho khoảng 8.600 lao động. Tập trung hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh đủ điều kiện thành doanh nghiệp, tiếp cận tín dụng, đổi mới công nghệ, thương mại điện tử và xây dựng thương hiệu. Mục tiêu đến năm 2030 tăng tối thiểu 30% số doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động hiệu quả, hình thành các chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp Hải Triều với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất tại địa phương.

6. Tăng cường xã hội hóa đầu tư hạ tầng xã hội và chỉnh trang đô thị. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư trường học, y tế, công viên, cây

xanh, sân thể thao, bãi đỗ xe, chợ, siêu thị, trung tâm dịch vụ và các thiết chế văn hóa. Đối với các dự án thương mại – dịch vụ, ưu tiên hình thức xã hội hóa; đối với các dự án hạ tầng thiết yếu, kết hợp ngân sách với PPP và các nguồn vốn hợp pháp khác. Phấn đấu đến năm 2030 100% công trình hạ tầng xã hội trọng điểm được xác định nguồn vốn và lộ trình đầu tư cụ thể.

7. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực. Mọi dự án phải phù hợp quy hoạch, có phương án nguồn vốn và đánh giá hiệu quả kinh tế – xã hội; ưu tiên dự án tạo việc làm, tăng thu ngân sách, cải thiện hạ tầng và nâng cao chất lượng đô thị. Công khai danh mục dự án, tiến độ GPMB, nguồn vốn và kết quả thực hiện; kiên quyết xử lý dự án chậm triển khai, sử dụng đất không hiệu quả. Phấn đấu 100% dự án đầu tư công được kiểm soát tiến độ và hiệu quả, hạn chế đầu tư dàn trải, tránh phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

Mục tiêu đến năm 2030: huy động khoảng 1.000–1.500 tỷ đồng nguồn lực đầu tư phát triển; hoàn thành hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Triều 71,46 ha – 940 tỷ đồng; thu hút bình quân 3–5 dự án đầu tư/năm; tăng tối thiểu 30% số doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh; hoàn thành cơ bản các dự án hạ tầng đô thị trọng điểm về giao thông, cấp – thoát nước, môi trường, trường học, y tế, văn hóa – thể thao và thương mại – dịch vụ. Qua đó tạo bước đột phá về huy động nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và hình thành nền tảng tài chính – hạ tầng vững chắc cho phường Tiên Lữ phát triển theo hướng đô thị loại III, xanh, hiện đại và bền vững.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận:

Xã Tiên Lữ hiện là địa bàn có tốc độ phát triển kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Hệ thống giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng thiết yếu từng bước được đầu tư, cải tạo và nâng cấp. Đặc biệt, địa bàn có điều kiện phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistics, đô thị và các hoạt động thương mại gắn với hệ thống giao thông đối ngoại của khu vực.

Trong những năm qua, xã đã tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện cảnh quan môi trường, nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội và từng bước hoàn thiện các điều kiện quản lý đô thị. Việc lập và triển khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đầu tư các công trình hạ tầng và chuẩn bị các điều kiện để phát triển đơn vị hành chính theo hướng đô thị tạo cơ sở quan trọng cho quá trình nâng cấp chất lượng đô thị trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở đánh giá tổng hợp, với lợi thế về vị trí, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, động lực công nghiệp, khả năng thu hút đầu tư, hệ thống hạ tầng ngày càng hoàn thiện và định hướng phát triển đô thị rõ ràng, xã Tiên Lữ có cơ sở và tiềm năng để tổ chức phát triển theo mô hình đô thị, hướng tới đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí của đô thị loại III theo quy định hiện hành. Qua đánh giá hiện trạng phát triển đô thị năm 2025, xã Tiên Lữ đã hội đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III. Qua đánh giá hiện trạng phát triển đô thị năm 2025, xã Tiên Lữ đã hội đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III.

Việc xây dựng Đề án công nhận Tiên Lữ là đô thị loại III có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý và định hướng đầu tư đồng bộ, nâng cao chất lượng quản lý phát triển đô thị, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai và đầu tư, thúc đẩy công nghiệp – thương mại – dịch vụ, đồng thời nâng cao chất lượng sống của người dân. Mục tiêu là hình thành không gian đô thị đồng bộ, hiện đại, nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng và phát triển thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã Tiên Lữ. Đồng thời đây cũng là nguồn động viên to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân trong xã Tiên Lữ trong việc góp phần xây dựng và nâng cấp hệ thống đô thị của tỉnh Hưng Yên, là điều kiện thuận lợi để xã tiếp tục phát triển ngày càng hiện đại, văn minh và giàu đẹp./.

3.2. Kiến nghị:

Đối với UBND tỉnh Hưng Yên và các sở, ban, ngành: Quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ xã Tiên Lữ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và các điều kiện cần thiết phục vụ công nhận đô thị; đồng thời tích hợp các mục tiêu phát triển Tiên Lữ vào quy hoạch

tỉnh, chương trình phát triển đô thị và kế hoạch đầu tư công của tỉnh. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng khung, giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, cây xanh, trường học, y tế, văn hóa – thể thao và các công trình công cộng thiết yếu.

- Đối với UBND xã Tiên Lữ: Khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án theo từng giai đoạn, xác định rõ danh mục công trình, dự án ưu tiên, nguồn vốn, tiến độ và cơ quan chịu trách nhiệm. Tập trung khắc phục các tiêu chí còn yếu; tăng cường quản lý quy hoạch, đất đai, kiến trúc và trật tự xây dựng; kiểm soát phát triển dân cư dọc các tuyến giao thông; đẩy mạnh chỉnh trang khu dân cư hiện hữu và phát triển các khu dân cư mới đồng bộ hạ tầng.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tiềm năng phát triển và định hướng trong thời gian tới, việc xem xét công nhận xã Tiên Lữ là đô thị loại III là cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, quá trình đô thị hóa và định hướng tổ chức không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên. Đây sẽ là động lực quan trọng để địa phương tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Uỷ ban nhân dân xã Tiên Lữ kính trình đề án công nhận xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III và trân trọng đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, công nhận để địa phương có điều kiện phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế xây dựng đô thị, văn minh, hiện đại nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên trong thời kỳ mới./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Trung Kiên

PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ TIÊN LỮ THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

TT	Mã tiêu chuẩn	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại III		Năm 2025	Điểm
				Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**		**11,50**	**15,00**				**13,00**
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		5,50	7,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	7,00
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		6,00	8,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	6,00
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**		**15,50**	**20,00**				**18,56**
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	1000 người	5,50	7,00	20	200	27,30	5,56
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	4,50	6,00	500	1000	1.385	6,00
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	5,50	7,00	55	65	81,15	7,00
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**		**48,00**	**65,00**				**48,86**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**		**18,25**	**25,00**				**20,88**
3.1.1		***Giao thông***		***7,00***	***9,00***				***5,00***
1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		3,00	4,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	0	0

2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km 2	4,00	5,00	4	6	8,13	5,00
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***		***4,75***	***7,00***				***5,88***
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	2,00	3,00	85	95	93,77	2,88
2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km 2	2,00	3,00	3	3,5	7,79	3,00
3	2A.III.010	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	0,75	1,00	50	70	0,00	0,00
3.1.3		***Xử lý chất thải rắn***		***2,00***	***3,00***				***3,00***
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	2,00	3,00	70	80	84,82	3,00
3.1.4		***Nghĩa trang đô thị***		***4,50***	***6,00***				***3,00***
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	2,00	3,00	50	70	89,42	3,00
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	2,50	3,00	có dự án	1 nhà tang lễ	0	0,00
III.2		***Về hạ tầng xã hội***		***18,25***	***25,00***				***22,37***
1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/ 10.000 dân	3,75	5,00	30	35	32,75	4,44
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	3,75	5,00	1	10	1,00	3,75
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	%	3,75	5,00	2	10	9,00	4,84
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	3,00	4,00	2	5	6,00	4,00
5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	2,00	3,00	2	5	3,00	2,33
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	2,00	3,00	1,5	2	2,34	3,00
III.3		***Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị***		***11,50***	***15,00***				***9,61***

1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	3,00	4,00	1	2	2	0,00
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	2	3	25,00	35,00	65,66	3,00
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	2,50	3,00	6,00	7,00	6,21	2,61
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	4,00	5,00	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	Đã thực hiện quy chế 03 năm trở lên	Chưa có quy chế	0,00
		Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		**75,00**	**100,00**				**80,42**

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN XÃ TIÊN LỮ THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Đạt trình độ loại III		Hiện trạng năm 2025	
				Mức quy định	Điểm	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**13,55**
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,4	5	1,00	3,5
				1	3,5		
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	1,2	6	1,14	5,55
				1	4,5		
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0,48	4
				5	3,5		
		Điểm cộng					
-		Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)					
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				Có công trình di tích lịch sử cấp quốc gia	0,5
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai*					

		trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội					
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**16,21**
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	6.000	10	4.522	8,52
				4.000	8		
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	75	6	53,30	4,69
				50	4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Đạt mục tiêu đề ra	3
				Đạt mục tiêu đề ra	3		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**49,62**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,5-25**		**21,18**
3.1.1		***Giao thông***			***6,5-9***		***7,74***
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	17	3	12,30	2,06
				12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m²/người	9	3	26,82	3
				7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	50	3	43,75	2,68
				40	2,5		
		Điểm cộng					
-		Có hệ thống giao thông ngầm					

-		Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính					
-		Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp					
		100% tuyến đường chính có giao thông công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về giao thông*					
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,5-6***		***4***
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	110,00	2
				80	1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	50	2	100	2
				25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	35	2	0	0
				20	1,5		
		Điểm cộng					
-		Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt biển,...					
-		Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi					
-		Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*					

3.1.3		***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***			***3-4***		***3,53***
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	90	2	84,82	1,74
				80	1,5		
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	75	1	54,98	0,79
				50	0,75		
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	15	1	57,69	1
				5	0,75		
		Điểm cộng					
-		Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp					
-		Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 %					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*					
3.1.4		***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***			***3-4***		***3,91***
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.000	2	1079,00	2
				400	1,5		
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	95	1	100,00	1
				80	0,75		
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	50	1	37,50	0,91
				15	0,75		
3.1.5		***Hạ tầng viễn thông***			***1,5-2***		***2,00***
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100	2	92,58	1,81
				80	1,5		
		Điểm cộng					

-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)					
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên				có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng viễn thông*					
III.2		**Về hạ tầng xã hội**			**18,5-25**		**17,57**
3.2.1		***Nhà ở***			***4,5-6***		***4***
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ^{2} sàn/người	32	4	32,50	4
				28	3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	0	0
				Đang xây dựng	1,5		
		Điểm cộng					
-		Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000 người)					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Nhà ở*					
3.2.2		***Công trình công cộng***			***14-19***		***13,57***
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	110	3	149,59	0
				50	2		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m²/người	4	4	3,17	3,17
				3	3		

3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3	Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5
				Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5		
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	2	3	1,83	2,16
				1,8	2		
6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	1,5	3	1,12	2,24
				1	2		
		Điểm cộng					

-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên				Có 100% trường THPT công lập đạt mức độ 1 trở lên	0,5
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Công trình công cộng*					
III.3		**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11-15**		**10,87**
3.3.1		***Không gian đô thị***			***3-4***		***3,62***
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	3	2	3,13	2
				2	1,5		
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m ^{2} trở lên	Số khu	5	2	2,00	1,62
				1	1,5		
		Điểm cộng					
-		Không gian xanh công cộng được xây dựng trên cao					
-		Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về không gian đô thị*					
3.3.2		***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***			***3-4***		***1***
1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	40	2	0	0

				20	1,5		
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	3	1	9	1
				1	0,75		
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	2	1	0	0
				1	0,75		
		Điểm cộng					
-		Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị					
-		Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị					
-		Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế					
-		Có di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa vật thể, các khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ					
-		Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị, kiến trúc công nghiệp					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị*					
3.3.3		***Quản trị đô thị***			***5-7***		***6,25***
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	Không có	0
				Có kế hoạch	0,5		
2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	60	2	96,00	2
				35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh	%	100	1	100	1

		trang so với kế hoạch		75	0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75
				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	95	2	100	2
				90	1,5		
		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất					
		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị*					
		Tổng cộng					**79,38**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 1: QUY MÔ DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến hết ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Đơn vị tính	Tổng dân số (người)
1	Dân số thường trú	Người	26.889
2	Dân số tạm trú quy đổi	Người	416
3	Tổng dân số	Người	27.305

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 2: CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích đất tự nhiên	**1.956,38**	**100,00**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**598,99**	**30,62**
I	***Đất dân dụng***	***405,20***	***20,71***
1	Đất ở	200,92	10,27
2	Đất công trình công cộng	76,18	3,89
3	Đất cây xanh công cộng	25,60	1,31
4	Đất giao thông đối nội	102,50	5,24
II	***Đất ngoài dân dụng***	***193,79***	***9,91***
1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	50,18	2,56
2	Giao thông đối ngoại	93,84	4,80
3	Đất cơ quan, trụ sở	15,39	0,79
4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0	0,00
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	28,13	1,44
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	5,44	0,28

7	An ninh quốc phòng	0,81	0,04
B	**Đất khác**	***1.357,39***	***69,38***
1	Đất nông nghiệp	1.259,29	64,37
2	Đất đồi chưa sử dụng	0	0,00
3	Đất bằng chưa sử dụng	0	0,00
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	98,10	5,01
5	Đất khác	0	0,00

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LÜ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 3: CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
I	**Tăng trưởng các ngành kinh tế**			
1	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra	%	90,00	
2	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt được	%	89,66	
II	**Thu nhập bình quân đầu người trên năm**			
1	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Tiên Lữ	Tr. Đồng/năm	89,00	
2	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Tr. Đồng/năm	78,00	
3	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thàn	lần	1,14	
II	**Lao động**			
1	Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế	Người	13.540	
2	Tổng số lao động làm việc trong các ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ thư	Người	10.988	
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	81,15	
III	**Tỷ lệ tăng dân số hàng năm**	%	1,00	
IV	**Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều**			
1	Tổng số hộ trên địa bàn xã	hộ	7.768	
2	Tổng số hộ nghèo	hộ	37	
3	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn	%	0,48	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 4: THỐNG KÊ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)	Chiều dài đường ống thoát nước chính (nước mưa, nước thải)	Tuyến có chiều dài đường dây, đường cáp được ngầm hóa (km)	Chiều dài các tuyến đường được chiếu sáng (km)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng cộng			**48,70**	**736850,00**	**46,68**			
I	**Cao tốc, Quốc lộ**			**2,90**	**66.700,00**	**4,06**			
1	QL.39A	11	23,00	2,90	66.700	4,06		1,74	
II	**Đường tỉnh**			**10,30**	**213.700,00**	**0**			
2	ĐT.376	11,00	38,5	3,40	130.900		x	3,40	x
3	ĐT.378	11,00	Theo hành lang đê	6,90	82.800		x		
III	**Đường trục xã**			**35,5**	**222450**	**42,62**			
1	Tuyến đường Diệt Pháp 1	3,5-5,5	3,5-5,5	2,7	12.150	5,4			x
2	Tuyến đường Diệt Pháp 2	3,5-5,5	3,5-5,5	2,8	12.600	5,6		2,8	x
3	Tuyến đường từ ĐH.83 (thôn Thụy Lôi) đến thôn Lệ Chi (cuối thôn Thụy Dương cũ)	3,5-5,5	3,5-5,5	2,9	13.050	4,06			
4	Tuyến đường từ ĐT.378 (dốc Xuôi) đến thôn Lệ Chi (cuối thôn Thụy Dương cũ)	5,5-7,5	5,5-7,5	2,7	17.550	4,32			
5	Tuyến đường liên thôn Triều Dương, Hải Yến, Lương Trụ, Thụy Lôi	3,5-5,5	3,5-5,5	3,5	15.750	4,2			
6	Tuyến đường liên thôn Lương Trụ, Hải Yến, Triều Dương	3,5-7,5	3,5-7,5	2,1	9.450	2,1		1,47	x
7	ĐT.376 cũ	7,5	7,5	2,6	23.400	5,2			
8	ĐH.82	5,5	16	0,7	4.550				
9	ĐH.83	5,5	16	2,1	13.650	2,94	x		
10	ĐH.90	5,5	16	4,2	27.300	6,72	x	4,2	x

11	ĐH.92	5,5	16	4,2	27.300		x	3,36	x
12	ĐH.93	5,5	16	2,6	16.900	2,08	x		
13	Đường nối QL.38B (cầu Quán Đỏ) với ĐT.378	11,0		2,4	28.800		x		
IV	**Đường trục thôn, xóm**	**3,5-5,5**		**52**	**234.000**				

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T. LẠNG SƠN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 5: DANH MỤC BẾN BÃI ĐỖ XE TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng cộng			
I	**Bến xe, Nhà ga, Bến cảng**			
1	Bến xe Triều Dương	thôn Diệt Pháp	13.905	
II	**Bãi đỗ xe**			
1	Bãi đỗ xe tĩnh	thôn Thuỵ Lôi	12.000	Tờ BĐ số 60
2	Bãi đỗ xe tĩnh	thôn Lệ Chi	10.000	Tờ BĐ số 56
3	Bãi đỗ xe tĩnh	thôn Lệ Chi	10.000	Tờ BĐ số 55
4	Bãi đỗ xe tĩnh	Lương Trụ	10.118	Tờ BĐ số 32
5	Bãi đỗ xe tĩnh	Lương Trụ	10.177	Tờ BĐ số 32
6	Bãi đỗ xe tĩnh	Lạc Dục	10.022	Tờ BĐ số 29
7	Bãi đỗ xe tĩnh	Lạc Dục	10.052	Tờ BĐ số 30
8	Bãi đỗ xe tĩnh	Lạc Dục	10.000	Tờ BĐ số 32,44,42
9	Bãi đỗ xe tĩnh	Lương Trụ	10.524	Tờ BĐ số 32,43
10	Bãi đỗ xe tĩnh	Hải Yến	5.627,10	Tờ BĐ số 19
11	Bãi đỗ xe tĩnh	Triều Dương	4.400	Tờ BĐ số 3
12	Bãi đỗ xe tĩnh	Diệt Pháp	6.846	Tờ BĐ số 77, 90
13	Bãi đỗ xe tĩnh	Tân Khai	2.100	Tờ BĐ số 92,93
14	Bãi đỗ xe tĩnh	Tân Khai	5.511	Tờ BĐ số 76

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 6: HIỆN TRẠNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH SINH HOẠT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực cấp nước	Quy mô dân số (Người)	Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	Ghi chú
1	Xã Tiên Lữ	27.305	25.604	93,77	110,00	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 7: HIỆN TRẠNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

I	**TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG**			
TT	**Trạm xử lý nước thải**	**Công suất trạm thiết kế (m3/ngày đêm)**	**Công suất trạm thực tế (m3/ngày đêm)**	**Ghi chú**
	Không có			
II	**TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI THEO QUY HOẠCH**			
TT	**Trạm xử lý nước thải**	**Tổng công suất thiết kế theo quy hoạch (m3/ngày đêm)**	**Ghi chú**	**Ghi chú**
	Không có			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 8: HIỆN TRẠNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng số hộ	Số hộ được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Số hộ sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1	7.768	0	0	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 9: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh (Tấn/năm)	Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (Tấn/năm)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	Tổng số hộ	Tổng số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn	Tỷ lệ số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn (%)	Ghi chú
1	6.620	5.615	84,82	7.768	4.271	54,98%	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU10: DANH MỤC NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nghĩa trang nhân dân	Địa điểm	Diện tích xây dựng theo (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Nghĩa trang Hoa Sen	thôn Thuỵ Lôi	1,30	1,36	
2	Nghĩa trang Nguyễn Ngọc	thôn Thuỵ Lôi	0,34	0,34	
3	Nghĩa trang Ao Vợt	thôn Thuỵ Lôi	0,23	0,23	
4	Nghĩa trang Lệ Chi	thôn Lệ Chi	0,98	0,98	thửa 78 tờ 54
5	Nghĩa trang Mô Cao	thôn Lệ Chi	0,57	0,57	thửa 53+64 tờ 54
6	Nghĩa trang Âm Hồn	thôn Thuỵ Dương	1,40	1,40	
7	Nghĩa trang Lương Trụ và An Lạc	thôn Lương Trụ	1,10	1,16	thửa 37 tờ 44; thửa 454 tờ 32
8	Nghĩa trang Trên Đồng	thôn Chi Thiện	0,93	0,93	thửa 421 tờ 32
9	Nghĩa trang Lạc Dục	thôn Lạc Dục	1,62	1,62	thửa 26 tờ 29; thửa 192+218 tờ 30
10	Nghĩa trang An Lạc	thôn An Lạc	0,84	1,14	thửa 352 tờ 32
11	Nghĩa trang thôn Hải Yến	thôn Hải Yến	4,32	6,22	
12	Nghĩa trang thôn Triều Dương	thôn Hải Yến	1,71	3,10	
13	Nghĩa trang Chùa Am	thôn Lam Sơn	0,33	0,54	thửa 117 tờ 77
14	Nghĩa trang Chùa Am	Thôn Diệt Pháp	0,09	0,09	Thửa 55,57, tờ 90
15	Nghĩa trang Ma đầu	Thôn Diệt Pháp	3,2	3,20	Thửa 442,392, 324, tờ bản đồ số 76
16	Nghĩa trang Ma cả	Thôn Diệt Pháp	5,80	5,80	Thửa 147,145,144, tờ 77
17	Nghĩa trang đội 9	Thôn Diệt Pháp	0,08	0,08	Thửa 10, tờ 89

18	Nghĩa trang Quán Bêu	Thôn Toàn Tiến	1,00	1,00	Thửa 11, tờ 76
19	Nghĩa trang Đường Lẽ	Thôn Tân Khai	1,40	1,40	Thửa 415, tờ số 76; thửa 6 tờ 93
20	Nghĩa trang Sau chùa Bỗ	Thôn Tân Khai	0,90	0,90	Thửa 333- 329, tờ 75
21	Nghĩa trang liệt sĩ xã Đức Thắng cũ	thôn Lương Trụ	0,18	0,04	thửa 77+73 Tờ 47
22	Đài tưởng niệm liệt sĩ Thuỵ Lôi	thôn Thuỵ Lôi	0,36		thửa 49 tờ 64
23	Nghĩa trang liệt sĩ xã Thiện Phiến cũ	thôn Tân Khai	0,29	0,29	tờ 97
	Tổng cộng		**28,96**	**32,39**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LÚ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 11: TỶ LỆ SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số ca tử vong	Người/năm	130	
2	Số ca sử dụng hình thức hỏa táng	Người/năm	75	
3	Tỷ lệ hình thức sử dụng hỏa táng	%	57,69	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 12: MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng công suất tiêu thụ điện 1 năm	kwh	29.462.095	
2	Tổng dân số	người	27.305	
3	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.079	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 13: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	hộ	7.192	
2	Tổng số hộ dân trên địa bàn	hộ	7.768	
3	Tỷ lệ số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	%	92,58	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 14: THỐNG KÊ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ dân	hộ	7.768	
2	Tổng số hộ dân cư có nhà ở kiên cố	hộ	5.554	
3	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	%	71,5	
4	Tổng dân số	hộ	27.305	
5	Tổng diện tích sàn	m2	887.413	
6	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2/người	32,50	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU15: HỆ THỐNG GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên các trường học	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
	Tổng cộng	**10**	**59.914**	
I	**Trường THCS**	1	**8.569**	
1	Trường THCS Thiện Phiến	1	8.569	
II	**Trường Tiểu học**	2	**12.515**	
1	Trường Tiểu học Thụy Lôi	1	4.313	
2	Trường Tiểu học Thiện Phiến	1	8.202	
III	**Trường Mầm non**	4	**12.665**	
1	Trường Mầm non Hải Triều	1	3.485	
2	Trường Mầm non Thiện Phiến	1	2.735	
3	Trường Mầm non Thụy Lôi	1	3.324	
4	Trường Mầm non Đức Thắng	1	3.121	
IV	**Trường Tiểu học và THCS**	2	**16.631**	
1	Trường Tiểu học và THCS Hải Triều	1	8.728	
2	Trường Tiểu học và THCS Đức Thắng	1	7.903	
V	**Trường THPT**	1	**9.535**	
1	**Trường THPT Hoàng Hoa Thám**	1	**9.535**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 16: TỔNG HỢP HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TIÊN LỮ NĂM 2025

TT	Cơ sở Y tế	Quy mô		
		Số giường	Số lượng cán bộ CNVC	Diện tích (m2)
1	**Bệnh viện đa khoa (nội suy)**	**90**	**171**	
2	**Trạm y tế Tiên Lữ**		**33**	**7.520**
2.1	Trụ sở chính Thôn Hải Tiến	0		2.827
2.2	Điểm trạm Đức Thắng Thôn An Lạc	0		2.319
2.3	Điểm trạm Thuỵ Lôi thôn Thụy Lôi	0		636
2.4	Điểm trạm Thiện Phiến thôn Diệt Pháp	0		1.738
	Tổng cộng			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 17: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
	Tổng	**43.014,6**	
I	**Công trình di tích lịch sử có giá trị được xếp hạng**	**18.729,5**	
1	Miếu Mương	3.492,2	Thôn Lam Sơn, xã Tiên Lữ
2	Nhà thờ họ Đào	969,1	Thôn Toàn Tiến, xã Tiên Lữ
3	Đền Thụy Lôi	1.488,2	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ
4	Nhà thờ họ Đoàn	1.210,0	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ
5	Đền Triều Dương	2.550,0	Thôn Triều Dương, xã Tiên Lữ
6	Chùa Triều Dương	3.720,0	Thôn Triều Dương, xã Tiên Lữ
7	Đình Hải Yến	1.540,0	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ
8	Chùa Hải Yến	2.310,0	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ
9	Đền Hải Yến	1.450,0	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ
II	**Nhà Văn hoá**	**10.717,1**	
1	Lạc Dục	884,5	Xã Tiên Lữ
2	An Lạc	722,7	Xã Tiên Lữ
3	Chỉ Thiện	595,2	Xã Tiên Lữ
4	Lương Trụ	1527,2	Xã Tiên Lữ
5	Hải Yến	987,8	Xã Tiên Lữ
6	Triều Dương	308,9	Xã Tiên Lữ
7	Lam Sơn	416,3	Xã Tiên Lữ
8	Diệt Pháp	336,63	Xã Tiên Lữ
9	Toàn Tiến	778.95	Xã Tiên Lữ
10	Tân Khai	577.03	Xã Tiên Lữ
11	Thuỵ Dương	1041,2	Xã Tiên Lữ
12	Lệ Chi	371,2	Xã Tiên Lữ
13	Thuỵ Lôi	3525,5	Xã Tiên Lữ

VI	**Công trình TDTT (sân vận động, sân bóng đá, sân chơi, sân tập luyện…)**	**13.568**	
1	Sân bóng Hoàng Minh phố Xuôi	2.750	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ
2	Sân bóng Thụy Lôi	2.875	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ
3	Sân bóng Hải Triều	4.475	Thôn Hải Triều, xã Tiên Lữ
4	Sân bóng Lương Trụ	4.231	Thôn Lương Trụ, xã Tiên Lữ
5	Sân pickerball Thụy Lôi	867	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ
6	Sân pickerball Thụy Lôi	1.120	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 18: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
1	Chợ Xuôi	1.955	
2	Siêu thị Tứ đệ	1.570	
3	Siêu thị điện máy xanh Thụy Lôi	1.280	
	Tổng	**4.805**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 19: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực	Quy mô diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng đất cây xanh	**252.993**	
I	Cây xanh sử dụng công cộng *(công viên, vườn hoa)*	168.210	
II	Đất cây xanh sử dụng hạn chế *(bao gồm đất cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình; công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng)*	48.900	
III	*Đất cây xanh chuyên dụng (bao gồm đất cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly, cây xanh cách ly Khu công nghiệp, cây xanh cách lý các cơ sở xử lý chất thải rắn, cây xanh cách ly các tuyến đường giao thông).*	35.882,31	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 20: DANH SÁCH TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tuyến phố	Số lượng	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Số lượng tuyến phố được đánh giá công nhận là tuyến phố văn minh đô thị	0		
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	0		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu			Ghi chú
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1	Miếu Mương	Thôn Lam Sơn, xã Tiên Lữ		x		
2	Nhà thờ họ Đào	Thôn Toàn Tiến, xã Tiên Lữ		x		
3	Đền Thụy Lôi	Thôn Thụy Lôi, xã Tiên Lữ		x		
4	Nhà thờ họ Đoàn	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ		x		
5	Đền Triều Dương	Thôn Triều Dương, xã Tiên Lữ			x	
6	Chùa Triều Dương	Thôn Triều Dương, xã Tiên Lữ			x	
7	Đình Hải Yến	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			x	
8	Chùa Hải Yến	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			x	
9	Đền Hải Yến	Thôn Hải Yến, xã Tiên Lữ			x	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 22: HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên Đơn vị hành chính	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị (%)	Ghi chú
1	UBND xã Tiên Lữ	12775	2930	96%	95%	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ TIÊN LỮ T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Lữ, ngày10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 23: DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC CẢI TẠO CHỈNH TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

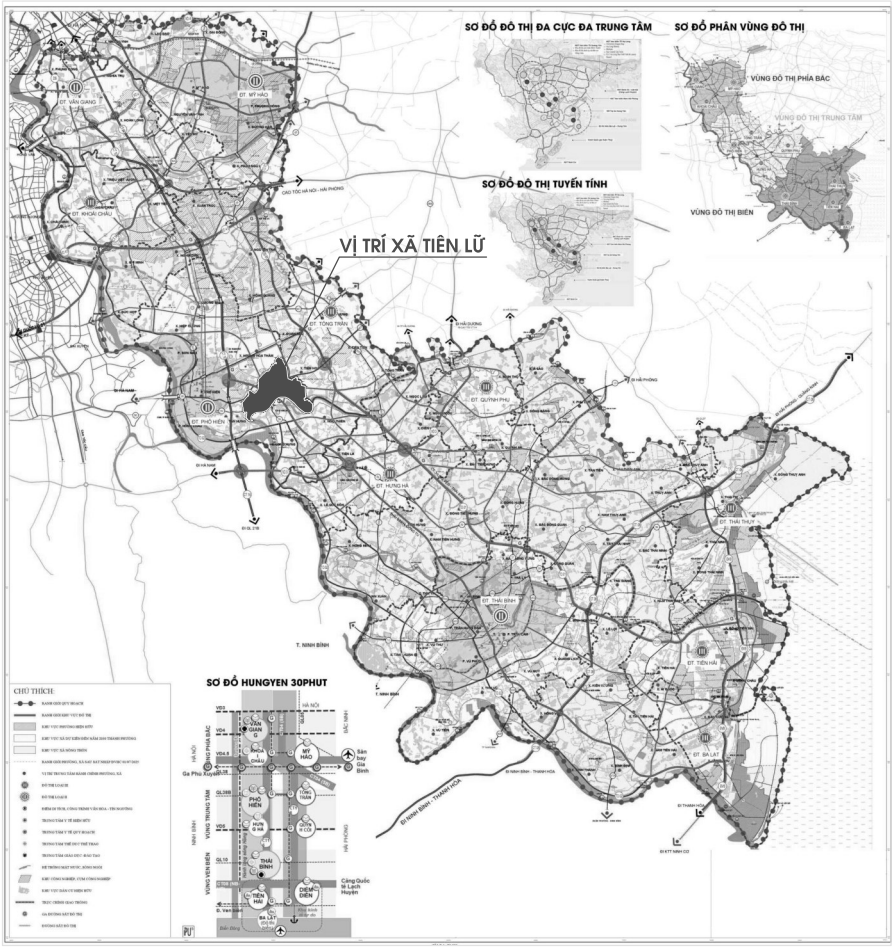
TT	Danh mục	Địa điểm	Năm cải tạo, chỉnh trang xây dựng	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (Đoạn từ đường ĐH 83 đến trường THPT-THCS Hoàng Hoa Thám và nhánh đến dốc Lệ Chi)	xã Tiên Lữ	2025	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ dốc Lệ Chi đến chợ Xuôi)	xã Tiên Lữ	2025	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ ngã ba ông Ban đi đường bối và nhà văn hóa thôn Thụy Dương).	xã Tiên Lữ	2025	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ ĐT.376 đến nhà văn hóa thôn Triều Dương)	xã Tiên Lữ	2025	
5	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn và xây dựng hệ thống điện chiếu sáng thôn Triều Dương, xã Hải Thắng	xã Tiên Lữ	2025	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cầu Bến đến cầu Tre)	xã Tiên Lữ	2025	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Chi Thiện xã Hải Thắng (đoạn từ ĐH.92 đến nhà ông Bình và từ nhà ông Tưởng đến UBND xã Hải Thắng).	xã Tiên Lữ	2025	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cửa hàng đi ĐT.376)	xã Tiên Lữ	2025	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính xã Thiện Phiến (Đoạn từ cổng làng Điếm giao với QL.39A đến khu dân cư mới giao QL.39A)	xã Tiên Lữ	2025	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

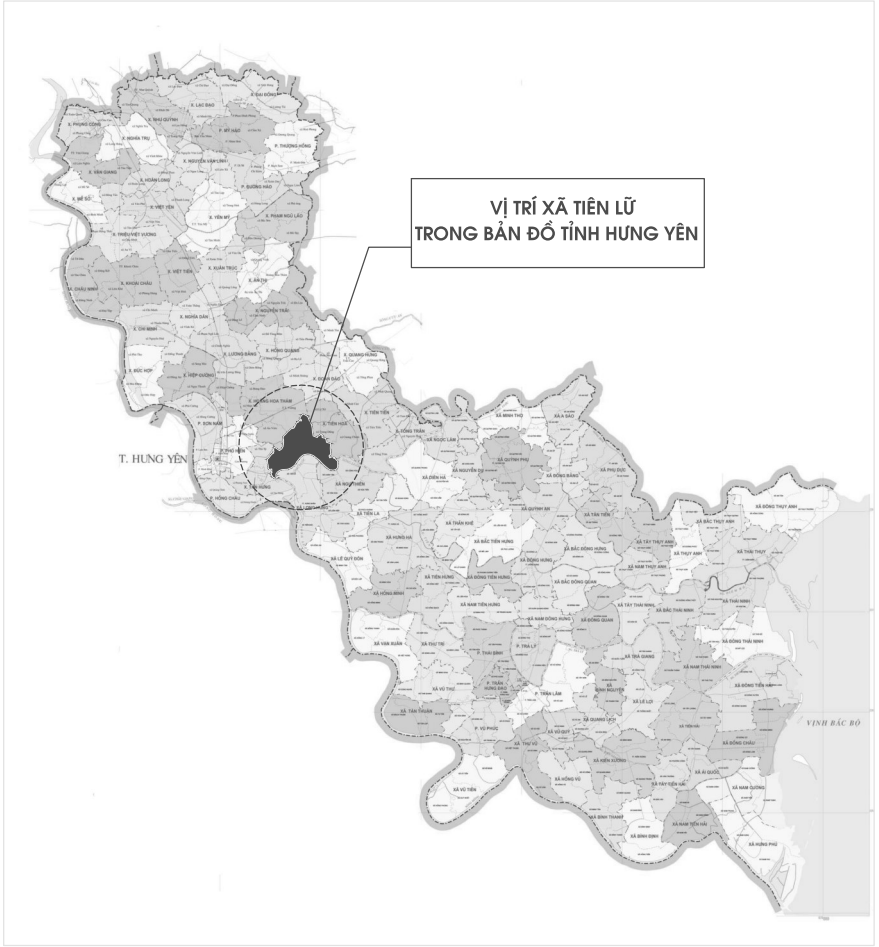
CHỦ TỊCH
BÙI TRUNG KIÊN

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

SƠ ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH HƯNG YÊN



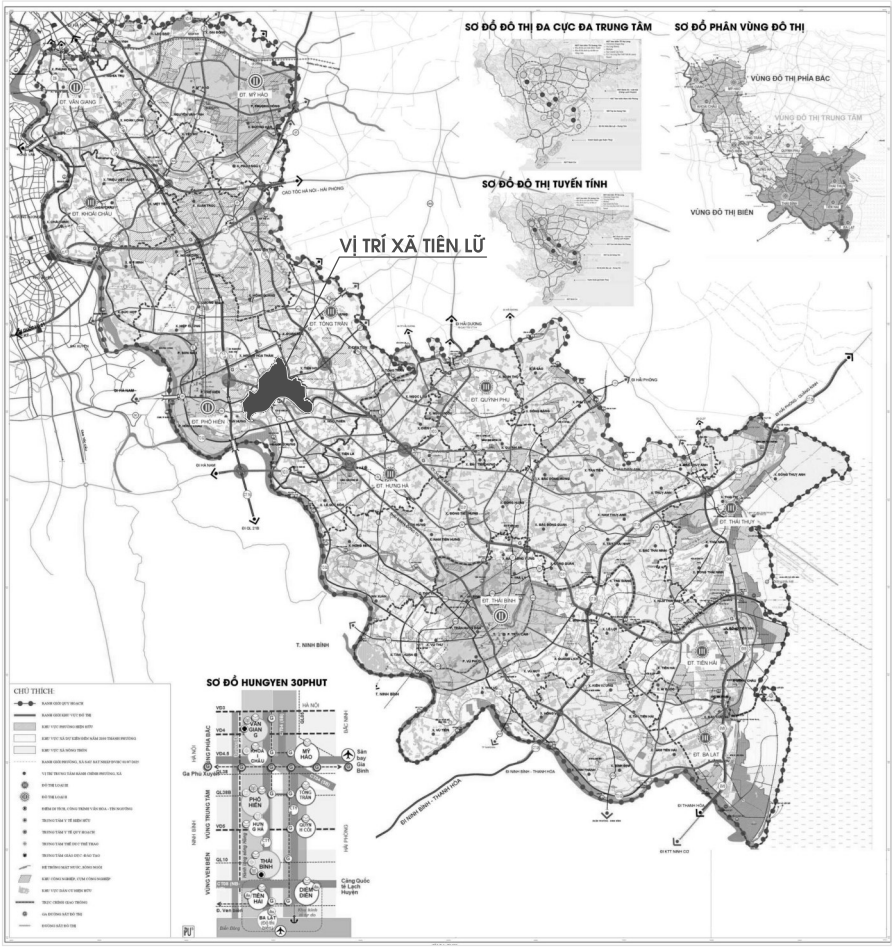
VỊ TRÍ XÃ TIÊN LỮ TRONG BẢN ĐỒ TỈNH HƯNG YÊN



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI

SƠ ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH HƯNG YÊN



VỊ TRÍ XÃ TIÊN LỮ TRONG BẢN ĐỒ TỈNH HƯNG YÊN



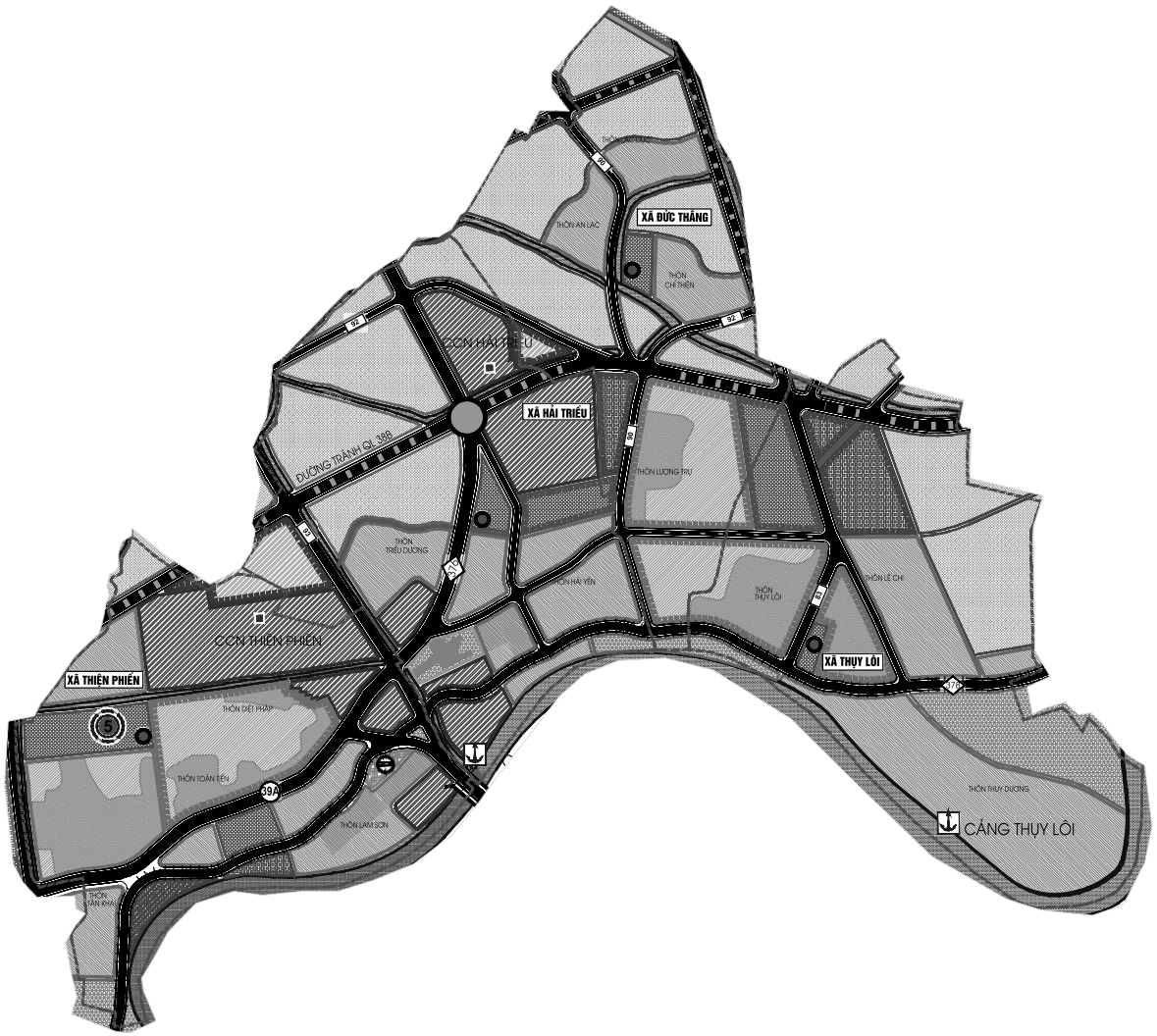
ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



KHU VỰC DÂN CƯ ĐÔ THỊ
KHU VỰC DÂN CƯ NÔNG THÔN
KHU VỰC CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG, SXKD
KHU VỰC THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
KHU TRỒNG LÚA
KHU TRỒNG CÂY LÂU NĂM
KHU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
KHU TRUNG TÂM CÔNG CỘNG
KHU TRUNG TÂM Y TẾ
KHU TRUNG TÂM VĂN HÓA
KHU TRUNG TÂM TDTT
KHU VỰC ĐẦU MỐI HTKT
KHU TẬP KẾT, XỬ LÝ RÁC THẢI
KHU NGHĨA TRANG
KHU TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
KHU AN NINH, QUỐC PHÒNG

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



VÙNG NÔNG NGHIỆP

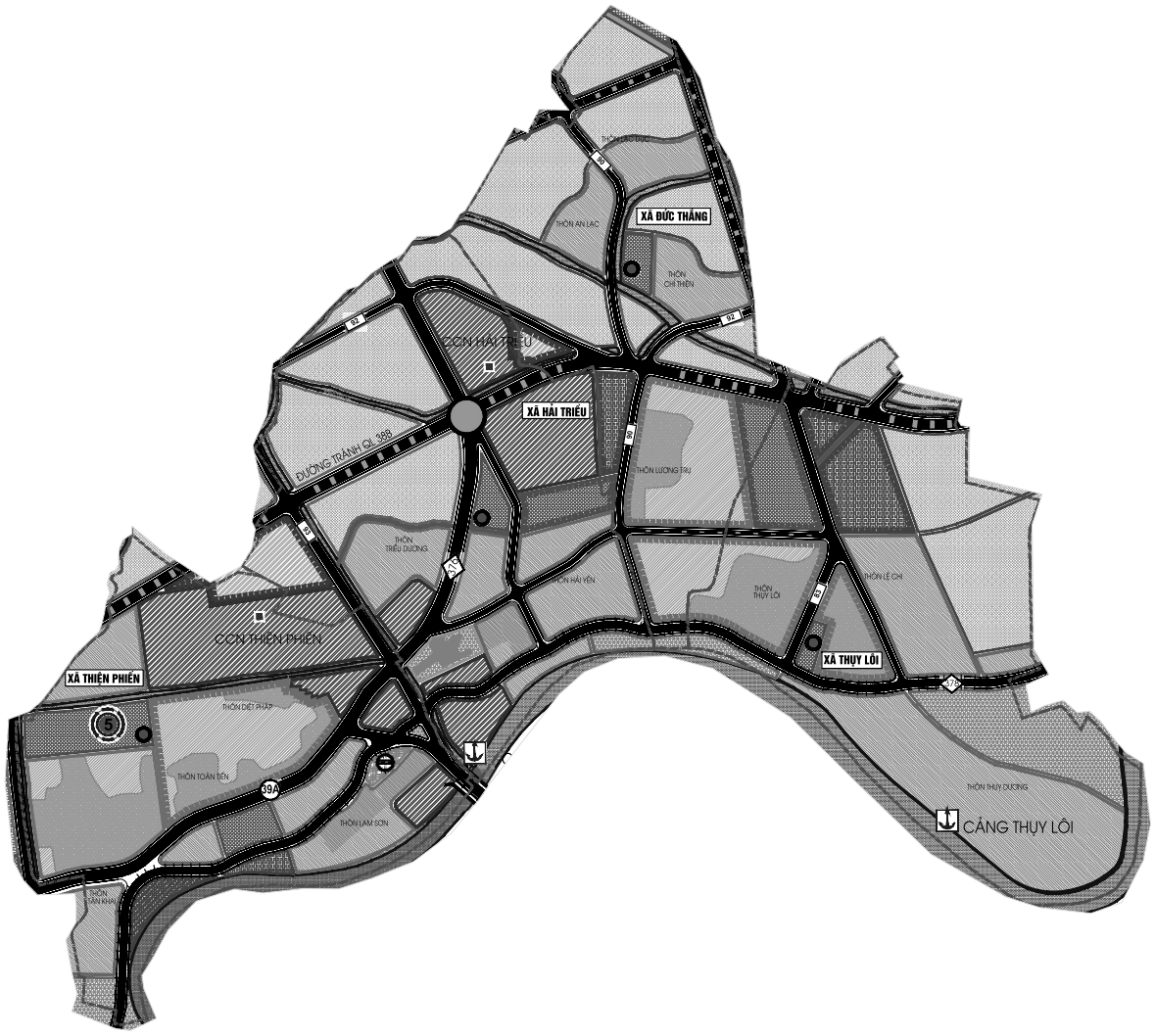
KHU VỰC XD CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG, SXKD

KHU, KHU VỰC THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

KÍ HIỆU

- ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN (LOẠI 4)
- TRUNG TÂM XÃ
- UBND HUYỆN
- UBND THỊ TRẤN
- TT DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- TT VĂN HÓA
- TT THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM Y TẾ
- TT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- NHÀ GA
- KHU THU GOM, XỬ LÝ RÁC
- BẾN XE KHÁCH
- CẢNG HÀNG HÓA
- CẦU
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- ĐƯỜNG HUYỆN LỘ
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- RANH GIỚI KHU VỰC QUY HOẠCH
- RANH GIỚI XÃ THỊ TRẤN

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN



VÙNG PHÁT TRIỂN DÂN CƯ NÔNG THÔN

VÙNG NÔNG NGHIỆP

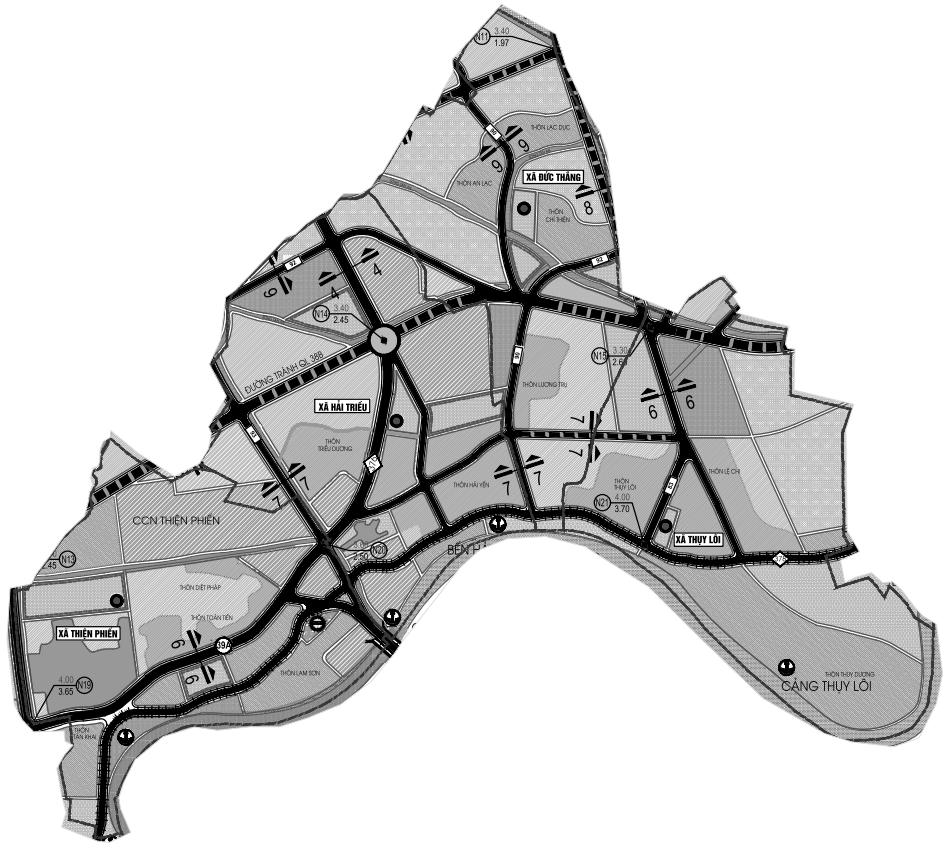
KHU VỰC XD CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG, SXKD

KHU, KHU VỰC THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

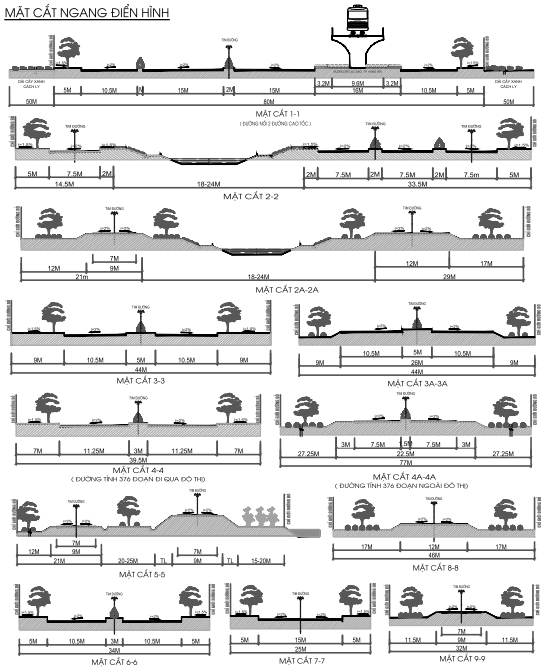
KÍ HIỆU

- ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN (LOẠI 4)
- TRUNG TÂM XÃ
- UBND HUYỆN
- UBND THỊ TRẤN
- TT DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- TT VĂN HÓA
- TT THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM Y TẾ
- TT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- NHÀ GA
- KHU THU GOM, XỬ LÝ RÁC
- BẾN XE KHÁCH
- CẢNG HÀNG HÓA
- CẦU
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- ĐƯỜNG HUYỆN LỘ
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- RANH GIỚI KHU VỰC QUY HOẠCH
- RANH GIỚI XÃ THỊ TRẤN

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



KÍ HIỆU:

HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	QUY HOẠCH ĐẾN 2030	
		ĐƯỜNG CAO TỐC
		ĐƯỜNG QUỐC LỘ
		ĐƯỜNG TỈNH LỘ
		ĐƯỜNG HUYỆN LỘ
		ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH
		ĐƯỜNG KHU VỰC
		ĐƯỜNG GIAO THÔNG DỰ ÁN
		ĐƯỜNG SẮT
		GA ĐƯỜNG SẮT
		RANH GIỚI HUYỆN
		SÔNG
		BẾN XE (S: DIỆN TÍCH BẾN XE)
		CẢNG, BẾN SÔNG
		TRUNG TÂM XÃ
		CẦU QUA SÔNG
		CẦU VƯỢT
		VỆT CẮT

4.30 / 3.93 (N26): CAO ĐỘ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH ĐẾN N26 / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG